VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

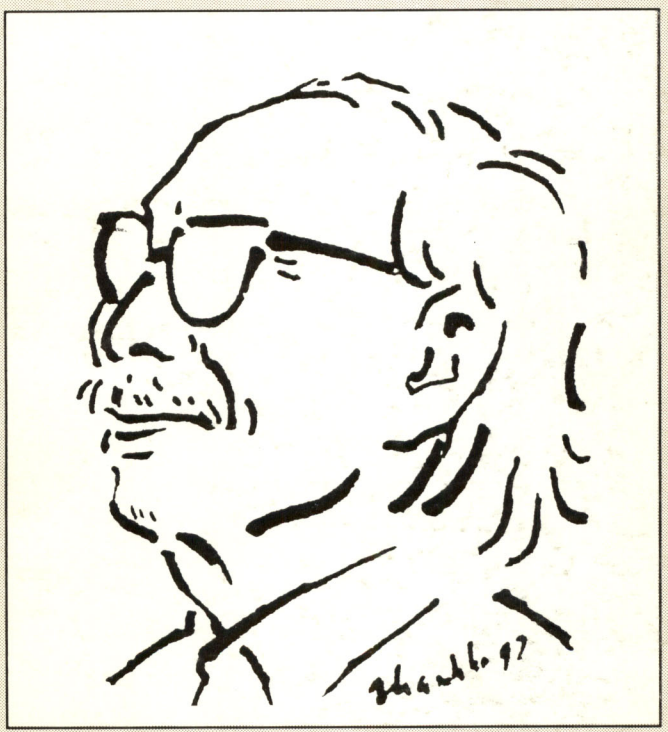

số 90 • tháng 10 năm 1993

Tưởng niệm thi sĩ Quách Tấn

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY

	THƯ TÒA SOẠN	2
NAM TRÂN	thơ đường	4
HOÀNG LIÊN	tô đông pha và nghệ thuật viết văn	15
	quách tấn,	19
	qua đôi mắt các nhà phê bình và văn hữu	19
QUÁCH TẤN	thơ	31
NGU YÊN	sáng tạo, xung quanh chữ sáng	40
VÕ PHIẾN	quách tấn	49
CHRISTA WOLF THẠCH HÃN dịch	còn lại được gì	56
NGỰ THUYẾT	bên kia sông	68
NGUYỄN NGUYÊN THANH	bi kịch tình yêu người lính trong một vài tiểu thuyết ở việt nam gần đây	80
LÝ KHÔNG MINH	kéo dây - gọi võ hồng	84
QUÁCH GIAO	đọc quyển	90
	hàn mặc tử anh tôi	90
MAI KIM NGỌC	chị em	98
	GHI NHẬN ĐÓ ĐÂY	110
	TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC	113

văn học

thư tòa soạn

Ngày 21 tháng 12 năm 1992, thi sĩ Quách Tấn qua đời tại Nha Trang, hưởng thọ 83 tuổi.

Kể từ năm 1939, năm tập thơ đầu tay "Một tấm lòng" ra đời cho đến ngày vĩnh viễn lìa đời, Quách Tấn đã âm thầm kiên nhẫn làm việc trong cô tịch và để lại cho hậu thế một di sản văn chương quan trọng.

Về thơ, ông đã cho xuất bản các tập "Một tấm lòng", "Mùa cổ điển", "Đọng bóng chiều", "Mộng Ngân sơn", "Giọt trăng". Những tập thơ chưa in có: "Tiếng vàng khô", "Nhánh lục", "Mây cổ tháp", "Mộng La phù", "Giàn hoa lý", "Trăng hoàng hôn", "Cánh chim thu", "Tràng hạt ngũ ngôn"... Thi sĩ cũng bỏ nhiều công phu dịch thơ chữ Hán của Nguyễn Du ra thơ Việt, ấn hành được tập "Tố Như thi", còn tập "Lữ Đường trích dịch" thì vẫn còn ở dạng bản thảo.

Về văn, ngoài "Trăng ma lầu Việt" và bản dịch "Nghìn lẻ một đêm" xuất bản từ thời tiền chiến, sau 1954 ông đã cho xuất bản hai cuốn địa phương chí quan trọng là "Nước non Bình Định" và "Xứ Trầm hương", cuốn "Đôi nét về Hàn Mặc Tử" và "Đời Bích Khê". Sau 1975, Quách Tấn cùng với người con trai có tài văn chương là anh Quách Giao hợp soạn hai cuốn "Nhà Tây Sơn" và "Họ Nguyễn ở Vân Sơn". Một số khá lớn công trình nghiên cứu văn học, lịch sử, hồi ký văn học của Quách Tấn chưa được in ra để phổ biến, như "Phong trào Cần Vương ở Khánh Hòa", "Việt Hán thi tuyển", "Thi pháp và Thể loại Việt Nam", "Những bức thư thơ", "Trong vườn hoa thơ"...

Tuy công trình sáng tạo và nghiên cứu của Quách Tấn đa dạng và phong phú như vậy, nhưng trong suốt nửa thế kỷ, gần như lúc nào ông cũng là một người lữ hành cô độc. Quách Tấn thân thiết với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê; nhưng trong khi thơ ba nhà thơ trẻ kia cuồng nhiệt, đam mê, quá khích đến tận cùng cảm giác, thì thơ Quách

Tấn lặng lẽ, đìu hiu, cô đọng đến tận cùng. Trong nửa thế kỷ, lịch sử ồn ào với bao nhiêu cuộc vận động chính trị, chiến tranh, nên các phong trào văn chương cũng ồn ào không kém. Thế mà trước sau như một, thơ Quách Tấn vẫn dè dặt, kín đáo, mềm mại, đôn hậu. Ngay cuộc đời đầy phong ba và những tang tóc bi thảm của gia đình Quách Tấn cũng không làm cho thơ ông đổi khác. Ông tạo một thế giới thơ riêng, vượt lên trên tất cả những tiếng la hét ầm ĩ, những thanh la não bạt chát chúa của cái chợ đời quanh ông.

Bây giờ, nửa thế kỷ biến động trôi qua như một giấc mơ, đọc lại thơ Quách Tấn, người ta mới thấy hết giá trị của một cuộc lữ hành đơn chiếc, giá trị của những "lời rất khẽ, bước rất êm" như nhận định ban đầu của Hoài Thanh về Quách Tấn trong "Thi nhân Việt Nam".

Văn Học sưu tập một số bài viết về thơ Đường và thơ Quách Tấn để các bạn đọc lâu nay xa lạ với Quách Tấn có một cái nhìn chung về thi nghiệp của ông, sau đó trích đăng một số thơ tiêu biểu của Quách Tấn. Trong phần Điểm sách, Văn Học cũng cho đăng lại bài viết của Quách Giao về cuốn "Hàn Mặc Tử, Anh tôi" của Nguyễn Bá Tín em ruột Hàn Mặc Tử, để một lần nữa minh xác một số điểm sai lầm từng gây tranh luận kéo dài nhiều năm, về ảnh hưởng của Quách Tấn đối với sự nghiệp văn chương của Hàn Mặc Tử.

Những bài viết và thơ trích nói trên dĩ nhiên không giúp bạn đọc thấy hết chiều rộng chiều sâu của một thi nghiệp trải dài nửa thế kỷ. Văn Học số này chỉ là lời dẫn nhập mời gọi bạn đọc đi vào thế giới thơ Quách Tấn. Cuộc hành trình còn lại là của các bạn!

Văn Học

CÁO LỖI

Vì Văn Học số này với chủ đề đặc biệt về cố thi sĩ Quách Tấn, nên một số bài vở, thơ và truyện ngắn của quý văn hữu Văn Học đành gác lại một kỳ.

Văn Học xin cáo lỗi cùng quý văn hữu và quý vị độc giả

VĂN HỌC

NAM TRÂN

thơ đường

Trên văn đàn Trung quốc, *Thơ Đường* chiếm một địa vị rất quan trọng. Có thể nói rằng ở Trung quốc trước kia chưa từng thấy một thời đại nào có một nền thơ ca rạng rỡ bằng đời Đường. Mặc dù bao nhiêu biến cố đã hủy hoại rất nhiều di sản văn học của nhân dân, ngày nay chúng ta cũng còn có được hơn 48.000 bài thơ của hơn 2.300 thi sĩ. Chừng ấy bài thơ còn sót lại, với nội dung phong phú và nghệ thuật trác việt cũng đủ đánh dấu thời đại hoàng kim của nền thơ ca Trung quốc và làm cho *Thơ Đường* cùng với *Kinh Thi, Sở Từ, Tống Từ* được liệt vào hàng thơ ca ưu tú nhất của nhân loại.

Suốt trong khoảng thời gian gần ba trăm năm, *Thơ Đường* gắn liền với tình hình kinh tế, chính trị và xã hội trong nước. Các nhà văn học sử Trung quốc đã chia khoảng thời gian đó làm bốn thời kỳ: 1- Sơ Đường (618-713); 2- Thịnh Đường (713-766); 3- Trung Đường (766-835); 4- Vãn đường (835-907) (1).

Sau khi nhà Tùy bị nhà Đường giành mất ngôi, một số các nhà thơ, tiếp tục phục vụ cho triều đại mới. Thơ ca của họ giữ nguyên phong cách cũ, mang nặng chủ nghĩa hình thức và thiên hẳn về việc ca tụng công đức của nhà vua. Đó là dòng thơ của *phái Cung đình* (2)

Khác với các nhà thơ thuộc *phái Cung đình*, Vương Tích tuy cũng là một cựu thần của nhà Tùy nhưng chống lại tư tưởng ràng buộc của lễ giáo phong kiến. Về sáng tác, ông cự tuyệt lời thơ ủy mị rỗng tuếch. Ông chú trọng nội dung, ghi một chuyển biến đáng kể cho *Thơ Đường* trong lúc bắt đầu chớm nở.

Đặc biệt nổi tiếng trong thời kỳ *Sơ Đường* là bốn nhà thơ trẻ mà người đời đã tặng cho danh hiệu *Sơ Đường tứ kiệt*: Dương Quýnh (650-695?), Lô Chiếu Lân, Lạc Tân Vương (640?-?) và nhất là Vương Bột (649-676). Vương Bột, mặc dù qua đời lúc hai mươi bảy tuổi, đã tỏ ra một cây bút thiên tài. Bài *Đằng Vương Các tự* của ông rất được

truyền tụng và từ lâu đã được coi như là một mẫu mực của tản văn Trung quốc về mặt hoa lệ. Không mấy ai không biết hai câu bất hủ:

Lạc hà dữ cô vụ tề phi,
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.
(Chiếc cò bay với ráng sa,
Sông thu cùng với trời xa một màu)

Tứ kiệt đã sống và thời kỳ xảy ra nhiều cuộc chinh chiến ở biên cương. Họ đã đầu quân, có dịp quan sát tận nơi và ghi lại bằng lời thơ thấm thiết cảnh sinh hoạt đau thương do chiến tranh tàn khốc tạo nên. Trước đó, đề tài thơ ca chỉ bó hẹp trong đời sống cung đình. Đến Tứ kiệt, đề tài đã mở rộng ra khá nhiều. Không những chỉ miêu tả cảnh sinh hoạt ở biên cương, họ còn nói lên lòng yêu nước chân chính của họ và nỗi uất ức trong lòng đối với sự áp bức của chế độ phong kiến. Về hình thức thơ ca, họ tiếp tục hoàn chỉnh lối thơ ngũ ngôn, viết nên nhiều bài ca trường thiên, và Vương Bột cũng đã làm thơ thất ngôn. Tuy nhiên, về hình thức thơ thất ngôn cách luật; mà ta quen gọi thất ngôn Đường luật; đến Thẩm Thuyên Kỳ và Tống Chi Vấn, thể thơ mới thật là hoàn chỉnh. Vả lại, về phong cách, Tứ kiệt chưa hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng thơ ca Lục Triều. *Thơ Đường* đang đợi chờ một cuộc cách tân lớn.

Chính Trần Tử Ngang (661-701) đã giương cao ngọn cờ cách tân đó. Cực lực bài xích thơ Tề, Lương, ông để xướng việc học tập phong cốt Kiến An. Dưới khẩu hiệu *Phục cổ*, thực chất ông chủ trương thơ ca phản ánh hiện thực. Trong sáng tác, Trần Tử Ngang hướng về nhân dân đã bắt đầu rên xiết vì ruộng đất trước kia được quân phân đã bị nhà giàu tóm thu dần, thuế khóa ngày càng thêm nặng nề, quan lại ngày càng tham bạo và chiến tranh mở rộng bờ cõi cứ tiếp diễn không ngừng. Lý luận văn học của ông đã khá vững chắc để hướng dẫn sáng tác thơ ca vào con đường mới. Con đường Trần Tử Ngang vạch ra ban đầu được Trương Cửu Linh noi theo, rồi sau đó, có cả các nhà thơ trong nhóm *Ngô trung tứ sĩ*: Hạ Tri Chương (659-744), Trương Húc, Bao Dung, Trương Nhược Hư. Mặc dầu bốn nhà thơ này, đặc biệt là Trương Nhược Hư, còn mang tính chất đối phế của văn học Lục Triều, nhưng nói chung thơ ca của họ đã rất xa lạ đối với lối thơ *Cung đình* và đã báo hiệu cho cao trào thơ ca sắp đến.

Thời kỳ Thịnh Đường bắt đầu với niên hiệu Khai Nguyên của Đường Minh Hoàng. Sinh sống trong một hoàn cảnh xã hội có một nền kinh tế cực kỳ phồn vinh, phừng phực khí thế của một quốc gia hùng mạnh, một loạt nhà thơ trẻ có thiên tài đã được đời sống xã hội

bấy giờ truyền cho một nguồn cảm hứng vô tận; chắp cánh cho ý thơ. Đó là giai đoạn huy hoàng mà Lý Bạch là người đại diện vĩ đại. Nhưng sau khi Đường Minh Hoàng làm vua được 43 năm thì xảy ra loạn An Lộc Sơn ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của nhân dân. Nhiều nhà thơ, đặc biệt là Đỗ Phủ; miêu tả xã hội Trung quốc trong giai đoạn này.

Lý Bạch (701-762) đã biết làm thơ vào lúc mới lên mười tuổi (3). Ông đọc sách rất nhiều. Hai mươi tuổi bắt đầu đi du lịch ở nhiều vùng trong nước, xúc tiếp với một số nhà thơ và với cả bọn kiếm khách, bọn đạo sĩ. Chính một đạo sĩ đã giới thiệu Lý Bạch với Đường Minh Hoàng vào năm 742. Ông liền được nhà vua trọng đãi, được Hạ Tri Chương bấy giờ đang giữ chức tể tướng mến yêu và được sung vào viện Hàn lâm. Năm 744, nhà thơ thiên tài trong lúc say rượu, viết tặng cho Dương Quý Phi ba bài *Thanh bình điệu*. Nhưng sau đó, một mặt vì chán ghét cảnh "uốn lưng, cúi mày thờ phụng bọn quyền quý" và mặt khác vì bị bọn cận thần gièm pha; ông đã vĩnh viễn rời khỏi Trường An. Bấy giờ ông bước vào cuộc đời phiêu lưu. Đến Lạc Dương, ông gặp Đỗ Phủ. Hai người kết bạn với nhau, gần gũi nhau cho đến ngày Đỗ Phủ đi Trường An. Từ đó, hai nhà thơ không gặp nhau nữa, nhưng Đỗ Phủ vẫn giữ suốt đời mối tình bạn thắm thiết. Năm Lý Bạch năm mươi lăm tuổi thì xảy ra loạn An Lộc Sơn. Đối với cuộc nổi loạn này, ông căm giận vô cùng. Năm 756, một hoàng thân tên là Lý Lân nêu cao ngọn cờ chống quân xâm lược, vời Lý Bạch đến giữ chức tham quân. Nhưng giữa Lý Lân và Túc Tông (người kế ngôi Đường Minh Hoàng) có mối bất hòa. Năm sau, quân nhà vua tiêu diệt quân của Lý Lân. Lý Lân bị giết, nhà thơ bị bắt cầm tù. Nhờ một số người che chở, ông khỏi bị khép vào tội tử hình, nhưng bị đày biệt xứ cho đến năm 759. Được trả lại tự do, Lý Bạch bấy giờ sức lực đã suy tàn. Mặc dù thế, khi nghe nói dư đảng An Lộc Sơn đang quấy nhiễu biên cương, ông xin đi đầu quân dẹp loạn. Giữa đường, ông bị bệnh phải trở về, đến sống nhờ một người bà con ở Đường Đồ (tỉnh An Huy) và mất tại đó (4).

Suốt đời, Lý Bạch ưa thích tự do và nuôi chí lớn, tự ví mình như con chim đại bàng. Tự do và chí lớn thấm nhuần hơn một nghìn bài thơ của ông, rất giàu tình người và tình yêu thiên nhiên. Người đời sau tặng ông danh hiệu *thi tiên* (ông tiên làm thơ. Ngay Đỗ Phủ cũng phục tài sáng tác của ông: "Lý Bạch là vô địch về thơ" (*Bạch dã, thi vô địch*). Lý Bạch không chịu khép tứ thơ mình vào bất kỳ khuôn khổ nào; những bài viết theo đúng niêm luật chỉ chiếm một tỉ số rất nhỏ.

Ngoài Lý Bạch, còn có những đại diện cự phách khác: Cao Thích (700-765), Sầm Than (715-770), Vương Xương Linh, Vương Chí Hoán, Thôi Hiệu, Vương Hàn v.v... Đó là *phái Cao Sầm*. Họ rất sành thơ biên tái, phản ánh tình trạng chinh chiến đương thời. Cao Thích, Sầm Than đều sở trường lối thất ngôn. Lời thơ bình dị thanh thoát, có được những tinh hoa của nhạc phủ. Vương Xương Linh đã đưa thơ thất ngôn tuyệt cú lên tới điểm đỉnh. Những bài *Cung oán, Khuê oán* gợi lên tấc lòng não nuột của người phụ nữ trong cảnh tử biệt sinh ly. Vương Chí Hoán, Vương Hàn, Thôi Hiệu là những tay lỗi lạc. Đọc những bài *Lương Châu từ, Đăng Quán Tước lâu, Hoàng Hạc lâu*, chúng ta thấy được một phần tài nghệ của họ. Riêng Thôi Hiệu, ông dùng đề tài thơ rất rộng rãi, hình thức cũng biến đổi luôn.

Một dòng thơ khác, *phái Vương Mạnh*, đại diện là Vương Duy (701-761), Mạnh Hạo Nhiên (689-740) và Trừ Quang Hy, chuyên tả bằng thơ điềm tĩnh, nhàn nhã những cảnh điền viên, nơi họ tìm đến để tu dưỡng cái chí của mình. Mạnh Hạo Nhiên suốt đời không chịu ra làm quan đã tỏ ra cao khiết, được cả Lý Bạch tán dương: "Ta yêu Mạnh phu tử, phong lưu tiếng lẫy lừng" (Ngô ái Mạnh phu tử, phong lưu thiên hạ văn). Sự tu dưỡng đó có lẽ ban đầu cũng thích hợp phần nào với tình cảnh của mỗi người, nhưng vì chịu ảnh hưởng ngày thêm sâu sắc của giáo lý nhà Phật hoặc của tư tưởng Lão Trang, họ đi đến chỗ bi quan tiêu cực, tự tách mình ra khỏi dời sống xã hội. Về phương diện nghệ thuật, họ đã đạt tới mức rất cao, nhất là Vương Duy mà Tô Thức đã từng khen "trong thơ có họa, trong họa có thơ". Lối thơ sơn thủy của Vương Duy về sau được nhiều người học tập.

Trong lúc thịnh thời của thơ ca Lý Bạch, ngay đến cả những nhà thơ như Lý Kỳ, lúc đầu cũng chịu ảnh hưởng. Nhưng vì đời sống trở nên khó khăn, họ đã xúc tiếp với những người dân nghèo. Nhờ đó, họ đã rõ hơn những mâu thuẫn xã hội sâu sắc. Trên đà phát triển đó sẽ chói ngời trong tác phẩm của Đỗ Phủ, một nhà thơ vĩ đại, danh tiếng vang lừng, ngang với Lý Bạch.

Cuộc đời của *Đỗ Phủ* (712-770) là một tấn bi kịch. Xuất thân từ một gia đình quan lại nhỏ, thuở bé ông rất chăm học và đã làm được thơ. Để gây thanh thế cho mình trước khi bước lên vũ đài chính trị, năm hai mươi tuổi, ông đi du lịch đến những vùng thuộc hai tỉnh Chiết Giang, Giang Tô hiện nay. Năm hai mươi bốn tuổi, thi tiến sĩ ở Lạc Dương, không đỗ. Mười hai năm sau, khi Đường Minh Hoàng mở khoa thi đặc biệt lấy thêm nhân tài, Đỗ Phủ lại ứng thí. Nhưng tể tướng Lý Lâm Phủ đánh hỏng tất cả các thí sinh để khoe rằng y đã sáng suốt

tận dụng nhân tài cho nên không còn sót lại một ai. Không chỗ nương tựa, nhà thơ sống cuộc đời lang thang ở Trường An ít lâu rồi đi nơi khác. Hai năm sau, vào đầu xuân 751, ông trở lại Trường An và dâng lên vua bài *Tam đại lễ phú* nhân dịp Đường Minh Hoàng tổ chức ba cuộc lễ lớn. Tuy bài phú đó được nhà vua tán thưởng nhưng ông chỉ được ghi tên vào viện Tập Hiền, chờ dịp bổ nhiệm. Quá cùng cực, Đỗ Phủ lại đi lang thang. Mãi đến năm 755 ông mới được bổ đi giữ một chức quan nhỏ. Ông xin phép về thăm gia đình. Về đến nơi mới biết người con nhỏ của ông đã chết đói! Liền sau đó, An Lộc Sơn nổi loạn, tiến quân đánh chiếm Trường An. Bấy giờ, Lý Hành, con của Đường Minh Hoàng lên ngôi ở Linh Vũ, hiệu là Túc Tông. Đỗ Phủ len lỏi đi tìm Túc Tông nhưng giữa đường bị loạn quân bắt về Trường An. Ông trốn thoát, lại đi tìm Túc Tông và được bổ làm tả thập di, một chức quan nhỏ có nhiệm vụ can gián nhà vua. Chẳng bao lâu, vì bênh vực tướng Phòng Quán hai lần bị loạn quân đánh bại, Đỗ Phủ bị huyền chức và được phép đi tìm gia đình đang lưu lạc ở miền đông bắc. Khi thủ đô Trường An được khôi phục, ông trở lại nhận chức cũ nhưng bị bọn đình thần công kích, ông bị giáng chức, đổi đi Hoa Châu. Năm 759, gặp lúc đại hạn, ông từ bỏ chức quan, cùng với gia đình tìm đến tạm trú ở huyện Đồng Cốc, hái hạt dẻ ăn thay cơm rồi đi dần đến Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên. Hai năm sau lại phải chạy loạn. Năm 764, một người bạn thân của nhà thơ, là Nghiêm Vũ, đến giữ chức tổng đốc tỉnh Tứ Xuyên, ông được vời tới giúp việc. Năm 765, Nghiêm Vũ chết, Đỗ Phủ trở lại cuộc đời lưu lãng, đi hết châu (huyện) này đến châu khác và đến năm 770 thì mất trên một chiếc thuyền rách nát từ Đàm Châu trẩy Nhạc Dương.

Đời sống cơ hàn của Đỗ Phủ và của người dân Trung quốc qua những năm loạn lạc là một kho đề tài vô tận được thể hiện trong ngót 1.400 bài thơ của ông, trong đó có hàng trăm bài kiệt tác. Đó là những mẫu mực của thơ ca phê phán đời sống xã hội về sau được Bạch Cư Dị và *phái Tân nhạc phủ* noi theo. Với Đỗ Phủ, kết thúc thời kỳ Thịnh Đường (5).

Sau loạn An Lộc Sơn, tình hình trong nước tuy bề ngoài có vẻ yên ổn, nhưng bên trong đã suy yếu nhiều rồi. Ruộng đất hoang tàn, nhân dân chết chóc rất nhiều. Giai cấp thống trị ngày càng lục đục với nhau. Các dị tộc Thổ Phồn, Hồi Ngột, Nam Chiếu, duồng gió bẻ măng, dấy binh đánh vào đất Trung quốc rồi đánh thẳng tới thủ đô. Nhân dân thật là khốn khổ.

Điều đặc biệt là trong khoảng thời gian này xuất hiện hàng nghìn

nhà thơ, trong số đó, đáng kể nhất là Nguyên Kết (723-772), Cố Huống, Nhung Dục, Vi Ứng Vật (735-830) và Lưu Trường Khanh (709-780). Ba nhà thơ trên, cùng kế thừa tinh thần phê phán của Đỗ Phủ, miêu tả nỗi thống khổ của quần chúng nhân dân. Hai nhà thơ sau tuy không xa lạ gì đối với mối thương tâm của xã hội, nhưng vì thuộc tầng lớp trên, họ có thái độ tiêu cực, thiên hẳn về sáng tác loại thơ đền viên ẩn dật. Đó là *phái Vi Lưu*, chịu ảnh hưởng của *phái Vương Mạnh* ngày trước.

Mười nhà thơ khác cùng nổi tiếng một thời dưới danh hiệu "Mười nhà tài tử dưới triều Đại Lịch" (*Đại Lịch thập tài tử*) (6). Nói chung, trừ Lý Ích ra, thơ ca của họ không phản ánh được sâu sắc xã hội đương thời vì họ chú trọng hình thức hơn nội dung. Lý Ích có một số bài thơ thất tuyệt rất hay, không kém thơ của Lý Bạch hoặc của Vương Xương Linh về loại thể này, mãi về sau còn được truyền tụng.

Chiếc cầu nối ngang giữa Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị là Trương Tịch (765-830) người đã nhận thức rõ rằng văn học đương thời phải miêu tả đau khổ của dân sinh, phải có thái độ nghiêm túc, không thể rên hão khóc vờ, nói những chuyện bịa đặt; càng không thể tự coi như một thứ trò chơi. Thơ ông được lòng thương xót đối với những người góa bụa, những trẻ mồ côi, nạn nhân của thời ly loạn. Ông là nhà thơ đầu tiên nêu lên sự bất công của xã hội đối với phụ nữ, và cũng là nhà thơ đầu tiên đả kích bọn con buôn đầu cơ trục lợi. Tên tuổi của Trương Tịch gắn liền với tên tuổi của Vương Kiến (751-835?). Cả hai đều nổi tiếng về thơ nhạc phủ sáng tác trước hoặc trong phong trào *Tân nhạc phủ* do Bạch Cư Dị đứng đầu.

Bạch Cư Dị (772-846), lúc còn bé, đã tỏ ra rất thông minh và rất ham học. Lớn lên, ông đi theo cha và anh bấy giờ đang giữ những chức quan nhỏ ở miền Giang Nam. Đây là thời kỳ ông có dịp đi chơi ở nhiều nơi. Hai mươi bảy tuổi đỗ tiến sĩ, hai mươi chín tuổi đỗ bạt tụy, rồi sau đó đỗ cả chế khoa, kỳ thi do chính nhà vua làm chủ khảo. Về đời làm quan của ông, chúng ta có thể tóm tắt rất ngắn gọn như sau: ba mươi bốn tuổi, làm huyện úy Chu Chí, ba mươi lăm tuổi giữ chức hàn lâm học sĩ ở Trường An, năm sau làm tả thập di, ba mươi chín tuổi về để tang mẹ ba năm, năm 814, trở lại Trường An nhưng lần này bị bọn cận thần gạt ra khỏi vòng ngôn luận, chỉ được giao cho nhiệm vụ dạy dỗ thái tử. Năm 815, vì đòi trị tội bọn hoạn quan lộng quyền cố kết với nhau sát hại đình thần, ông bị giáng chức, đổi đi làm tư mã Giang Châu. Năm 819, ông được bổ làm thứ sử Trung Châu rồi chuyển sang Hàng Châu, Tô Châu. Từ năm 827 trở đi, ông giữ những chức vụ ít

liên quan đến chính trị, như dạy dỗ thái tử, cho đến năm 845. Về hưu được một năm, ông qua đời ở Lạc Dương, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi.

Bạch Cư Dị sáng tác hơn 2.800 bài thơ mà tự ông chia ra làm bốn loại: *phúng dụ, nhàn thích, cảm thương* và *tạp luật*. Cả bốn loại đều có những bài hay, ví như loại cảm thương có hai bài kiệt tác là *Tỳ bà hành* và *Trường hận ca*. Nhưng tác giả coi trọng loại *phúng dụ* hơn vì nó phản ánh toàn diện và sâu sắc bộ mặt của thời đại. Bạch Cư Dị cũng là một nhà thơ rất lớn nhưng thơ ông chưa đạt được chiều sâu trong thơ Đỗ Phủ và chiều cao trong thơ Lý Bạch. Tuy nhiên, về đề tài, thơ ông bao quát một phạm vi rộng lớn hơn hai bậc đàn anh, và về ngôn ngữ, ông đã đạt đến mức cực kỳ trong sáng. Ông vừa là một nhà thơ, vừa là một nhà lý luận thơ ca và đã cùng với nhà thơ Nguyên Chẩn (779-831), người bạn tâm đầu ý hợp của ông, tổng kết những kinh nghiệm sáng tác có từ *Kinh Thi* và vạch ra cương lĩnh cho phong trào *Tân nhạc phủ*.

Chung quanh Bạch Cư Dị, ngoài Vương Tịch, Vương Kiến và Nguyên Chẩn còn có Lý Thân, một nhà thơ có tài. Tiếc rằng những bài nhạc phủ của ông đều bị thất lạc, chỉ còn lại một vài bài.

Song song với *nhóm Tân nhạc phủ* của Bạch Cư Dị, là *nhóm Hàn Mạnh* do Hàn Dũ (768-824), Mạnh Giao (751-814) cầm đầu. Họ cũng phản ánh sâu sắc tình cảnh cơ cực của nhân dân nhưng khác hẳn với nhóm Bạch Cư Dị chủ trương thơ ca phải bình dị để mọi người đều hiểu, *nhóm Hàn Mạnh* đề xướng một lối thơ cao kỳ bí hiểm, vứt bỏ những chữ đã mòn, thay thế bằng những chữ mới, tạo nên những câu lạ lùng, tìm kiếm những tứ thơ đột ngột. Hàn Dũ còn chủ trương phối hợp thơ ca và văn xuôi, do đó đã sáng tác một số bài thơ không đạt. Tuy nhiên, *nhóm Hàn Mạnh* cũng có những tác phẩm rất hay, phong cách độc đáo. Ngoài những điểm giống nhau, giữa Hàn Dũ và Mạnh Giao có những khía cạnh khác nhau. Đặc sắc lớn nhất của Hàn Dũ là khí phách hùng hồn, hơi thơ mạnh mẽ; Mạnh Giao chuyên đi thật sâu vào cảm nghĩ của mình, hơi thơ có phần tẻ lạnh. Cùng ở trong thi phái Hàn Mạnh còn có Giả Đảo (779-843), một nhà sư hoàn tục nổi tiếng về lối "thôi xao" từng chữ trong câu thơ (7). Thơ ông giống thơ của Mạnh Giao. Người đời thường gọi Giao lạnh, Đảo gầy (Giao hàn, Đảo sấu). Ngoài ra nhóm này còn có Lô Đồng, Mã Dị, Lưu Xoa; cả ba đều không xuất sắc lắm.

Hai nhà thơ, Lưu Vũ Tích (772-842) và Liễu Tông Nguyên (773-819) thường hay dùng lối thơ ngụ ngôn để đả kích bọn quan lại.

Lưu Vũ Tích rất sở trường lối thơ hoài cổ và dân ca. Liễu Tông Nguyên đặc biệt quan tâm đến nhân dân tầng lớp dưới, hay tả cuộc đời lao động lam lũ ở nông thôn. Thơ sơn thủy của ông, khác hẳn thơ của *phái Vương Mạnh*, chứa đựng mâu thuẫn và thống khổ của nội tâm, tỏ thái độ tích cực về cuộc sống.

Một tác giả có biệt tài, tuy không thuộc *nhóm Hàn Mạnh* nhưng chịu ảnh hưởng của nhóm này, là Lý Hạ (790-816), một nhà thơ trữ tình vào bậc nhất. Tứ thơ của ông toát lên nỗi uất ức rất sâu sắc của bản thân ông, cả một thời trẻ trung bị chế độ bất công đè nén, và qua đó, chúng ta thấy được nỗi thống khổ của cả tầng lớp thanh niên bị áp bức. Đồng thời ông đả kích những thói hoang dâm tàn bạo của bọn vua quan. Ông có một phong cách độc đáo, tân kỳ, thích dùng phương pháp tượng trưng. Hơi thơ bi hùng dễ làm cho người đọc thấm thía. Lý Hạ là nhà thơ cuối cùng của *thời kỳ Trung Đường* (8).

Với *thời kỳ Văn Đường*, xã hội Trung quốc bước vào một giai đoạn đen tối vì bọn thống trị đua nhau ăn chơi đàng điếm và thẳng tay bóc lột nhân dân. Cuối cùng, cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào đã đánh vào bọn chúng một đòn trí mạng. Cuộc khởi nghĩa này tuy bị thất bại, nhưng sau đó, đời Đường cũng chỉ sống thoi thóp thêm mười năm nữa.

Kế thừa và phát triển đường lối văn học của Bạch Cư Dị, và Nguyên Chẩn, Bì Nhật Hưu (833-883) chủ trương văn học phải có giá trị nhận thức, qua văn học phải thấy nỗi đau khổ của nhân dân và thấy cả bộ mặt của xã hội. Chống lại một số người viết nhạc phủ càng ngày càng đi chệch hướng, ông viết tập *chính nhạc phủ* gắn liền với thời cục. Tập *Tam tu thi* của ông tả lại những cảnh khốn cùng của nhân dân mà ông đã thấy tận mắt, nhất là vụ đói năm 886 ở hữu ngạn sông Hoài, cha bỏ con, chồng lìa vợ, lang thang đi xin ăn, sớm còn, chiều chết. Không thể dung túng một chính quyền quá ư hủ bại, ông gia nhập vào đội quân khởi nghĩa của Hoàng Sào và mất tích sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại.

Cùng một dòng thơ với Bì Nhật Hưu, có Đỗ Tuân Hạc (846-904), Nhiếp Di Trung (837-?), Vu Phần, Tào Nghiệp, La Ẩn, Tư Mã Lê, Trần Thao Ngọc v.v... tất cả đều lên án cái triều đại đang lăn xuống vực thẳm. Hai nhà thơ tương đối lớn hơn là Đỗ Tuân Hạc và Nhiếp Di Trung. Thơ của Đỗ Tuân Hạc phản ánh tình hình xã hội sau cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào. Bấy giờ bọn quân phiệt nổi lên như ong, hoành hành ở Giang Nam, giữa lúc kinh tế nông thôn bị phá sản. Vào lúc này, bọn quan lại dùng đống xương tàn của nhân dân làm nấc thang bước lên tước vị. Nhiếp Di Trung diễn tả cảnh khốn cùng của nhà nông quanh

năm ăn vay, thóc chưa về nhà, tơ ươm chưa xong đã thuộc vào tay người khác. Dòng thơ hiện thực *thời kỳ Vãn Đường* không xuất sắc về mặt kỹ thuật, nhưng nội dung tư tưởng tiến bộ đã gây được ảnh hưởng đối với đời sau.

Dòng thơ tâm tình xuất hiện với ba nhà thơ noi theo con đường sáng tác của các bậc tiền bối, nhất là của Lý Hạ: Đỗ Mục (803-853), Lý Thương Ẩn (813- 858) và Ôn Đình Quân (812-870). Về mặt chính trị, xuất phát từ lòng yêu nước, họ đã nuôi hy vọng khôi phục lại buổi thịnh thời. Nhưng ngày càng thất vọng, họ tìm nguồn cảm hứng cho thơ ca trong tình yêu. Đỗ Mục là một người rất tài hoa. Thơ ông thuộc về nhiều loại: tả cảnh, ngôn tình, tự sự. Cấu tứ chặt chẽ, hình tượng trong sáng, lời thơ bình dị, âm điệu du dương, bấy nhiêu đức tính đã đưa nhiều bài thơ tứ tuyệt lên đến đỉnh cao của nghệ thuật. Đối với Lý Hạ, Đỗ Mục tiếp thu phần tinh hoa, phần tích cực và phê bình những tác phẩm thiếu nội dung.

Tình yêu quán triệt trong tất cả các bài thơ *Vô đề* và một số bài thơ khác của Lý Thương Ẩn. Ông chủ yếu là một nhà thơ trữ tình. Vì không biết rõ những cuộc tình duyên thầm kín của nhà thơ (có người bảo đây là những cuộc dan díu với các cung nữ), ngày nay chúng ta khó đoán biết những ai là đối tượng miêu tả trong các bài *Vô đề* đó. Một số bài thơ của Lý Thương Ẩn đã được truyền tụng. Cùng nổi tiếng với Lý Thương Ẩn là Ôn Đình Quân, người sáng tác *từ* (9) trứ danh, có ảnh hưởng rất lớn với phong trào thơ ca đời Tống. Sau Ôn Đình Quân, còn có Vi Trang mà nghệ thuật khá cao về xây dựng hình tượng và trau dồi ngôn ngữ (10).

Trên đây chúng tôi đã giới thiệu một cách rất sơ lược những nhà thơ chính và các phong trào sáng tác thơ ca đời Đường. "*Cái điều có thể nhận thấy một cách rõ rệt là: Sơ Đường phần nhiều hay về khí cốt, nhưng lối dùng chữ đặt câu chưa được chải chuốt cho lắm, Vãn Đường giỏi về từ tảo, lời rất đẹp, ý tứ rất sâu sắc, nhưng lại thiếu phần hùng hồn. Duy có Thịnh Đường ở giữa hai thời kỳ ấy, cho nên chẳng những không có cái dở của hai thời kỳ kia, mà còn có cái hay của hai thời kỳ ấy nữa. Đó là nói nội trong một nhà Đường mà thôi. Nếu đem so sánh với các đời khác, thì dù là Sơ Đường, dù là Vãn Đường cũng còn đứng trên tác phẩm đời trước và đời sau nhiều lắm*" (*Ngô Tất Tố*).

Đặc sắc nhất của *Thơ Đường* là nội dung cực kỳ phong phú phản ánh rộng rãi các mặt sinh hoạt xã hội, khác hẳn với thơ ca Lục Triều chỉ bó hẹp trong một số đề tài liên quan với lối ăn chơi xa xỉ của vua quan. Thời Lục Triều chỉ có Tả Tư, Đào Tiềm, Bão Chiếu là người

xuất thân xúc tiếp nhiều với các tầng lớp nghèo và do đó thơ ca của họ đã miêu tả được cái hiện thực của thời đại. Đến đời Đường, ngoài một số ít nhà thơ con nhà thế tộc, đông dảo các nhà thơ đều là con cái của những người bị áp bức. Nhờ có đi học và thi đỗ, họ đã bước lên vũ đài chính trị. Sống trong một thời đại yêu chuộng văn học, yêu chuộng thơ ca, phần đông những kẻ sĩ đời Đường đều là những nhà thơ. Tác phẩm của họ dần dần đi sâu vào quần chúng, tác động đến cả những người không hề có ý nghĩ dùng thơ ca làm con đường tiến thủ. Vì vậy không nên lấy làm lạ, khi đọc *Thơ Đường*, ta bắt gặp những tác phẩm của những người cùng khổ, của những nhà sư, đạo sĩ, kỹ nữ... và của những nhà lãnh đạo các phong trào khởi nghĩa. *Thơ Đường* nhờ đó, đã trở nên phong phú, chẳng những về nội dung mà cả về kỹ thuật nữa.

Ảnh hưởng *Thơ Đường* đối với văn học các thời đại sau thật là to tát; không những riêng ở Trung quốc mà chung cho cả các nước "đồng văn". Ở nước ta kể từ đời Lý đến nay, thơ ca chữ Hán không phải là ít và cũng đã có những thành tựu to lớn.

Truyền thống sáng tác *Thơ Đường* ở Việt Nam đã có từ nghìn năm nay. Qua các triều đại, chế độ khoa cử đã thúc đẩy sáng tác thơ ca bằng chữ Hán, một môn quan trọng trong chương trình thi. Năm 1919, chế độ khoa cử đã kết liễu trong toàn quốc, nhưng Hán học vẫn còn sống sót độ vài mươi năm nữa. Do đó, số người làm thơ chữ Hán "Đường luật" đến nay cũng vẫn còn.

Hơn nữa, đến đời Trần, ngôn ngữ Việt Nam đã phát triển tới một trình độ khá cao. Song song với thơ chữ Hán, xuất hiện thơ tiếng Việt cũng viết theo Đường luật. Thơ cách luật một khi chớm nở đã phát triển không ngừng, ghi được những thành tích rất lớn với thơ Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Nguyễn Khuyến... Mãi đến ngày nay, trên mặt báo vẫn còn tồn tại thơ "Đường luật", mặc dầu nó không còn là dòng thơ chính.

Nam Trân

---

(1) Vương Sĩ Trinh nhà Thanh chỉ chia làm ba thời kỳ. Ông bỏ thời kỳ Trung Đường và lấy khoảng đời Nguyên Hòa (806-820) làm chỗ giới hạn của hai thời kỳ Thịnh Đường và Văn Đường. Như vậy, Lưu Tích Vũ, Liễu Tông Nguyên đều thuộc về Văn Đường (Chú thích theo Ngô Tất Tố).

(2) Thuộc về phái Cung đình, có Ngu Thế Nam, Dương Tư Đạo và về sau còn có Thượng Quan Nghi, Thẩm Thuyên Kỳ, Tống Chi Vấn và bốn nhà thơ trong nhóm Văn chương tử hữu: Lý Kiệu, Tôo Đại Vị, Thôi Dung và Đỗ Thẩm Ngôn.

(3) Trong bài này chúng tôi nói tương đối nhiều về tiểu sử Lý Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị để tiện cho bạn đọc theo dõi những biến chuyển về tư tưởng của ba nhà thơ đó thể hiện trong những bài thơ sáng tác ở những đoạn đời khác nhau.

(4) Câu chuyện được truyền tụng xưa nay rằng "Lý Bạch say rượu nhảy xuống sông ôm mặt trăng, chẳng may bị sóng cuốn đi", chỉ là một thuyết không căn cứ.

(5) Trong số các nhà thơ Thịnh Đường còn có: Trương Duyệt, Từ An Trinh, Vương Loan, Thường Kiến, Thôi Quốc Phụ, Giả Chí, Trương Vị, Trương Kế, Lưu Phương Bình v.v...

(6) Theo pTân Đường thư bản nghệ truyện, Đại Lịch thập tài tử là Lư Luân, Cát Trung Phu, Hàn Hoành, Tiền Khởi, Tư Không Thự, Miêu Phát, Thôi Động, Cảnh Vỹ, Hạ Hầu Thẩm và Lý Đoan. Theo Giang lân kỷ tạp chí, bảng trên này không có tên Hàn Hoành, Thôi Động, Hạ Hầu Thẩm mà lại có Lang Sĩ Nguyên, Lý Ích và Lý Gia Hựu.

(7) Một hôm Giả Đảo cưỡi ngựa về Trường An. Ông đang bận nghĩ đến hai câu thơ vừa mới sáng tác: Điểu túc trì biên thụ; Tăng thôi nguyệt hạ môn (Chim ngủ ở cây bờ ao; Nhà sư đẩy cửa dưới trăng). Giả Đảo phân vân chưa biết nên để chữ "thôi" (đẩy cửa) hay chữ "xao" (gõ cửa). Ông bèn buông cương ngựa huơ tay bắt chước nhà sư lúc đẩy cửa, lúc gõ cửa. Con ngựa đi vào đám quân của một ông quan đang đi kinh lý. Quân lính bắt người cưỡi ngựa có vẻ ngông cuồng kia đem nạp quan. Ma quá, ông quan này chính là Hàn Dũ, Giả Đảo tỏ bày sự thực; Hàn Dũ góp ý rằng nên dùng chữ "xao" (gõ), có lẽ vì gõ cửa gợi lên một hình tượng về âm thanh. Người đời sau hay dùng chữ "thôi xao" với ý nghĩa là cân nhắc từng chữ để sửa chữa bài thơ, bài văn cho tốt.

(8)Trong số các nhà thơ Trung Đường còn có: Đới Thúc Luân, Lệnh Hồ Sở, Thôi Hộ, Trương Bích, Lý Thiệp, Lý Ước, Chu Khánh Dư, Đỗ Thu Nương v.v...

(9) Từ là loại thơ câu dài câu ngắn không đều nhau, có thể phổ vào nhạc.

(10) Trong số các nhà thơ Văn Đường còn có Trịnh Cốc, Trương Hựu, Triệu Hổ, Thôi Lỗ, Hứa Hồn, Hoàng Sào, Vương Giá, Trần Ngọc Lan, Tào Đường, Tăng Linh Nhất, Kim Xương Tự, Hàn Ác v.v...

HOÀNG LIÊN

tô đông pha và nghệ thuật viết văn

Trong văn học sử Trung quốc, từ đời Đường đến hết đời Tống, trong 7 thế kỷ (từ thế kỷ thứ 7 đến cuối thế kỷ thứ 13), có tám văn hào lớn được gọi là Đường Tống bát đại gia. Đó là Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên (Đường), Âu Dương Tu, Vương An Thạch, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt và Tăng Củng (Tống).

Tô Thức (1036-1101), tự Tử Chiêm, hiệu Đông Pha, không phải là sử gia hay tiểu thuyết gia. Ông chuyên làm thơ, phú và viết những bài tản văn ngắn. Theo học giả Nguyễn Hiến Lê thì thơ và từ của Tô Đông Pha "vừa khoáng đạt, tự nhiên mà hùng"... "Còn cổ văn của ông thì ai cũng nhận rằng trong bát đại gia, không ai địch nổi: hễ ông hạ bút là thành văn, không lập ý trước, cứ đưa một hơi, tới lúc nào thấy phải ngừng thì ngừng, gợi cho ta cái cảm giác như "hành vân lưu thủy" vậy, nhã thú đặc biệt như "tiếng chim mùa Xuân, tiếng dế mùa Thu" hoặc "tiếng vượn trong rừng, tiếng hạc trên không...".

Ông sáng tác được 4.000 bài thơ, 300 bài từ, lưu lại bộ "*Đông Pha văn tập*" gồm 60 quyển, bộ "*Đông Pha thi tập*" gồm 25 quyển, bộ "*Đông Pha từ*" 1 quyển, bộ "*Cửu Trì bút ký*" 2 quyển, bộ "*Đông Pha chi lâm*" 5 quyển. Về tư tưởng, ông dung hòa, phối hợp cả Khổng giáo, Phật giáo và Lão giáo. Chính vì chịu ảnh hưởng Lão Trang nên văn ông hùng vĩ mà khoáng đạt, không chịu một sự trói buộc nào cả.

Nhưng họ Tô không chỉ làm thơ, viết văn. Ông tinh thông âm nhạc và là một họa sĩ, một người viết chữ có biệt tài. Thuở sinh thời, ông là ngôi sao Bắc Đẩu trong văn giới và được nhiều người ngưỡng mộ. Trong số đó, có bốn học giả (về sau tăng lên sáu) mà ông đánh giá cao và chấp nhận làm môn đệ. Trong những thư từ trao đổi với họ, ông tỏ ra là một giáo sư thiên tài, duyên dáng, thanh thản và chân thành. Đối với những ai đưa văn phẩm cho ông xem để nhờ ông cho biết ý

kiến, ông luôn luôn phúc đáp một cách rất thành thực và lịch sự. Theo Lâm Ngữ Đường, những lá thư của Tô Đông Pha viết cho các văn hữu là những bài văn tuyệt tác về nghệ thuật viết văn.

Chúng ta thử đọc những lá thư ấy.

Bàn về bút pháp "hành vân lưu thủy", họ Tô viết: "Tôi đã đọc thơ và văn của quý hữu. Nói chung, văn phải như mây trôi, nước chảy. Văn không cần có một hình thái nhất định. Nó đi đến chỗ nó phải đến và ngừng lại ở chỗ phải ngừng. Được như vậy, ta sẽ có một văn phong tự nhiên với những nét duyên dáng bất ngờ".

Tô Đông Pha nhận định rằng nếu viết văn là để diễn đạt tư tưởng, thì phô diễn một tư tưởng thoáng qua không phải là một việc dễ dàng. Trước hết, thật khó mà nhận thức rõ được tư tưởng ấy trong tâm trí chúng ta và diễn đạt tư tưởng ấy bằng câu văn hay lời nói. Khi ta nhận thức được minh bạch rồi, tư tưởng sẽ phô diễn đứng đắn. Trong văn học Pháp, Boileau cũng không nghĩ khác.

Trong một bài tựa cho một tập thơ, Tô Đông Pha đề cập đến nhu cầu viết văn: "Ngày xưa, những nhà văn sáng tác không phải vì họ muốn viết văn, nhưng chính bởi vì họ không viết không được... Họ phải tìm cách phát biểu những gì họ ấp ủ trong người họ. Tôi từng nghe thân phụ tôi nói rằng những bậc thánh hiền phải lập ngôn vì họ có những điều cần được nói ra". Nhận xét này chắc chúng ta nhớ lại một câu của André Gide: "Ai cấm tôi viết, tôi sẽ chết mất".

Họ Tô ưa chuộng bút pháp tự nhiên và bình dị. Trong một lá thư khác, khi phê bình một bài thơ dài nặng tình cảm của một nhà thơ trẻ tuổi về sau trở thành môn đệ của ông, ông nhận xét rằng bài thơ có một lối diễn đạt rất đẹp, rất phong phú, nhưng trước hết, chúng ta phải viết cho tự nhiên và giản dị, và phải để cho sự phong phú của tư tưởng và ngôn từ đến một cách hồn nhiên, chảy tràn ra một cách dễ dàng. Theo ông, có lẽ vì nhà thơ còn trẻ quá nên chưa đạt được sự bình dị ấy.

Một lần khác, sau khi đọc thơ của một người gần như là môn đệ của ông, ông viết thư trả lời và cho hay rằng ông thích nhạc điệu và những ý tưởng mới lạ của những bài thơ ấy. Nhưng ông nghĩ rằng những bài thơ ấy dài dòng quá và khuyên nhà thơ, về sau, nên cắt bỏ bớt đi. Họ Tô viết: "Không nên cắt bỏ ngay từ bây giờ. Đọc tác phẩm của anh, tôi tưởng như đang chứng kiến một con suối dâng nước đầy ắp trong mùa Xuân. Hãy cứ để cho nó dâng lên cao đến tột độ. Khi

bắt đầu có sương giá và mặt nước hạ thấp xuống, anh sẽ nhận ra bờ suối thường ngày. Nhưng anh nên hiểu rõ điều ấy ngay trong lúc này".

Về giá trị của những tác phẩm văn học, Tô Đông Pha có những ý kiến thật xác đáng: văn chương cũng như vàng ngọc, có giá cả thị trường cho mỗi loại. Bằng những lời phê bình, những nhà văn lớn tuổi có thể giúp đỡ những nhà văn trẻ. Nhưng tài năng của những nhà văn trẻ này sẽ do quần chúng độc giả đánh giá, chứ không phải do một cá nhân nào. Ông nhận rằng, đối với một vài môn đệ, ông chỉ làm công việc phát hiện ra tài năng của họ, và sau một thời gian, chính độc giả sẽ có ý kiến chung về các nhà văn ấy. Riêng ông, ông không có khả năng tạo tiếng tăm cho ai cả.

Sau hết, Tô Đông Pha rất chú trọng đến cá tính của nhà văn. Trong một lá thư, ông nhận thấy tình hình văn học đương thời thật tồi tệ. Theo ông, chính sách của Vương An Thạch (1021-1086) đã tạo ra tình trạng ấy. Ông viết: "Vương là một nhà văn có tài, nhưng Vương muốn mọi người phải đồng ý với ông. Ngay đến Khổng Phu Tử cũng không thể làm cho hai cá nhân giống nhau: Phu Tử không thể thay đổi cá tính của những môn sinh của người, ví như Nhan Hồi hay Tử Lộ. Nhưng Vương thì muốn cả thiên hạ phải chấp nhận những ý kiến của ông. Hai thửa đất tốt có thể dùng để trồng trọt vài loại cây, nhưng hai thửa đất ấy không sản xuất ra cùng một loại cây. Mặt khác, trên đất xấu xí có thể trồng một loại cây, những cây tranh và cây bấc đơn điệu, thiếu sinh khí và kéo dài hàng mấy dặm. Đó là sự đồng nhất về tư tưởng mà Vương muốn".

Tư tưởng của họ Tô thật tân kỳ, đi trước chủ trương của học phái Tinh Linh của ba anh em họ Viên ở vào cuối thế kỷ 16, đời Minh. Học phái này - cũng được gọi là học phái Công An vì họ Viên quê ở huyện Công An - chủ trương phát huy bản ngã của con người: viết là để phát huy tính tình hoặc phô diễn tâm linh của mình.

Nhưng cái nhìn của họ Tô đối với nhà cách mạng họ Vương có thiên lệch phần nào chăng? Trên phương diện chính trị, Vương chủ trương tân pháp với mục đích đem lại sự phú cường cho nước Trung Hoa đời Tống có một nền văn minh rạng rỡ nhưng suy vi về quân sự và kinh tế, và thường bị hai nước Liêu và Tây Hạ ở phương Bắc uy hiếp. Nhưng tân pháp của Vương với những cải cách về kinh tế, quân sự và xã hội gây nên một phong trào chống đối mạnh mẽ và triều đình chia làm hai phe: tân đảng với Vương An Thạch, Tăng Bố, Lữ Huệ Khanh..., và cựu đảng với Tư Mã Quang, Hàn Kỳ, Phú Bật, Âu Dương

Tu, Tô Đông Pha, Tô Tử Do... Trong số này, Tô Đông Pha là người chỉ trích tân pháp mạnh mẽ nhất.

Riêng trong phạm vi tư tưởng, Vương chú thích lại Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ (gọi là Tam Kinh tân nghĩa) cho hợp với tân pháp rồi cho ban hành trong toàn quốc. Học quan phải căn cứ vào "Tam Kinh tân nghĩa" mà dạy, đề thì cũng phải theo bộ sách ấy mà đặt ra. Vương chỉ trích lối khoa cử lấy thi phú từ chương làm gốc. Về sau, ông bỏ hẳn khoa cử, lấy những kẻ sĩ ở trong học xá ra làm quan. Học xá dạy nhiều môn thực dụng, chuyên khoa và kẻ sĩ được bổ dụng theo khả năng chuyên môn của mình.

Vương là một nhà cách mạng, một lý thuyết gia, đồng thời là một nhà văn, nhà thơ có tài. Ông quá tự tín, cố chấp, coi thường dư luận và tục lệ nhưng không đến nỗi độc tài như Thương Ưởng. Những lời phê phán trên của Tô Đông Pha xét ra hơi quá đáng. Nhưng, mặt khác, những lời phản kháng của ông cho chúng ta biết ông chủ trương tự do tư tưởng, chống lại chính sách văn hóa chỉ huy của những chế độ độc tài. Giả dụ ông có sống trong một chế độ chuyên chế với một chính sách văn hóa khắc nghiệt buộc mọi người phải suy nghĩ một chiều như trong chế độ Cộng sản, thì những lời đả kích và châm biếm của ông sẽ mãnh liệt đến chừng nào!

Hoàng Liên

Sách tham khảo:

- Cổ Văn Trung Quốc, Nguyễn Hiến Lê

- Tô Đông Pha, Nguyễn Hiến Lê

- The Importance of Understanding, Lâm Ngữ Đường, The World Publishing Company, 1958

quách tấn, qua đôi mắt các nhà phê bình và văn hữu

Hoài Thanh

Đêm đã khuya, tôi ngồi một mình xem thơ Quách Tấn. Ngoài kia có lẽ trăng sáng lắm.

Nhưng trời về thu, khí trời lạnh lạnh, cửa sổ bên bàn viết đóng kín. Ngọn nến trên bàn tỏa ra một bầu ánh sáng chỉ đủ sáng chỗ tôi ngồi. Chung quanh tối cả. Tối và im. Một thứ im lặng dày đặc. Trong ấy có muôn ngàn thứ tiếng ta không nghe.

Lúc này chính là lúc xem thơ xưa. Tôi lắng lòng tôi để đón một sứ giả đời Đường, đời Tống. Đời Đường có lẽ đúng hơn. Đời Đường mới có cái âm u ấy. Thơ Tống dầu xem được ít tôi nhớ hình như quang đãng và bình yên, không như thế.

Theo gót nhà thơ, tôi đi dần vào một thế giới huyền diệu. Ở đây, người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn ràng, những lời reo vui vẻ đều kiêng. Một sức mạnh vô hình, rất mềm mại nhưng rất chắc chắn nặng đè lên hết thảy. Tình cảnh ở đây không còn là những tình cảnh ta vẫn thường quen biết. Tình cảnh ở đây đã biến thành một thứ hương mầu nhiệm. Nó quyện lấy mình ta và chân ta tự nhiên bước theo một điệu nhịp nhàng dìu dặt. Ta không thấy gì, ta không nghe gì. Nhưng ta biết thế giới này giàu sang lắm. Chốc chốc một cảnh rực rỡ vụt hiện ra trước mắt ta rồi vụt biến đi:

Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.
Bồn chồn thương kẻ nương song bạc
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng?

Ta có thể lơ đãng không thấy rõ sương trên bến Phong Kiều, trăng trên dòng Xích Bích. Không thấy cả cái giếng sầu rụng. Nhưng sắc vàng kia! Cái sắc vàng trong giây phút chiếu sáng cả trời thơ!

Rồi tất cả lại trở lại trong mờ mờ. Hương thiêng vẫn quấn quít bên mình ta, ta đã xa lắm những vui buồn lộn xộn, rộn rịp của cuộc đời;

nhưng sao thỉnh thoảng giữa im lặng ta nghe như có tim ai thổn thức. Đây lời than của một người mồ côi:

Cảnh có núi sông nhiều thú lạ
Đời không cha mẹ ít khi vui.

Đây tiếng rên rỉ một thiếu niên thấy mình bơ vơ trơ trọi:

Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ
Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội thơ!

Tiếng khóc âm thầm của con người dè dặt, kín đáo ấy, nó mới não lòng làm sao! Quách Tấn đã tìm được những lời thơ rung cảm chúng ta một cách thấm thía. Người đã thoát hẳn cái lối chơi chữ nó vẫn là môn sở trường của nhiều người trong làng thơ cũ.

(Thi nhân Việt Nam)

Võ Phiến

Trong cuốn Thi Nhân Việt Nam, ông Hoài Thanh có lần thử chia các nhà thơ ra từng xóm. Trong "Xóm Bình Định", ông kể vài tên: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên.

Cả hai vị được kể tên đều không phải là người Bình Định, họ chỉ lớn lên ở Bình Định. Đối với các văn thi sĩ gốc địa phương họ có mối giao tình thâm thiết, có những kỷ niệm sâu đậm, kể cả những kỷ niệm về văn chương nghệ thuật, có thể họ chia sẻ quan niệm sáng tác v.v... Đối với cảnh vật và sinh hoạt địa phương, họ có lòng quyến luyến, lòng quyến luyến đã khiến cảnh vật ấy và sinh hoạt ấy lưu lại nhiều hình ảnh đẹp đẽ trong tác phẩm của họ... Tuy nhiên trong tâm hồn, họ không đồng hóa với địa phương.

Hàn Mặc Tử với Chế Lan Viên, đó là những hiện tượng kỳ dị của một thời. Họ chủ trương trường thơ điên loạn; họ đi tới tận cùng những say mê tôn giáo, siêu hình; họ táo bạo cực đoan; hoặc họ la:

Ta cởi truồng ra, ta cởi truồng ra:
Ngoài kia trăng sáng chảy bao la
(Chế Lan Viên)

hoặc họ kêu:

Dương cầu nguyện ọc thơ ra dường sữa
Ta ngất đi trong khoái lạc hồn đau
(Hàn Mặc Tử)

Ở những nhà thơ người Bình Định, đồng thời với họ, bạn thân của họ, như Quách Tấn, như Yến Lan, tôi không gặp những hò hét lớn lối ấy, những cái làm kinh động sững sờ. Và có lẽ cảm tưởng của ông Hoài Thanh cũng không khác. Ông bảo: "Xem thơ Yến Lan tôi mơ

màng như đi trong mây mù... Chỉ thấy mờ mờ những con đường chảy, êm như những dòng sông, và nhất là cái vừng trăng vẫn thường ám ảnh các nhà thơ Bình Định". Ông lại bảo: "Theo gót nhà thơ (Quách Tấn), tôi đi dần vào một thế giới huyền diệu. Ở đây, người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn ràng, những lời reo vui vẻ đều kiêng... Rồi tất cả lại trở lại trong mờ mờ".

Mờ mờ, êm êm, khe khẽ: thế giới thi ca ở đây như vậy đó.

Không thể bảo Quách Tấn hay Yến Lan không có xôn xao, tha thiết: Làm gì có những nhà thơ dửng dưng, bình thản. Tuy nhiên, ở đây bao nhiêu xôn xao đều bị dằn xuống, hãm lại. Quách Tấn cũng sầu, cũng nhớ ghê gớm, nhưng:

Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ
Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội thơ

"Nghĩ tội thơ!", cái nhân ái đến rụt rè ấy, ở địa phương gọi nó là đức tính "thần hậu". Con người thần hậu vốn dè dặt, kín đáo, âm thầm trong sự sầu đau thương nhớ; chính con người ấy mới càng "tội" đa!

Ngày Quách Tấn còn là một thanh niên trong tuổi đôi mươi mà ông đã như thế, đã yêu hồ ghét bể (theo lời Chế Lan Viên); càng về già ông càng lặng, càng kín. Trong mấy mươi năm làm thơ, ông ngại, ông tránh thể ngũ ngôn vì nó là thứ "âm đoản", không dễ "rung cảm lòng người nghe", thế mà sau này ông làm rất nhiều thơ ngũ ngôn, lại chuyên về thơ tuyệt cú: tình cảm chỉ gói ghém trong hai mươi chữ. Hai tập "Mộng Ngân Sơn" và "Giọt trăng" toàn một loại thơ ấy; nhỏ nhắn, tinh vi như những hài cú Nhật Bản. Lúc ông về già, tâm hồn ấy và thể thơ ấy đâm ra hợp nhau. Thơ vắn tắt, người ít lời; thơ cô đọng, người kín nhẹm:

Nhân thế nguôi tình thương
Ôm thu nằm Khánh Dương
Rừng trăng đôi lá rụng
Lành lạnh gió đem hương.

Sao mà đìu hiu, se sắt, tịch mịch, cô quạnh quá chừng. Sao mà "tội thơ", tội người quá trời! Ấy, Quách Tấn là vậy, xóm thơ Bình Định là vậy: là tình cảm lịm vào trong, là bề ngoài dè dặt, lim lim, nhưng bên trong chất chứa u tình.

Gặp Quách Tấn, rồi gặp những con người hơn hở tưng bừng, ra rít yêu đương, hô hào om sòm như Xuân Diệu, không khỏi chất lười ao ước: "Sao mà họ sung sướng vậy?"

(Tùy Bút I, Võ Phiến toàn tập)

Thi Vũ

Thơ vui cho đời. Thơ ca nỗi khổ. Nhưng trước hết, thơ là một tiếng vỗ an. Đồng lõa hay chống đối, thơ mở những tiếng cười xòa xum họp ấm ran lửa đốt giữa cánh rừng sao băng lạnh.

Chỉ riêng phần thi nhân hẩm hiu, cô quạnh, thường trực bị ngược đãi hay phụ rẫy. Dù vậy, thi nhân vẫn chung thủy với tính thơ, với sáng tạo thường nhiên và mãi mới. Trải dưới chân người những đóa hoa lời thương vọng. Những bài thơ thức dậy mọi tình lý ngủ lì, những con chim nhỏ hót mặt trời, những lá nõn, những thơm xa, những mai chiều thi hóa, những đêm ngừng thời gian. Còn cuộc trùng phùng nào nguyên vẹn và bình an hơn? Và đương nhiên còn sự thiệt thòi nào to tát hơn khi đời bỗng thiếu vắng những nhà thơ?

Quách Tấn thuộc vào giới thi hào ca hát cuộc hiển sinh trường cửu và mầu nhiệm của người và muôn loài. Giới thi sĩ tuy bất lực châm mìn phá đổ một cây cầu nhưng đủ bản lĩnh châm biếc lên cành đông, châm nắng lên mênh mông băng tuyết, châm đỏ mặt trời lên muôn nghìn tinh hệ, hay châm nổ vô minh lì lợm thành những móng cầu vắt qua vũ trụ. Giới thi sĩ đã trị được con thuồng luồng hung bạo nơi tâm thức, đã biết sự giàu sang hay quyền chức mình thường là nguyên nhân khốn cùng hay nô lệ cho kẻ khác trong đời. Từ đó, họ khước từ để ca hát, ca hát... Quên hết mọi phân biệt, lập trường, đầu mối cho bao ảo ảnh đam mê nhất thời. Trời, người, vật... chầu về đoàn tụ quanh ngữ ngôn sáng tạo, quyến luyến trao duyên. Chim cũng là người. Mây cũng là gió. Người cũng là thơ. Bệnh cũng là bạn.

Sự phẫn nộ và tính nóng vội đã được dạy dỗ tới mức độ trong sáng của trầm tĩnh, khoan hồng và uy liệt.

Tập thơ "*Giọt Trăng*" chứng thực điều đó.

Những câu thơ nhẹ, lâng lâng, mang mang, sâu biếc và dễ thương quá. Ai làm cũng được, bởi chúng như nhiên, tựa muôn sự quanh bên cuộc đời. Nhưng ít ai viết ra, ít ai nghĩ tới viết ra, hoặc đã bẵng quên nhìn tới để viết ra. Đọc *Giọt trăng* xong, ta cảm như tự bấy nay đã đánh quên kho châu báu vô giá của đời ta nơi phố chợ chen buôn, nơi ngày ngày ta kiên nhẫn đua đòi, bám siết những bóng ảnh gây đau và khát cho tâm hồn. Giọt Trăng là những bài thơ bắt ta thường trực nhìn vào cuộc đời, nhìn lại những chi ta đã quên, đã lơ đễnh cho qua, những gì đã cấu thành cuộc sống và tâm thức ta. Dường như thi nhân là kẻ hiện diện để nhắc nhở cho loài người về cuộc sống họ lửng quên trong ảo ảnh thường nhật, nhắc nhở cuộc Đời ở bên kia những cuộc đời?

Ai lại không có những phút giây tư lự đứng bâng khuâng nhìn trời, nhìn lá, nhìn khoảng trống không? Nhưng mấy ai đẩy cái nhìn mình ngợp vào to rộng, đưa nỗi bâng khuâng ôm vô biên đất trời, để lật đảo thân phận hẩm hiu hiện tại?

Chim chiều kêu trước dậu
Gối sách nhìn hư không
Phơi phới làn mây trắng
Bay qua ngọn ráng hồng

Khác hẳn cái nhìn vụ lợi, cái nhìn tư lự, buông lung, phó mặc. Ở đây, nhìn và sống thảnh thơi trong cái nhìn, dù đó là mây hay thành phố, vườn quê hay xưởng thợ, kẻ nhìn được giải phóng toàn diện. Từ căn bản đó, họ nắn dựng một hệ tinh. Từ căn bản đó, họ tái tạo cuộc đời, khơi lại dòng Sông xanh thơm phức.

Nhìn và thấy và sống thảnh thơi trong đó, mặc bao tàn bạo của thách đố và uy hiếp. Người thơ của Giọt Trăng đã chấm dứt sự làm thơ, về sống trong thơ, hình hài dài ra những cử điệu thơ. Thơ ở đây không còn là ca khúc êm đềm âm điệu. Thơ đã đạt tới Trí. Thơ đẩy đưa nhạc và mộng tưởng, rồi xô vào dòng Sống an nhiên, để từ đó hoát nhiên bay lên từng vùng trí tuệ âu yếm trữ tình.

Thơ năm chữ dễ làm mà khó hay. Đó là nói về kỹ thuật, chưa đề cập tới thần trí của thơ. Điều khó là khi tả tình mình, tình người, cảnh, cảm xúc, uất nghẹn, khổ đau, hạnh phúc... chúng ta đã có tới vạn triệu hình ảnh, từ ngữ đã lập đi trao lại tới muôn lần dọc hàng chục thế kỷ qua. Khéo tay là xong. Nhưng làm sao cho tập thơ năm chữ ngày nay biến ra loài hoa quí và lạ? Đây không còn là chuyện kỹ thuật, không còn là sự tráo lừa, lập dị. Sự này đòi hỏi con người bốc cháy vào thơ, con người chịu phá toang tường vách, cố tín, ngăn ngừa giữa người và mình, giữa mình và như nhiên, khiến mỗi bước cất chân là một lần hô hấp hơi thơ, mỗi di động cầm nhịp nhạc cho lời, và lời thì búng nhảy vào lặng câm nơi trí tuệ.

Gạt phăng mọi câu thúc, trông đợi, thành kiến, mọi lối đánh giá bản vị, như trẻ nít ngồi nhìn bướm, lá, cỏ, hoa, cát, kiến... thì mới thu nhận được ý nghĩa của Giọt Trăng. Đọc thật chậm, ngâm thật trầm, từng bài, từng lời... tất cảm ra nỗi bàng hoàng đâu đó dấy lên. Mối bàng hoàng khai thị. Bình dị mà sấm nổ. Âm thầm mà chuyển phá. Hiền hòa mà vũ bão. Xuất thần!

(Nhìn ngắm Giọt Trăng, tựa tập Giọt Trăng)

Hoàng Lâm

Mỗi lần được gặp Quách Tấn ở căn nhà ngay cửa chợ Đầm, ồn ào ở mé ngoài, mà hết sức tĩnh lặng ở mé sau, trong căn buồng cụ, tôi nghĩ, chỉ bằng sự hiện diện của mình, nhà thơ đã thăng hoa được cả cõi đời.

Khác với Giản Chi, đời cụ Quách Tấn lắm phong ba. Nhưng mọi sự rồi cũng lùi xa, mờ nhòe, còn lại chăng, chỉ là những tinh hoa của một phong cách, là thơ, là tư tưởng...

Nhà thơ nằm trên lầu chín bệnh viện Chợ Rẫy năm kia, biết mình đã mù, vẫn còn nói: "Tôi thấy, tôi nghe."

"Năm tôi vô làm phán sự Đồng Nai thượng, ngày Tết thường về viếng đồi Cây Mai cạnh đây. Ở đó còn một vườn mai trắng. Bạch mai cổ thụ to lắm, hoa phảng phất thơm, không như mai vàng..."

"...Nằm đây bây giờ đêm đêm, tôi vẫn nghe tiếng phách tre gõ của xe mì mần thần, vẫn như thời tôi còn trẻ...". Cụ bâng khuâng nhắc quyển biên khảo đang làm dở về những nhân vật Bình Định quê nhà, những nhân vật không hề được nhắc trong chính sử hay trong bất cứ sách vở nào. Dạo ấy là vào tiết cuối năm 1990.

Và bây giờ là cuối năm. Cuộc đời dài 82 năm ấy, trong con mắt nhà thơ vào những năm sau này, phảng phất một chữ Như. Cho nên người hay cười đùa với con cháu, với bằng hữu, với chính bản thân. Và người đã ra đi, thanh thản trong "bóng chiều còn đọng". Xin vĩnh biệt!

(Lao Động Chủ nhật 3-1-1993)

Tế Hanh

...Tôi cảm thấy bên cạnh nhà thơ có nhiều chất tao nhã phóng khoáng thì trong anh có một con người làm việc rất cẩn thận chu đáo. Tôi nghĩ đến mối tình của anh đối với các bạn bè, nhất là những bạn thân như Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, Yến Lan... Mấy câu thơ anh viết về cây mận trước nhà đã chứng tỏ điều đó:

Năm trước bạn hiền chung bóng mận
Năm nay mận nở bạn hiền xa.

Như chúng ta đã biết, anh đã gìn giữ và giới thiệu thơ Hàn Mặc Tử như thế nào từ khi nhà thơ mất năm 1940 cho đến ngày Quách Tấn ra đi. Anh đã góp phần xây mộ Hàn Mặc Tử tại Qui nhơn. Ngôi mộ ấy đã trở thành nơi du lịch nổi tiếng cho những người yêu thơ Hàn Mặc Tử.

Ai lại không có những phút giây tư lự đứng bâng khuâng nhìn trời, nhìn lá, nhìn khoảng trống không? Nhưng mấy ai đẩy cái nhìn mình ngợp vào to rộng, đưa nỗi bâng khuâng ôm vô biên đất trời, để lật đảo thân phận hẩm hiu hiện tại?

Chim chiều kêu trước dậu
Gối sách nhìn hư không
Phơi phới làn mây trắng
Bay qua ngọn ráng hồng

Khác hẳn cái nhìn vụ lợi, cái nhìn tư lự, buông lung, phó mặc. Ở đây, nhìn và sống thảnh thơi trong cái nhìn, dù đó là mây hay thành phố, vườn quê hay xưởng thợ, kẻ nhìn được giải phóng toàn diện. Từ căn bản đó, họ nắn dựng một hệ tinh. Từ căn bản đó, họ tái tạo cuộc đời, khơi lại dòng Sông xanh thơm phức.

Nhìn và thấy và sống thảnh thơi trong đó, mặc bao tàn bạo của thách đố và uy hiếp. Người thơ của Giọt Trăng đã chấm dứt sự làm thơ, về sống trong thơ, hình hài dài ra những cử điệu thơ. Thơ ở đây không còn là ca khúc êm đềm âm điệu. Thơ đã đạt tới Trí. Thơ đẩy đưa nhạc và mộng tưởng, rồi xô vào dòng Sống an nhiên, để từ đó hoát nhiên bay lên từng vùng trí tuệ âu yếm trữ tình.

Thơ năm chữ dễ làm mà khó hay. Đó là nói về kỹ thuật, chưa đề cập tới thần trí của thơ. Điều khó là khi tả tình mình, tình người, cảnh, cảm xúc, uất nghẹn, khổ đau, hạnh phúc... chúng ta đã có tới vạn triệu hình ảnh, từ ngữ đã lập đi trao lại tới muôn lần dọc hàng chục thế kỷ qua. Khéo tay là xong. Nhưng làm sao cho tập thơ năm chữ ngày nay biến ra loài hoa quí và lạ? Đây không còn là chuyện kỹ thuật, không còn là sự tráo lừa, lập dị. Sự này đòi hỏi con người bốc cháy vào thơ, con người chịu phá toang tường vách, cố tín, ngăn ngừa giữa người và mình, giữa mình và như nhiên, khiến mỗi bước cất chân là một lần hô hấp hơi thơ, mỗi di động cầm nhịp nhạc cho lời, và lời thì búng nhảy vào lặng câm nơi trí tuệ.

Gạt phăng mọi câu thúc, trông đợi, thành kiến, mọi lối đánh giá bản vị, như trẻ nít ngồi nhìn bướm, lá, cỏ, hoa, cát, kiến... thì mới thu nhận được ý nghĩa của Giọt Trăng. Đọc thật chậm, ngâm thật trầm, từng bài, từng lời... tất cảm ra nỗi bàng hoàng đâu đó dấy lên. Mối bàng hoàng khai thị. Bình dị mà sấm nổ. Âm thầm mà chuyển phá. Hiền hòa mà vũ bão. Xuất thần!

(Nhìn ngắm Giọt Trăng, tựa tập Giọt Trăng)

Hoàng Lâm

Mỗi lần được gặp Quách Tấn ở căn nhà ngay cửa chợ Đầm, ồn ào ở mé ngoài, mà hết sức tĩnh lặng ở mé sau, trong căn buồng cụ, tôi nghĩ, chỉ bằng sự hiện diện của mình, nhà thơ đã thăng hoa được cả cõi đời.

Khác với Giản Chi, đời cụ Quách Tấn lắm phong ba. Nhưng mọi sự rồi cũng lùi xa, mờ nhòe, còn lại chăng, chỉ là những tinh hoa của một phong cách, là thơ, là tư tưởng...

Nhà thơ nằm trên lầu chín bệnh viện Chợ Rẫy năm kia, biết mình đã mù, vẫn còn nói: "Tôi thấy, tôi nghe."

"Năm tôi vô làm phán sự Đồng Nai thượng, ngày Tết thường về viếng đồi Cây Mai cạnh đây. Ở đó còn một vườn mai trắng. Bạch mai cổ thụ to lắm, hoa phảng phất thơm, không như mai vàng..."

"...Nằm đây bây giờ đêm đêm, tôi vẫn nghe tiếng phách tre gõ của xe mì mần thần, vẫn như thời tôi còn trẻ...". Cụ bâng khuâng nhắc quyển biên khảo đang làm dở về những nhân vật Bình Định quê nhà, những nhân vật không hề được nhắc trong chính sử hay trong bất cứ sách vở nào. Dạo ấy là vào tiết cuối năm 1990.

Và bây giờ là cuối năm. Cuộc đời dài 82 năm ấy, trong con mắt nhà thơ vào những năm sau này, phảng phất một chữ Như. Cho nên người hay cười đùa với con cháu, với bằng hữu, với chính bản thân. Và người đã ra đi, thanh thản trong "bóng chiều còn đọng". Xin vĩnh biệt!

(Lao Động Chủ nhật 3-1-1993)

Tế Hanh

...Tôi cảm thấy bên cạnh nhà thơ có nhiều chất tao nhã phóng khoáng thì trong anh có một con người làm việc rất cẩn thận chu đáo. Tôi nghĩ đến mối tình của anh đối với các bạn bè, nhất là những bạn thân như Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, Yến Lan... Mấy câu thơ anh viết về cây mận trước nhà đã chứng tỏ điều đó:

Năm trước bạn hiền chung bóng mận
Năm nay mận nở bạn hiền xa.

Như chúng ta đã biết, anh đã gìn giữ và giới thiệu thơ Hàn Mặc Tử như thế nào từ khi nhà thơ mất năm 1940 cho đến ngày Quách Tấn ra đi. Anh đã góp phần xây mộ Hàn Mặc Tử tại Qui nhơn. Ngôi mộ ấy đã trở thành nơi du lịch nổi tiếng cho những người yêu thơ Hàn Mặc Tử.

Mối tình anh đối với quê hương xứ sở thật là đậm đà. Hai quyển sách anh viết về tỉnh Bình Định nơi anh sinh ra và tỉnh Khánh Hòa nơi anh ở gần suốt đời là hai quyển sách có giá trị không những về mặt địa lý lịch sử mà còn về mặt văn hóa nữa. Anh đã gọi tỉnh Khánh Hòa là "*Xứ Trầm hương*". Tôi nghĩ nếu mỗi nhà văn nhà thơ chúng ta viết được một quyển sách về nơi mình sinh hay nơi mình ở như Quách Tấn đã viết về Bình Định và Khánh Hòa thì chúng ta đã góp phần không nhỏ vào kho tàng hiểu biết đất nước Việt Nam bao nhiêu.

(Nhớ về Quách Tấn, tuần báo Văn Nghệ Hà Nội 1-1993)

Hồng Diệu

Tôi hỏi điều gì Quách Tấn quan tâm nhất trong cuộc đời làm thơ. Ông bảo: thi pháp. Thi pháp là cả một thế giới, sáu chục năm ông học thi pháp vẫn còn thấy mình dốt. Tôi hỏi ông tâm đắc nhất những gì về nghệ thuật làm thơ. Quách Tấn bảo ông học cổ nhân và tâm niệm tam năng, tứ thi và lục tố. Ông giải thích: tam năng là đạt ý, truyền cảm, truyền hứng; tứ thi là thi cốt (có tâm hồn thơ), thi học (có hiểu biết về thơ), thi tài (có năng khiếu về thơ), thi tâm (có lòng với thơ); lục tố là thanh (nhạc điệu), sắc (hình ảnh), vị (thích thú), tình (cô đọng), khí (linh động), thần (sáng suốt). Rồi Quách Tấn tự dò dẫm đi đến chiếc hòm đặt ở gầm giường - chiếc giường vợ ông nằm năm nào - tìm hai quyển "*Đọng bóng chiều*" đưa chúng tôi, không quên dùng tay đánh dấu để ghi lời đề tặng và ký tên. Chữ ký của Quách Tấn đúng như chữ ký trong tấm ảnh in ở bộ Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan ngày xưa, nhưng nét bút run nhiều. Tập thơ in gần ba chục năm về trước, không hiểu sao nhà thơ giữ được mà sách còn rất mới trong khi ông đã mất hàng vạn quyển sách. "*Đọng bóng chiều*" gồm 108 bài thất ngôn tứ tuyệt (một bài lấy từ tập "*Một tấm lòng*", sáu bài lấy từ tập "*Mùa cổ điển*", 101 bài chọn trong số thơ làm từ 1941 đến 1958). Trang đầu sách, Quách Tấn lấy hai câu thơ trong bài Hoàng hạc lâu nổi tiếng của Thôi Hiệu, nhà thơ đời Đường (Trung quốc) làm lời đề từ:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu

(Dịch nghĩa: Trời tối rồi, đâu là quê hương mình? Trên sông khói tỏa, sóng gợn, làm cho người cảm thấy buồn)

Quả thật, hai câu thơ rất hợp tâm trạng ưu tư, đúng như là nỗi buồn man mác của ông đã thấy khởi đầu từ tập "*Mùa cổ điển*" (1941). Thơ trong "*Đọng bóng chiều*" hiền lành, êm nhẹ, bâng khuâng và buồn, đôi khi có ý mới và cách diễn đạt mới:

Ngõ gió vườn sương trăng bạn bầu

hay:

Đêm mấy lần mưa gió mấy lần

hoặc:

Canh khuya chuyện cũ ngồi ôn lại
Giọt lệ thương ai trở khóc mình

Bài vào loại dễ hiểu trong tập thuộc dạng này:

Tháng ba gió lạnh
Tháng ba gió lạnh lạc thành hoang
Khép bóng trăng khuya ngõ trúc vàng
Bên xóm làng ai nghe thổn thức
Đời chưa xuân tới đã thu sang!

Còn thì nhà thơ hay dùng điển tích với rất nhiều những từ Hán và từ Hán Việt, với niêm luật chặt chẽ, cầu kỳ... Đó là nhược điểm và là đặc điểm của Quách Tấn.

(Kỷ niệm với một nhà thơ. Tuần báo Văn Nghệ Hà Nội tháng 1-1993)

Nguyễn Mộng Giác

Khi giới thiệu tập *Giọt trăng*, Thi Vũ viết: "Thơ ngũ ngôn trong *Giọt trăng* không nên đọc một lần suốt tập. Đọc vội, thi nhân sẽ bị thiệt thòi, sau nữa người đọc còn bị trệ khí, hôn trầm. Thỉnh thoảng, chốc chốc, thật lơ đễnh - nhưng hồn nhiên - đọc một bài thơ là đủ. Cứ thế, trọn tập một năm... một bài một tuần."

Không theo lời khuyên của Thi Vũ, tôi đọc một mạch những bài thơ ngũ ngôn của Quách Tấn từ trong "*Mộng Ngân Sơn*", "*Giọt trăng*" cho tới những bài ngũ ngôn tuyệt bút tác giả tự lựa chọn trong di cảo "*Tràng hạt ngũ ngôn.*"

Kết quả? Tôi không bị "trệ khí, hôn trầm" như Thi Vũ báo động. Có lẽ tôi có cái cảm giác lâng lâng dịu dàng mà nửa thế kỷ trước, Hoài Thanh cũng có cảm giác ấy khi đọc *Một tấm lòng* và *Mùa cổ điển* của Quách Tấn: "Theo gót nhà thơ, tôi đi dần vào một thế giới huyền diệu. Ở đây, người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn ràng, những lời reo vui vẻ đều kiêng. Một sức mạnh vô hình, rất mềm mại nhưng rất chắc chắn đè nặng lên hết thảy. Tình cảnh ở đây không còn là những tình cảnh ta vẫn thường quen biết. Tình cảnh ở đây đã biến thành một thứ hương mầu nhiệm. Nó quyện lấy mình ta và chân ta tự nhiên bước theo một điệu nhịp nhàng dìu dặt..."

Lạ chưa? Năm mươi năm trước Hoài Thanh đọc thơ thất ngôn Đường luật của Quách Tấn, và liền lập tức, ông bị cái không khí lặng

lẽ huyền nhiệm của thơ cuốn hút. Năm mươi năm sau, tôi cũng bị cuốn hút vào cái không khí ấy như Hoài Thanh.

Suốt nửa thế kỷ, cuộc đời Quách Tấn, cuộc đời chúng ta không có gì thay đổi ư? Ngược lại. Cả dân tộc Việt Nam chúng ta trải qua cơn bão dữ suốt năm mươi năm, trúc chẻ ngói tan, máu sông xương núi, còn có ngóc ngách nào là bình yên. Chúng ta, cũng như Quách Tấn, "rủi gặp thời vô đạo" (bài Tay Súng trong *Giọt Trăng*), cái thời con người cuống cuồng chạy theo những tiếng thét tiếng ồn, mất say những màu rực rỡ chói chang. Suốt nửa thế kỷ, cả dân tộc lên cơn mê náo nhiệt, "khóc rộn ràng", "reo vui vẻ" và chết khuất lấp. Ai còn có thì giờ và tâm trí đâu để lắng lòng thưởng thức những cái mềm mại, khe khẽ, thoang thoảng, huyền diệu, vô hình.

Nhưng Quách Tấn là một nhà thơ thấu thị và kiên trì. Ông có vẻ lạc lõng giữa cái náo nhiệt của phong trào thơ mới năm mươi năm trước, đến nỗi Hoài Thanh bất chợt "gặp" ông, bất chợt hiểu ông, và thú vị bất ngờ. Năm mươi năm sau, khi những màu sắc chói lòa đã phai, khi những tiếng ồn ào đã lắng, khi cỏ trên bao nhiêu triệu nấm mồ đã xanh, một lần nữa chúng ta được nghe những âm thanh huyền nhiệm lâu nay chúng ta quên: một tiếng lá xào xạc, một tiếng chim rủ rỉ. Thứ tiếng mà Quách Tấn đặt tên là "Tiếng Vui".

Cám ơn ông hàng xóm
Ngừng mở máy thu thanh
Võng đưa thềm mận chín
Nghe sẻ gọi bình minh
(Mộng Ngân Sơn)

Thi Vũ lo ngại, cảnh giác, khuyên chúng ta đừng đọc nhiều thơ ngũ ngôn Quách Tấn để tránh "trệ khí, hôn trầm" vì, cũng như Hoài Thanh, Thi Vũ thấy rõ tất cả sức mạnh ẩn giấu đằng sau những lời thơ nhẹ nhàng đơn giản. "Sức mạnh vô hình, rất mềm mại nhưng rất chắc chắn đè nặng lên hết thảy". Hoài Thanh đã viết như vậy. Lớn và nhỏ, nặng và nhẹ, tĩnh và động, thiện và ác, hỏa ngục và niết bàn, có và không, những thứ "nhị nguyên luận" ấy phân thây từng người, từng dân tộc bao nhiêu năm rồi. Người ta không chấp nhận cái nguyên khối hài hòa tự nhiên, xắn tay áo lên, rút kiếm vạch những lằn ranh. Rồi người ta hăm hở chinh phục, quyết diệt cho tuyệt những gì ở bên kia lằn ranh trước mắt. Nẩy sinh những thiên anh hùng ca, những cuộc chinh phục. Nạn nhân đầu tiên là cây lá cỏ hoa sông núi từng ôm ấp ta. Tình lân ái đối với thiên nhiên đã mất:

Thương hoa không nỡ hái
Hoa rụng càng thêm thương
Vén cỏ chiêu hồn lại
Ngàn xanh hiu gió sương
(Tình Hoa; Giọt Trăng)

Nếu nói theo thói quen suy nghĩ nhị nguyên, câu hỏi Quách Tấn đặt ra cho tất cả chúng ta là "vô vi" hay "hữu vi", nên để mặc cho vạn vật sinh hóa theo luật tuần hoàn huyền diệu có sẵn, hay nên sắp đặt lại trời đất, uốn nắn lại nhân tâm. Nỗi băn khoăn ấy, ai không từng trải qua, huống chi một nhà thơ thấu thị như Quách Tấn. Tôi bắt gặp Quách Tấn băn khoăn nhiều lần. Như trong bài thơ "Ngập ngừng":

Thềm mận sương gieo trắng
Dàn nho nắng đọng vàng
Ngập ngừng con bướm lượn
Xuân sang rồi? Chưa sang?

hoặc trong hai bài ngũ ngôn khác:

Say nắng
Vườn rộng tiếng chim thưa
Bướm vàng say nắng trưa
Chờn vờn chân muốn đậu
Vòi mướp gió đong đưa

Ao trưa
Bờ ao cọng cỏ chỉ
Lả lướt ngọn nồm đưa
Con chuồn chuồn điểm nước
Mong dừng chân nghỉ trưa

Trong hai bài thơ ngắn, khung cảnh là buổi trưa rực rỡ ánh nắng và ngập tràn hoan lạc, cả con "bướm vàng say" lẫn con "chuồn chuồn lả lướt" đều muốn "dừng chân", muốn "đậu". Muốn ngừng lại cuộc sinh hóa bất tận huyền nhiệm. Ý muốn ấy đáng thương khi chỉ mới nhuốm, và đáng giận khi trở thành hành động, vì nó tàn phá hủy diệt khủng khiếp. Nửa thế kỷ vừa qua chứng minh điều đó, một điều vô cùng đơn giản.

Ít người nghe thấy hoặc hiểu được những lời thơ đơn giản mà sâu lắng của Quách Tấn, những lời rất khẽ. Những ông hàng xóm của thi sĩ bận dán tai vào máy thu thanh để theo dõi những tiếng ồn phương xa. Quách Tấn kiên nhẫn chờ, lặng lẽ chờ. Không phải không có lúc ông thất vọng. Đời ông thiếu gì những chua chát, cô quạnh, tang tóc, bẽ bàng. Có lúc ông tưởng đã được hiểu:

Chợt tỉnh giấc mơ nồng
Mừng thầm trời rạng đông
Tung mền mở rộng cửa
Phố vắng, đèn nê ông
(Ngoài mộng)

Chán nản, nhưng ông không tuyệt vọng. Chua chát, nhưng thơ ông không đổi giọng. Trước sau thơ Quách Tấn vẫn vậy: khe khẽ, nhẹ nhàng, êm đềm, rù rì một giọng tâm tình. Trước bao nhiêu điều rối rắm bất như ý của nhân sinh, ông không cao giọng hô hào những giải pháp dứt khoát, những kế hoạch vĩ đại, những con đường thoát hiểm tức thời, những liều thuốc trị bá chứng.

Ông không làm công việc những anh "Sơn Đông mãi võ" trên sân khấu chính trị và chợ chữ nghĩa. Quách Tấn chỉ nhắc nhở cho những người chịu bình tâm nghe ông những điều đơn giản nhưng là điều cốt lõi. Hiểu được ông tức là nắm được chìa khóa để "mở" một số ưu tư. Chẳng hạn chìa khóa để mở vấn đề sinh diệt:

Những nấm mồ
Gò xanh vun nấm cỏ
Ghi dấu thời gian qua
Chửa nhạt niềm tâm sự
Âm thầm xuân nở hoa
(Mộng Ngân Sơn)

Chìa khóa để mở vấn đề họa phúc:

Vườn hồng
Vườn hồng vang tiếng sẻ
Gió thổi mặt trời lên
Hương ấm hoa hàm tiếu
Con sâu già ngủ quên

Và nhiều nhất trong số thơ ngũ ngôn Quách Tấn đã viết, là những cánh cửa mở vào rừng thiền. Như:

Vầng trăng
Say vượt sóng trùng dương
Vàng tan sa số ảnh
Đọng lòng giọt thu sương
Minh châu tròn lóng lánh

hoặc bài

Thoáng hiện
Nghìn xưa không còn nữa
Nghìn sau rồi cũng không

Phảng phất bờ trăng rạng
Hương Ưu Đàm trổ bông

Những điều Quách Tấn nhắc nhở không có gì mới lạ, đó chỉ là những điều đã biết mà đã quên.

Chúng ta vừa trải qua cơn bão lớn cũng chỉ vì quên. Quên rằng hoa vẫn nở âm thầm trên những nấm mồ xanh cỏ. Quên tiếng chim sẻ gọi bình minh dưới vòm lá mận. Quên con bướm vàng loay hoay tìm chỗ đậu trên ngọn mướp đong đưa. Quên thân ái nhìn thẳng vào mắt nhau. Và quan trọng hơn hết, là nhìn thẳng vào mắt mình, hay nói như ngôn ngữ nhà Phật, "bản lai chân diện mục". Có lẽ đó là điều khẩn thiết hơn hết, vấn đề "mãi còn" theo ý thơ Quách Tấn:

Hoa quỳnh nở nửa đêm
Hoa phù dung một buổi
Nghìn trước tiếp nghìn sau
Mắt nhìn nhau một tối

Mùa Vu Lan 1993

THƠ QUÁCH TẤN

dalat đêm sương

Bóng trăng lóng lánh mặt hồ im,
Thời khắc theo nhau lải rải chìm.
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dìu dịu, mộng êm êm.

Một luồng sương bạc bỗng từ mô
Lẻn cuốn vầng trăng cuốn mặt hồ,
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc:
Người lơ lửng đứng giữa hư vô.

Trời đất tan ra thành thủy tinh.
Một bàn tay ngọc đẫm hương trinh
Âm thầm mơn trớn trên đôi má
Hơi mát đê mê chạy khắp mình.
(Một tấm lòng)

đêm thu nghe quạ kêu

Từ Ô Y Hạng rủ rê sang,
Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn ràng....
Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.
Bồn chồn thương kẻ nương song bạc,
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng?
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
Tình hoang mang gợi tứ hoang mang...
(Mùa cổ điển)

trơ trọi

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ,
Bao nhiêu khăng khít bấy ơ hờ!
Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ,
Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ!
Mưa gió canh dài ngăn lối mộng,
Bèo mây bến cũ quyện lòng tơ...
Hỏi thăm tin tức bao giờ lại
Con thước qua song lại ỡm ờ!
(Mùa cổ điển)

run phiếm

Trăng nửa dàn hương sương nửa dàn
Đàn treo vắng vẻ lệ quan san
Vô tình đôi giọt hoa sa gió
Lay động niềm xưa run phiếm loạn.
(Đọng bóng chiều)

nửa mộng

Hiên mây gấm dệt tờ thơ cổ
Sân mận hương lồng giấc ngủ trưa
Mây khói lưng chiều buông nửa mộng
Theo dòng hoa lá gợn nghìn xưa
(Đọng bóng chiều)

ngõ trúc

Chở nặng buồn thương xe bạn đi
Mây vàng lau bạc bóng sâm si
Ngõ ngoài trúc đổi bao lần biếc
Còn vướng hoàng hôn phút biệt ly.
(Dọng bóng chiều)

ngại ngùng

Tỉnh giấc thuyền mưng sáng
Rèm lau buông mái sương
Nương khoang làn tóc gợn
Son phấn ngại ngùng gương
(Mộng Ngân sơn)

an lành

Run run tay bình bát
Đường trưa thân áo vàng
Từng bước theo từng bước
An lành mây bốn phương
(Mộng Ngân sơn)

dòng thu

Co ro thân cò lép
Bến lạnh đứng rình mồi
Bát ngát dòng thu quyện
Mây chiều lơ lửng trôi.
(Mộng Ngân sơn)

bóng phù sinh

Không gian chìm bóng mộng
Đèn khuya chong âm u
Một nhoáng tan hàng lệ
Muôn nghìn khiếp phù du.
(Mộng Ngân sơn)

lặng lẽ

Nắng chiều thu trở lạnh
Buồn vướng ngọn heo may
Lặng lẽ hồ in bóng
Con cò đơn chiếc bay
(Mộng Ngân sơn)

mãi còn

Hoa quỳnh sống nửa đêm
Hoa phù dung một buổi
Nghìn trước tiếp nghìn sau
Mắt nhìn nhau một tối
(Giọt trăng)

tình hoa

Thương hoa không nỡ hái
Hoa rụng càng thêm thương
Vén cỏ chiêu hồn lại
Ngàn xanh hiu gió sương
(Giọt trăng)

ao trưa

Bờ ao cọng cỏ chỉ
Lả lướt ngọn nồm đưa
Con chuồn chuồn điểm nước
Mong dừng chân nghỉ trưa
(Giọt trăng)

lòng thiên cổ

Giữ áo vào hư không
Nghìn xưa phai nét chữ
Song khuya ngọn sáp hồng
Giọt ứa dòng tâm sự
(Giọt trăng)

bất tận

Hoa nở vần thơ nở
Hoa tàn thơ vẫn hoa
Mênh mông tờ biếc trải
Sóng dệt vần mây qua.
(Giọt trăng)

ngậm lòng

Từ phen mây nước đổi
Biếc ngậm lòng sông sâu
Nhịp cầu xưa chửa nối
Đôi bờ thương nhớ nhau.
(Giọt trăng)

đau thương

Mẹ già tai lẻnh lảng
Thân con đầy đau thương
Thấy con khóc mẹ khóc
Đêm hè hiu hắt sương.
(Giọt trăng)

tình quê hương

Đã hay đời mộng mị
Chi ngại cảnh vô thường
Sen trắng tan làn biếc
Mây lam đọng ráng hường
Trong ngần sông chín khúc
Mát rượi gió mười phương
Theo tiếng chim về tổ
Tình quê hương ngát hương.
(Tràng hạt ngũ ngôn)

trước sau

Trước Tết mai là hoa
Sau Tết mai là củi
Trước bao nhiêu nâng niu
Sau bấy nhiêu hất hủi
Nâng niu mai chẳng mừng
Hất hủi mai không tủi
Nghìn trước gẫm nghìn sau
Khe trong lồng bóng núi.
(Tràng hạt ngũ ngôn)

im ỉm phòng văn

Im ỉm phòng văn khóa
Chồng đau nuôi vợ đau
Lưỡi quen mùi thuốc đắng
Thềm nặng giọt mưa thâu
Mỏi sức mộng về chậm
Theo buồn thơ đến mau
Tri âm ngoài vạn dặm
Lặng lẽ nhớ thương nhau.
(Tràng hạt ngũ ngôn)

ngấm ngàn dâu

Biển đã ngấm ngàn dâu
Tìm đâu lòng trước sau
Lạnh lùng đêm gió cát
Nghiêng ngửa giá vàng thau
Đời thiếu người xanh mắt
Ai thương tuổi bạc đầu
Hương sen còn mấy đóa
Dòng sách ủ dòng châu.
(Tràng hạt ngũ ngôn)

thơ lục bát cuối đời của quách tấn

Người nay còn chửa hiểu mình
Người sau đâu dễ thấu tình người nay
Bụi đường khi phủi đôi tay
Nghìn thu tâm sự dấu giày rêu phong.

Vừa mừng dân tộc đoàn viên
Gia đình ly tán buồn riêng nỗi mình
Lòng chưa tắt lửa ba sinh
Đèn khuya khôn nén giọt tình xốn xang

Ở đây nắng lửa mưa dầu
Ra đi gió thảm mây sầu xé gan
Vườn quê đôi gốc tre tàn
Phương trời chiu chít một đoàn chim non

Trăm nghìn thương mẹ nhớ cha
Cực thân lắm nỗi bỏ nhà ra đi
Tìm đường nuôi nấng thê nhi
Giàu sang đất khách ra gì mà mong

Ra đi chín mất một còn
Can tràng gởi lại bồ hòn ngậm theo
Lênh đênh thân bọt kiếp bèo
Chân mây khép mở nước triều xuống lên.

Dưới đèn đôi mái tóc sương
Ngồi nghe sóng vỗ trùng dương sụt sùi
Con đi trọn mấy trăng rồi
Mây bay nước chảy phương trời ngóng tin.

Con đi chẳng thấy tin về
Xót xa thương nhớ nặng nề lo âu
Thân bèo nhờ lượng biển sâu
Bờ mai bến liễu gió thu thuận chiều.

Thương con làm khách viễn phương
Thương mình về viếng cố hương một mình
Không ai chung cảnh chung tình
Đồng quê hiu hắt lửa huỳnh chong thu.
(Trích Giàn hoa lý, chưa xuất bản)

NGU YÊN

sáng tạo, xung quanh chữ sáng

Khi nào thì một người trở thành nghệ sĩ?

Từ lúc nào tôi trở thành thi sĩ?

Có lẽ từ lúc tôi lên tám. Một buổi chiều tắm sông Lại Giang. Tôi còn nhớ rất rõ màu vàng của nắng. Sóng sánh lóng lánh trên ngàn lăn quăn gợn sóng. Đẹp lắm. Khi về, kể lại màu vàng vào bài thơ lục bác. Ba tôi thích.

Mang ra đọc trong đêm họp ở quận. Tôi được đứng giữa các chú bác xã, thôn trưởng và các chú thượng, trung sĩ phòng vệ. Oai phong và hãnh diện lắm. Sau này tôi mới biết. Các chú bác khen thưởng tôi quá lời là vì ba tôi, ông quận Bồng Sơn.

Có lẽ từ lúc bài thơ đầu tiên ở Mỹ được ông Võ Phiến chọn đăng trong Văn Học Nghệ Thuật. Thật ra lúc ấy 1978-79 không có mấy ai sinh hoạt nên ở giữa chùa dù sói tóc cũng dễ nhận ra là kẻ phàm phu.

Có lẽ từ lúc tôi biết yêu.

Có lẽ...

Phải mất bốn mươi năm tôi mới biết lúc nào tôi trở thành thi sĩ. Năm ấy 1975 tôi xém mất người tôi yêu. Chúng tôi cùng vượt biển đến Mỹ. Sau vài tháng bỗng nhiên chúng tôi không gần gũi nhau được. Tôi chán nản và buông lỏng cuộc đời. Nàng phải dọn ra riêng. Chiều chiều tôi thường ngồi dưới một gốc sồi rậm rạp. Lúc hận lúc sầu. Lúc thương lúc ghét. Nơi ấy chợt ánh sáng đã đến. Trong một lúc tận cùng của sự mất mát, tôi chợt nẩy ra một ý nghĩ. Sáng ấy đã cứu lấy tình tôi. Sáng ấy đã đeo theo đời tôi. Một tháng sau chúng tôi lấy nhau. Hôm nay là ngày kỷ niệm của mười tám năm.

Sau này tôi mới hiểu rằng một người chỉ trở thành nghệ sĩ khi biết sử dụng giá trị của sáng tạo vào đời sống để làm đẹp hơn, hay hơn, ý nghĩa hơn dù việc ấy chỉ là sự tầm thường. Biết đem sáng tạo vào đời sống là nghệ sĩ. Biết đem sáng tạo vào ngôn ngữ là thi sĩ. Ngôn ngữ bao gồm tất cả mọi loại tín hiệu, ký hiệu. Ví dụ như thơ Cụ Thể.

Tôi trở thành thi sĩ thật sự sau ngày bỏ mất chữ lớn chỉ còn ý nghĩa nhỏ nhoi tầm thường của sáng tạo. Từ ngày tôi kinh nghiệm được sáng tạo có thể thay đổi mọi thứ, kể cả những thứ không thể thay đổi. Ăn bằng sáng tạo. Vui bằng sáng tạo. Giải quyết những khó khăn bằng sáng tạo. Sống bằng sáng tạo. Thì một chút cảm hứng viết bằng trực giác vào ngôn ngữ sẽ là thơ dù bất cứ đề tài gì.

Tạo, tác là ngọn. Sáng là gốc. Khả năng nghệ sĩ là gốc. Làm thơ, viết văn, vẽ tranh, điêu khắc... là ngọn. Gốc có rễ. Ngọn có nhành, có lá, có hoa, có trái. Giống nào thì trái ấy. Trồng ổi không thể hái cam. Trồng huệ không thể hái hoa đỏ như Hồng.

Sáng là gì?

Là tìm thấy mọi sự việc bằng cá tính riêng. Trên thế gian này không có ai hoàn toàn giống ai cả. Cá tính dù đồng dạng vẫn đặc thù. Chỉ cần nhìn bằng cá tính thì nhất định dù việc cũ mấy cũng có chỗ khác biệt. Dù đã có một triệu người nghĩ đến, người một triệu lẻ một vẫn khác.

Ở Tây phương đàn ông có nhiều râu. Cạo bằng dao cạo thường gây ra thương tích. Người ta sáng chế ra nhiều loại dao cạo râu khác nhau. King Gillette muốn làm một loại dao khác hơn nhưng chưa tìm được giải pháp thích hợp. Một hôm ông tình cờ nhìn người mở chai nước ngọt. Thấy hắn vất cái nắp điển vào sọt rác. Ông nẩy ra ý nghĩ làm một loại dao cạo râu tạm thời. Dùng vài lần rồi vất bỏ. Không cần mài lại. Thuận tiện. Rẻ tiền. Và ông Gillette đã trở thành vua của dao cạo râu.

Tạo là gì?

Tạo và tác là làm cho rõ cái sáng.

Sáng ở khắp nơi, trong mọi lãnh vực, vượt khỏi thời gian tính. Vì vậy ngay trong cách thức, kỹ thuật của tạo đã có và cần sự sáng.

Thường khi nói đến sáng tạo, người ta cho rằng đó là công việc của nghệ sĩ và danh nhân.

Những sáng tạo có ý nghĩa là các tác phẩm danh tiếng của Van Gogh, Mozart, Shakespeare... Thật ra sáng tạo khởi đầu là một khả năng rất bình thường. Ai cũng có. Từ một nông phu cho đến nhà bác học, từ anh lính cho đến ông tướng, từ trẻ em cho đến bà già, ai cũng có sáng. Một việc dù nhỏ đến cách mấy cũng phải có người đầu tiên nghĩ ra. (Sáng tạo là tìm ra cái mới) Sự việc nào cũng dần dần đẹp hơn, hay hơn, tốt hơn, nếu không đã bị luật tự nhiên đào thải. (Sáng tạo là từ cái đã có làm nên cái tốt đẹp hơn). Chính bà già tầm thường

kia là người đã làm ra nem nướng. Ở bậc vĩ nhân ông Newton tìm ra định luật sức hút của quả đất. Ông thợ nề vô danh tìm ra sợi dây dọi. Ai cũng có lúc có sáng kiến. Bẩm sinh ai cũng có khả năng sáng trí. Khác chăng là có kẻ muốn viết văn, có kẻ muốn làm bác sĩ. Có người thích đóng phim, lại có người thích đi tu. Người nào cũng có thể sáng tạo trong lãnh vực của họ. Đó là gốc. Người nào cũng có thể trở nên nghệ sĩ nếu họ đam mê đủ để đem sáng vào nghệ thuật tạo ra tác phẩm.

Cá tính là cốt yếu của sáng tạo. Cá tính là sản phẩm của bẩm sinh và kinh nghiệm sống. Vượt ra khỏi nghĩa tự điển, cá tính đồng nghĩa với cái Tôi của một người. Do đó mà rất đặc thù. Sáng tạo là một diễn tiến tìm tòi và lắng nghe cái Tôi rồi thấy sự việc qua cái Tôi bằng ý tưởng.

Phần khó khăn nhất trong sáng tạo của một người là nhìn thấy cái Tôi. Tôi của tri thức và Tôi của vô thức. Cái Tôi này luôn luôn có phần mơ hồ. Làm nghệ sĩ là tìm kiếm cái Tôi. Nhiệm vụ chính của nghệ sĩ là làm cái Tôi đẹp hơn, hay hơn, tốt hơn. Tôi ở một vị trí cao hơn thì cái đẹp điều hay của sự việc xung quanh dễ nhìn rõ hơn, dễ thấy ở khía cạnh mới hơn. Tôi đẹp thì tư tưởng đẹp. Tôi hay thì hành động hay. Tôi càng đẹp thì những nhiệm vụ đối với gia đình, xã hội tự dưng sẽ đẹp theo.

Hơn ai hết, người nghệ sĩ hằng ngày tìm kiếm, tự khám phá con người của họ. Và tìm hiểu, khám phá cái Đẹp. Càng lãnh hội được Tôi và Đẹp nhiều và sâu, nghệ sĩ càng lớn lên.

Đẹp và hay, đẹp và tốt thường bị lẫn lộn. Một bông hoa đẹp dễ thấy. Cái đẹp của một quan niệm khó nhìn ra. Dễ biết được điều hay của hai chữ Tự Do nhưng không dễ thấy cái đẹp của nó. Hay và đẹp có nhiều điểm khác nhau. Điều hay thường do tri thức tán thưởng. Đẹp do vô thức cảm nhận. Tận cùng cái hay là chân. Tận cái tốt là thiện. Đẹp vốn là mỹ. Người tìm cái hay thường trở nên tư tưởng gia hoặc triết gia. Người tìm điều thiện thường trở thành tín đồ hoặc giáo chủ. Nghệ sĩ tìm cái đẹp.

Hay và tốt thường có sự phân tích, suy lý, chọn lựa. Đẹp thuộc về trực giác. Thông thường người ta dễ cùng đồng ý về đẹp nhưng thường cãi cọ về điều hay và tiêu chuẩn tốt. Cũng thông thường người ta sống bằng đúng sai, hay dở, tốt xấu và dừng lại ở đó nên lẩn quẩn. Ở trên hay dở đúng sai là đẹp. Hằng ngày người sống bằng luật lệ, qui tắc. Bằng lý lẽ nên khó thấy cái đẹp. Sáng và trực giác đem đẹp đến cho

người. Ví như thấy cái hay của Khổng giáo thì dễ lầm thành ngụy quân tử. Thấy cái đẹp của Khổng học thì nhất định trở nên người chân chính dù không có danh quân tử. Ví như thấy cái hay và tốt của nghệ thuật thì còn thấy phân biệt biên cương, dân tộc, chính danh... Thấy cái đẹp của nghệ thuật thì hết. Đẹp vốn chỉ là đẹp mà thôi.

Cái tận cùng mà người nghệ sĩ tìm đến là đẹp. Hay và tốt không chưa đủ. Do đó mà nghệ thuật cao hơn tôn giáo. Nghệ sĩ lớn hơn triết gia. Từ cái đẹp của Tôi nghệ sĩ mang cái đẹp của tư tưởng và cái đẹp của đối tượng đến cho nhân loại. Thiện dùng để thỏa mãn nhu cầu tâm lý. Chân dùng để thỏa mãn nhu cầu lý trí. Mỹ là thực phẩm cho vô thức. Vô thức lúc nào cũng đói. Với khoa học ngày nay người ta chứng minh rằng một người trung bình chỉ sử dụng mười phần trăm chất xám. Thiên tài sử dụng độ mười lăm phần trăm. Phần còn lại, năng lực của vô thức, chưa ai biết. Do nhu cầu của vô thức, nhân loại luôn luôn cần nghệ sĩ như cần bác sĩ phục vụ cho thân xác.

Không có gì cao xa. Sáng tạo cái đẹp trong những chuyện những việc nhỏ lớn hằng ngày là hạnh phúc của đời người. Một nghệ sĩ chân chính là người vui vẻ an lành trong bất cứ một hoàn cảnh nào. Họ cũng run sợ, đau đớn, buồn khổ... có khi còn nhiều hơn người thường vì tình cảm của họ rất nhạy mong manh. Nhưng sáng sẽ đến mang họ về với đẹp và họ tìm lại cái thú sống. Không tiền, dùng sáng tạo mà tìm thêm tiền. Đau khổ dùng sáng tạo mà thoát ly. Không tình, dùng sáng tạo tìm ra. Có rồi, dùng sáng tạo làm cho nhiều hơn, đẹp hơn, khoái hơn. Như vậy sao không hạnh phúc? Đi tìm hạnh phúc chẳng qua là tìm cái đẹp bằng sáng tạo. Do đó tôi thích làm thơ.

Nếu không thành đại danh, nghệ sĩ không được trọng vọng. Đời sống của nghệ sĩ gần cái nghèo, chung cái sầu, ngập cái khó khăn. Vậy mà người ta vẫn muốn thành nghệ sĩ. Những nghệ sĩ ham thích danh tiếng, muốn những thứ bóng bẩy bề ngoài, thường chỉ có vỏ, không có ruột. Không đi xa. Không có chiều sâu. Hân hoan thỏa mãn vì những lời khen phù phiếm hoặc đau khổ hận thù vì những lời chê vô căn là dấu hiệu dừng chân tại chỗ.

Người nghệ sĩ thật làm nghệ thuật vì yêu thú sáng tạo. Như người lấy vợ vì yêu thú chia sẻ tâm hồn và thân xác.

Nếu không hưởng được cái thú ấy, tất nhiên nhẹ thì nhạt nhẽo chịu đựng, nặng thì ly dị. Không thiếu gì nghệ sĩ sau khi gá nghĩa với nghệ thuật rồi ly thân, ly dị hoặc phất phơ lạnh cảm chuyện sáng tác. Người ta nói rằng, không đủ đam mê. Không thấy thú làm sao đam mê.

Muốn trăm năm hạnh phúc với nghệ thuật, trước hết phải tìm hưởng cho được cái thú sáng tác. Cái tìm nào cũng mất công sức và thời giờ. Giá trị càng lớn càng khó tìm. Sách vở đề nghị bốn điều để tìm hiểu và tu luyện. Bảy điều để vượt qua. Và một điều tâm niệm.

1- "Người hèn nhát không muốn bắt đầu và người yếu đuối sẽ chết yểu trên đường đi". Câu châm ngôn lập quốc của người Mỹ trong thời khám phá miền Viễn Tây. Hai trăm năm sau họ dẫn đầu thế giới. Hoa Kỳ là một dân tộc đầy óc sáng tạo và lòng can đảm để thử cái mới. Có vậy họ mới chọn tân Tổng thống Clinton mà phế vị cựu Tổng thống Bush dù ông Bush đang oai hùng lừng lẫy trên thế giới. Bỏ cái đang có để đi tìm cái mơ hồ: có thể tốt hơn, có thể xấu hơn cái đang có. Lòng can đảm phải lớn. Sức mạnh dạn phải đầy. Người nghệ sĩ có sáng tạo luôn luôn là kẻ ở trong tình trạng xung phong khám phá. Khi nào mỏi mệt dừng chân hưởng phước là lúc đã về hưu.

Xã hội yên tâm hơn với luật lệ, truyền thống, giáo điều vì họ đã quen dù phải chịu đựng. Nghệ sĩ đơn độc đi tìm cái mới. Phá vỡ cái bảo vệ số đông. Nghệ sĩ phải chuẩn bị chào đón những chống đối, ghét bỏ, từ chối của thế giới xung quanh. *Khi nhận được tín hiệu của sáng tạo mà rụt rè không dám thực hiện, sáng tạo sẽ dần dần không đến nữa.* Người nghệ sĩ sẽ chết dần theo sự hèn nhát của hắn.

2- Tự tin. Nghệ sĩ tin vào sức mạnh của sáng tạo. Tin vào khả năng đặc thù của họ. Tin vào con đường đã đi sẽ đến dù phải vượt gian lao.

Tin vào sự lắng nghe lời khen chê nuôi giết xung quanh và sức chọn lọc đều bổ ích cho kiến thức và kinh nghiệm. Một nghệ sĩ thiếu lòng tự tin thì chỉ đạt được mức độ trung bình hoặc chỉ lộng giả hí chân mà thôi.

3- Khôi hài rất gần gũi với sáng tạo. Khôi hài đem đến sự thoải mái cho chủ nhân và người xung quanh. Khôi hài là một sản phẩm đắc chí của sáng tạo. Óc khôi hài đòi hỏi sự nhạy cảm, kiến thức rộng và kinh nghiệm tâm lý. Sự sáng tạo cũng vậy.

4- Nhạy cảm là phản ứng của trực giác. Càng biết nhiều về một vấn đề, trực giác càng mạnh. Càng kinh nghiệm nhiều về một việc gì, trực giác càng nhạy. Do đó nghệ sĩ cần khiến thức rộng sâu, sống nhiều kinh nghiệm sống.

Trên diện kỹ thuật, trực giác đến từ bán cầu bên phải của bộ óc. Khi ngũ quan thâu nhận sự vật bên ngoài đem vào cho bộ óc làm việc. Phản ứng hóa học tạo nên hình ảnh, tư tưởng và những kết nối liên lạc của hệ thống. Trí nhớ và sức mạnh của vô thức đóng vai trò rất quan

trọng vì tạo ra điều kiện cho trực giác phát xuất. Ví dụ như sau mười năm xa cách, gặp lại bạn cũ nhận ra ngay dù trí nhớ của chúng ta chỉ có hình ảnh của người bạn lúc tóc chưa bạc, râu chưa dài, chưa ốm như que củi.

Người sáng tạo còn có đặc điểm thích giải quyết những vấn đề khó khăn. Có khả năng hưởng thụ cái đẹp của Tự do. Tức là sung sướng làm những gì thích làm cùng một lúc biết nghiêng mình trước hạnh phúc của người khác, do đó tự nhịn bớt những điều thích làm. Và sung sướng trong cái đẹp của tự công bình và tự bác ái.

1- Cái lớn nhất phải vượt qua là tiếng nói thì thầm bên trong con người. Thường khi chúng ta có ý tưởng định làm cái gì, lập tức tiếng nói khi rỉ tả khi ồn ào, bàn luận. Vạch ra những khó khăn. Kể hết những lý do sẽ thất bại. Thường kết luận rằng, người khôn là người biết giữ cái đang có. Bằng lòng với hiện tại. Yêu sự bình an... Tiếng nói này cần thiết cho luận lý và sự chọn lựa nhưng là trở ngại lớn cho sáng kiến. Nên nhớ sáng tạo chỉ là phần khởi đầu.

Thành hay bại là do lúc thực hành. Hãy lắng nghe tiếng bàn thầm ấy khi bắt tay vào việc phân tích, chọn lựa và hành động. Người nghệ sĩ lớn không phải chỉ có khả năng sáng tạo. Họ còn có khả năng thực hành cái sáng. Khả năng này thuộc về trí tuệ như một tướng lãnh, như một doanh nhân, như một chính trị gia.

2- Nhà văn Nguyễn Tường Tam, nhà văn Tam Ích đã sử dụng khả năng hành động này để trở thành con người lịch sử. Có lẽ cái hay đã thắng cái đẹp trong họ. Một vấn đề luôn luôn có nhiều cách giải quyết. Cách nào là do mỗi người chọn lấy theo giá trị riêng. Cách chọn nào cũng có cách hay hơn. Đó chỉ là kết quả tự nhiên của sáng tạo. Vấn đề là có muốn tìm hay không và thời gian có đủ hay không.

Đời sống không như bài toán. Hai cộng hai là bốn. Hệ thống học đường thường tạo ra phản xạ một câu trả lời rất đúng cho một câu hỏi. "Hỏi có mấy đường lên thiên đàng? - Thưa, có một đường rất chính rất thật là đạo Thiên Chúa." Và Emile Chartier nói rằng: "Không có gì nguy hiểm cho bằng khi một ý tưởng chỉ là ý tưởng duy nhất mà anh có." Tôi tin có Chúa nhưng tôi tin có nhiều đường lên Thiên đàng hoặc chẳng có đường nào cả vì tất cả sẽ lên trời. Và đây là cái đẹp tận cùng của bác ái. Công bình còn đứng sau bác ái xa lắm. Lên trời không phải bằng trí tuệ.

Sáng tạo là không đặt hết trứng vào một giỏ trả lời.

3- Sử dụng quá nhiều luận lý và phán đoán trong khi sáng tạo chỉ

làm cho sáng thụt thò rồi tắt sớm. Nếu thế giới này do những nhà luận lý cứng ngắc dẫn đường thì nhân loại ngày nay còn sống hoang dã. Đi bộ. Nói ú ớ. Thử hỏi nhà luận lý thứ thật có dám nghĩ đến khi con người bay như chim lội như cá không? Người đầu tiên đầu tư máy bay gặp biết bao là chống báng. Chính con cháu của các kẻ phản đối ấy đang hưởng thụ phản lực, xe hơi, tàu ngầm.

Lý luận, chọn lựa chỉ cần thiết sau khi sáng tạo đã trưởng thành.

4- Picasso nói: "Mỗi hành động sáng tạo trước tiên là hành động chống phá." Nếu quá yêu mến luật lệ, qui tắc, giáo điều, truyền thống thì đừng chọn con đường làm nghệ sĩ. Vệ sĩ nhé.

5- Tự mãn và lười biếng là hai đao phủ thủ chặt đứt gốc và ngọn của sáng tạo. Thoạt nhìn qua sáng tạo đến một cách rất ngẫu nhiên. Tại sao tôi không sáng tác một bức tượng nổi tiếng nhất Việt Nam? Tại vì tôi không bao giờ nghĩ đến. Tôi chỉ nghĩ đến thơ nên thơ mới sáng.

Người nghệ sĩ muốn có sáng tác mới phải làm việc rất nhiều. Họ đọc sách. Họ quan sát. Thâu nhận kiến thức. Họ sống. Họ nghĩ ngợi. Rút cốt kinh nghiệm. Họ hỏi. Họ trả lời. Cô đọng ý niệm, nhân sinh quan. Họ sống gần gũi với nghệ thuật sáng tác. Rồi khi một đề tài bất chợt đến. Họ đã sẵn sàng. Chụp lấy. Sáng tạo. Sau đó họ tiếp tục làm việc. Chờ một cơ hội khác.

Nếu là một đề tài đã chọn lựa, như dựng một vở kịch hoặc viết một truyện dài, diễn tiến của sáng tạo thường đi qua bốn giai đoạn. Chuẩn bị. Góp nhặt phân tích phân loại những tin tức và tài liệu. Ngụp lặn trong mọi khía cạnh của đề tài. Giai đoạn làm việc của tri thức. Đến giai đoạn làm việc của vô thức, gọi là nghỉ ngơi. Làm một công việc gì khác cho trí óc thảnh thơi. Vô thức tự động làm những nối kết bằng năng lực siêu hình của nó. Và tự dưng có một lúc, không biết lúc nào, chủ nhân bỗng òa thầm một tiếng "A, đúng rồi." Sáng ấy lóe lên. Câu trả lời hiện ra. Thông thường là những lúc thoải mái như đang lái xe, trước giờ đi ngủ, nửa đêm thức dậy. Sau giai đoạn sáng xuất hiện. Giai đoạn cuối cùng là tác. Ghi lại, diễn tả, phát huy cái sáng. Tạo cũng quan trọng như sáng vì không có tạo, sáng chỉ là một thai nhi không ra ánh sáng.

Một ý tưởng đẹp + Hành động đúng = Kết quả tốt

Ý sáng và đẹp + Nghệ thuật ngôn ngữ = Thơ hay

Khi vừa tạo ra một tác phẩm người nghệ sĩ sung sướng mừng rỡ, có khi ồn ào hết sức trẻ con. Nhưng chẳng bao lâu sau, họ nhìn ra

những khuyết điểm, những thiếu sót. Họ bỏ tác phẩm ấy vào quá khứ, chỉ mang theo kinh nghiệm đi tìm tác phẩm khác. Cứ như vậy cho hết một đời người.

6- Nghệ sĩ thật không sợ lầm lỗi, không ngán thất bại. Bởi lẽ mỗi tác phẩm ra đời là mỗi lầm lỗi. Quá khứ sáng tác của nghệ sĩ là thất bại. Thành công trong tâm tưởng nghệ sĩ luôn luôn là tương lai. Sau mỗi tác phẩm là mỗi lần nghệ sĩ lớn lên, sâu hơn, già thêm. Họ đi tìm một cái gì đẹp hơn, hay hơn cái đã làm. Nghệ sĩ thông thường thích những tác phẩm về sau của họ hơn là những tác phẩm lúc trước. Dù giới thưởng ngoạn và phê bình thường khi ngược lại. Cũng có thể càng lớn, càng già, càng sâu, nghệ sĩ càng chìm đắm trong thế giới riêng tư hoặc bỏ xa thời đại nên thiên hạ đương thời không mấy ai cảm được. Giá như Van Gogh được nhìn thấy bức tranh Hướng Dương của ông bán cả chục triệu Mỹ kim. Không biết ông có sung sướng thỏa mãn hay lại cho rằng những người mua kia ngu ngốc?

7- Ngoại trừ những chướng ngại tâm lý, bệnh lý, xã hội... nghệ sĩ còn nên tránh xa những "chuyên viên", tạm gọi là Ái khẩu gia. Những nhà ái khẩu có danh tính là những nhà phê bình. Họ hay phê trước khi bình hoặc bình sau khi phê đã có trong vô thức. Muốn thấu một thứ gì, quan trọng nhất là kinh nghiệm. Nhà phê bình thường không có hoặc rất kém kinh nghiệm sáng tác. Họ nói theo điều họ đã đọc, đã nghĩ, đã tin. Cứ như các tu sĩ nói về hạnh phúc hôn nhân.

Nếu tôi phải chọn giữa một người sáng tác dở và một người phê bình hay. Tôi sẽ chọn người sáng tác. Vì sáng tác dở thì còn có ngày trở nên hay. Phê bình hay như rừng thiêng nước độc, như mọi da đỏ tàn sát những lữ hành yếu đuối trên con đường thám hiểm khám phá.

Những ái khẩu gia không có danh tính thường tìm thấy trong những chốn trà dư tửu hậu, quanh những bàn sa lông đèn mù, hoặc quanh những cái miệng không nói sợ người khác tưởng mình câm.

Khi hỏi đến Napoleon, người ta thường nghĩ ngay đến Waterloo. Dù Napoleon chỉ thua có ba trận lớn mà thắng hơn một tá. Khi nói đến Richard Nixon, "Watergate", mấy ai nhớ đến kế hoạch mở đường về Trung Cộng của ông. Định luật Backer's Laws of Gravity cho rằng: Người đời thường nhớ sự thành công của anh cho đến khi anh vấp phải một thất bại lớn. Người ta thường nhớ một câu thơ dở, không nhớ hết bài thơ. Thường nhớ một chi tiết sai, không nhớ cả câu truyện.

Trong "Unlocking the Creative Genius of Your Mind," Scott Witt cho rằng lòng tự tin là căn bản cần thiết nhất cho sáng tạo. Không có

câu hỏi nào mà không có câu trả lời. Chỉ không có đủ lòng tin để tìm câu trả lời mà thôi.

Đừng để những xàm tiếu làm lỏng lẻo lòng tự tin và nuôi lớn sự sợ hãi thất bại. Xưa nay các bậc hào hùng đều là đối tượng của thiên hạ rửa miệng lau tay. Có gì lạ.

Đã sống với sáng tạo thì phải nhìn những sự chối bỏ của người xung quanh và những thất bại của chính mình như những tư liệu để làm cho sáng tạo lần sau sáng hơn. Xưa nay những kẻ thành công trong đời sống đều có đặc điểm giống nhau. Tin tưởng lạc quan về sự thành công trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận sự thất bại tàn tệ nhất nếu đến. Đây là điều tâm niệm.

Sáng tạo có tập được hay không? Bẩm sinh ai cũng có sáng tạo. Chỉ tại đời sống làm người ta từ bỏ nó. Công dụng của sáng tạo thì lớn hơn những điều tôi được biết. Cũng như mọi thứ khác, có gần gũi tu luyện thì sáng tạo sẽ nẩy nở. Như từ chiến thắng một con lừa chứng cho đến chiến thắng cuộc nội chiến Bắc Nam.

Abraham Lincoln thường kể rằng, Ulysses S. Grant, thuở nhỏ đi xem xiệc thấy người ta dùng một con lừa nổi chứng để kiếm tiền. Chủ nhân ra giá nếu ai có thể cưỡi con lừa chứng này trong một thời hạn ngắn, sẽ được lãnh tiền thưởng. Người té bể mông. Kẻ gãy tay... Chính Grant cũng té nhào khi thử lần đầu tiên. Không bỏ cuộc, ông tiếp tục quan sát và suy nghĩ. À ha. Lần này ông trèo lên lưng lừa một cách khác thường. Ông cưỡi ngược. Hai tay quấn chặt cái đuôi. Hai chân vòng qua bụng móc nhau. Con lừa nhảy múa cho đến quá giờ. Ông đã chiến thắng.

Lớn lên. Bằng những sáng kiến, một lần nữa ông đã thống lãnh quân đội miền Bắc chiến thắng miền Nam trong trận nội chiến. Mặc dù đối thủ là tướng Lee, một ngôi sao sáng trong quân đội Hoa Kỳ thời ấy.

Nếu có ai hỏi tại sao tôi làm thơ? Câu trả lời sẽ là: Tôi làm thơ để tập óc sáng tạo. Tôi biết nó rất cần cho đời sống, hơn hết những thứ khác.

Nếu có ai vẫn không tin rằng mình có óc sáng tạo, hãy nhìn vào hình vẽ dưới đây. Bạn thấy được bao nhiêu con vật?

Có kẻ nói với tôi, họ thấy cả con người trong hình. Bạn thấy không?

Tháng 8, ngày 25, 1993

Ngu Yên

VÕ PHIẾN

quách tấn

Thi sĩ Tản Đà có lần nhìn lại đời cầm bút của mình, và viết: "*Tôi từ khi theo nghề quốc văn kể có tới gần mười lăm năm, lên bổng xuống trầm, vào trong ra đục, phong trần chẳng quản, phi nghị mặc ai, thực cũng mong tựa văn chương để có ít nhiều sự nghiệp. Mới đây, tôi ở Hà Nội vào Nam, thăm Thuận An, qua Đà Nẵng, trải Hoành Sơn, Hải Vân, một lần đường bộ, hai lần đường thủy, càng thấy giang sơn là to, càng mới biết văn chương là rất nhỏ mà bao nhiêu cái tư tưởng muốn lấy văn chương làm sự nghiệp, tự nhiên như bọt bể mây ngàn*" (1).

Ngày xưa, khi thi sĩ viết những lời tâm huyết ấy, tôi mới vừa biết đi trên hai chân chưa được bao lâu. Nằm kềnh ra không phải là đặc điểm của loài người, bò lê bò la bằng cả tứ chi cũng không phải đặc điểm của loài động vật người, đứng thẳng lên di chuyển bằng hai chân mới là người. Vậy ngày thi sĩ Tản Đà ngoái đầu nhìn lại sự nghiệp, tôi loạng choạng bắt đầu đời người.

Sau này, gần cuối đời ngẫu nhiên gặp câu văn của cụ, thoạt tiên tôi bất giác mỉm cười: "Mới từ Hà Nội vào Nam cụ đã ngợp!"

Dần dà nghĩ lại thấy mình lố bịch quá thể. Cười đây hẳn là cười về chỗ Tản Đà tiên sinh đi chẳng bao nhiêu đã đâm hoảng vì cảnh rộng lớn chăng! Ý muốn cho rằng tuy chạy khắp bốn phương trời, trải qua đủ năm châu bốn bể như lớp người đồng cảnh của mình hiện nay mới là... chỉ chăng? - Thì ra bậc tiền bối chỉ đi chừng nghìn dặm trong nước đã học được bài học nhũn nhặn, đã nhận thức ra cái phận mỏng manh của cá nhân, cái tính phù phiếm của một "sự nghiệp". Trong khi ấy, mình lăng quăng đến xơ xác thân thế mà cơ hồ chưa học hỏi

được gì, mà vẫn cứ nhâng nháo! Mà vẫn nhì nhằng ôm riết lấy quản bút chưa dài tới hai tấc tây, như thể không rời nổi... sự nghiệp!

Trời đất mênh mông đành không dạy được lời nào cho đám tục tử vô cảm xúc sao? Người thi sĩ đa tình đa cảm hồi đầu thế kỷ lại rủi ro có hàng lũ hậu sinh "chì" đến thế sao?

*

Mùa xuân năm 1978, có lần cùng với họa sĩ Lâm Triết rủ nhau kéo lên Hồng Sam quốc gia lâm viên (Sequoia National Park) xem chơi cho biết. Xe leo núi ngoắt qua ngoắt lại mãi; vào khoảng mười giờ sáng chúng tôi dừng ở một trạm nghỉ bên triền núi: một di tích lịch sử. Hồi xa xưa, đây là địa điểm sinh sống của một bộ lạc da đỏ. Bây giờ hoàn toàn quạnh quẽ, không một mái lều, không một bóng người. Cây cối mịt mùng. Khí lạnh của cao độ. Trời xanh. Nắng chan hòa. Khuất sau cây rừng rậm rạp, một con suối đổ nước xuống cái vực không mấy sâu; lòng suối chỗ là cát sạn, chỗ thì nền đá trơn mòn. Bên bờ suối có nhiều tảng đá rộng. Trên mặt đá còn lưu dấu vết của người xưa: những lỗ trũng con con. Dân da đỏ nghiền hạt dẻ làm món ăn, đã dùng các lỗ trũng này như là một thứ cối đá để giã hạt. Dẻ nát đá mòn.

Chúng tôi chọn một tảng đá lớn, cùng nhau ngồi ăn bữa sáng, ăn uống, trò chuyện khá lâu, trước khi tiếp tục leo núi xem cây hồng sam. Bấy giờ gần cuối xuân nhưng trên núi hãy còn từng đống tuyết. Đống nhỏ thôi, rải rác. Du khách không có mấy, chim chóc cũng vắng. Giữa núi non tĩnh mịch, những cây hồng sam cao nghênh ngang, to lớn dị thường. Quá đỗi dị thường: cả một chiếc xe Volkswagen có thể chui qua lỗ hổng của thân cây tét đôi, cả một gia đình đông đảo có thể đứng giăng ngang mà chụp hình để ghi nhớ cái bề rộng của thân cây đã hưởng bốn, năm nghìn tuổi thọ.

Mười hai năm sau, bây giờ mỗi lần hồi tưởng lại, tôi vẫn chưa thoát nổi cái sững sờ hồi đó. "Ơ kìa! Mình đang đối diện với một cuộc sống bắt đầu tự thuở vua Hùng Vương!" Năm nghìn năm: khi đấng Hùng Vương thơ ấu ngày ngày rình rập một ổ chim non trên cành cây thì đó cũng là thời thơ ấu của cây hồng sam này đây. Ước chừng bấy giờ nó cùng tầm một đứa bé. Vua Hùng truyền ngôi, công chúa Hùng lấy chồng thần Núi thần Nước v.v..., những sự việc như thế diễn ra cùng thời với các cây hồng sam này cả. Rồi vua chúa đi vào thiên thu, mút xa vào cõi mịt mờ huyền ảo... Cây hồng sam vẫn còn đứng đấy. Sừng sững, với mớ tuyết nhỏ thấm ướt lẹp nhẹp dưới chân, với mấy sợi mây mỏng trên đầu, một buổi xế trưa sáng rực mà vắng vẻ. Chúng tôi nhìn

ngấm, sờ mó, xô, vịn vào thân cây, ngạc nhiên về cái sự thực giản dị của nó.

Lúc thơ thẩn dưới gốc cây già trên núi cao đã thế, lúc ngồi trên thạch bàn ở lưng chừng núi, tần mần cho mấy ngón tay ngoáy vào những lỗ đá lớn bằng miệng chén trà, cũng đâm ra tần ngần nghĩ ngợi về cảnh ngộ trôi giạt của đời mình: Một đứa bé sinh trưởng ở làng quê dưới chân dãy Trường Sơn bên Việt Nam như mình sao lại đến nỗi có ngày ngồi ngơ ngẩn giữa một cao độ um tùm miền tây lục địa Mỹ châu, ngồi mà nhíu mũi hít thứ hơi nước lạnh ngắt của từng đám mây kéo lê thê ngang đầu, mà tay thì mày mò táy máy sờ soạng vào chỗ cội rễ của một dân tộc lạ hoắc? Giữa mình với mấy lỗ đá con con này, với nền văn minh này, với dân tộc này, sự xa cách về thời gian cũng như không gian thật là thăm thẳm.

Thời gian nó uy hiếp mình. Khoảng rộng nó uy hiếp mình.

Người Mỹ khoái du lịch. Mỗi kỳ nghỉ mỗi đi. Các trung tâm du lịch đông nghìn nghịt, có nơi hàng năm thu hút ba bốn triệu du khách. Xứ này có đẹp chăng? Non sông có gấm vóc chăng? Cái đó tùy con mắt từng người, không thể quyết được. nhưng có điều phải chịu là trên cõi lục địa Mỹ châu có những cái lớn lao quá cỡ, những cái "quá đáng", làm ngợp người. Cây già trên núi California đã ghê, hố thẳm Grand Canyon ở Arizona càng ghê: hàng trăm triệu năm sớm chiều phơi trần ra trước mắt mình. Hoặc đi nửa ngày trên xa lộ từ Grand Canyon qua Las Vegas, lượn vòng vèo dưới những ngọn núi đỏ, len lách giữa bao nhiêu hình thù kỳ dị dựng lên ngất ngưởng mà câm lặng vùng thung lũng Zion, dội lên giữa trời những oằn oại từ muôn triệu năm xưa chưa nhòa dấu vết; hoặc một buổi sáng tinh sương đứng trước cái mạch nước nóng Old Faithful nhìn quanh quất núi rừng bao la với hàng đôi ba trăm ngọn nước tư bề ùn ùn phun lên từng chặp trắng xóa suốt đêm ngày, nghĩ đến cuộc sống hoang dã trong khu vực giải trí Yellowstone rộng trên hai triệu mẫu, hoặc một chiều nào đó thả bộ dưới chân thác Niagara, nghe tiếng nước đổ ầm ầm đều đều, nhìn đám người li ti áo quần xanh đỏ tím vàng, chỗ đông chỗ thưa, lăng xăng ngược xuôi, nhìn lũ hải âu vô số chi chít bay tả tơi tán loạn trên nền trời đầy mây xám v.v..., cảnh nào cũng làm mình chơi vơi cả. Những lúc như thế chợt thấy những chạy vạy bon chen trong sở làm, những lục hặc gầm gừ trong gia đình, những lo lắng băn khoăn trong việc làm ăn, thậm chí cả "mối tình lớn" trong đời mình cũng đâm ra vô nghĩa. Mọi thái độ trịnh trọng đều hóa ra buồn cười.

Vả lại, không cần đến khung cảnh hùng vĩ mênh mông mới uy hiếp

nổi mình. Lắm khi chỉ một cái cỏn con. Một hôm lật qua lật lại cuốn sách, xem chơi mấy tấm hình bồn-tài, bỗng gặp một cây kiểng cao 32 inches - chừng tám tấc tây - một cây tùng đuôi cọp (hổ vĩ tùng, *ezo matsu*) giống quê quán miền đảo Kurile bên Nhật. Nhìn qua lời ghi chú thì cái cây tùng cao bốn gang tay ấy đã từng sống một nghìn năm trong chậu.

Một nghìn năm! Hồi ấy vị tổ tiên xa nhất của dòng họ mình lênh đênh ở chỗ mịt mờ nào nhỉ? Những tài liệu xưa nhất còn gìn giữ được trong nhà chi cho biết chừng năm trăm năm về trước tổ tiên còn ở Hải Dương ngoài Bắc. Từ khi con cháu vào Trung, rồi đất nước phân chia, lìa đứt cội nguồn, không còn ai biết gì về gốc gác nữa. Tổ tiên không còn kỷ niệm, không tên họ nữa. Tông tích tan biến mất vào chỗ mông lung. Ôi thôi, còn nhắc làm chi đến đám hát mừng ông cử nhân đầu tiên trong họ, đến vụ kiện tụng tranh chấp gia tài giữa hai ba chi phái gây xấu hổ cho cả họ hàng v.v... Những biến cố lớn lao ấy thoắt cái thành ra chuyện buồn vui ngắn ngủi, cỏn con.

*

Cái rộng lớn, cái lâu dài là thế. Còn những đảo điên của thế cuộc? Thế cuộc là món đặc biệt của thế hệ này. Cách mạng lớn cách mạng nhỏ ba bảy lần. Kháng chiến vì độc lập, chiến tranh ý thức hệ, đánh nhau với đế quốc đỏ, với thực dân trắng, có bom chùm bom dây, có B-52 v.v... cẩn thận, trong đôi ba mươi năm, lại có những hầm chôn người tập thể giết người không cần thứ bom đạn nào cả v.v..., những cái đó có lay động tâm hồn chăng?

- Tất nhiên. Ai mà không nghe tang thương chết chóc thấm vào thơ Nguyễn Bắc Sơn, Tô Thùy Yên? Và sau giai đoạn thơ Nguyễn Bắc Sơn, Tô Thùy Yên, còn là giai đoạn của cuộc tù đày hàng triệu người, của những thảm cảnh giữa đại dương, rồi các thay đổi liên tiếp long trời lở đất ở Đông Âu, ở Nga Sô, ở khắp thế giới Cộng sản, sự biến dạng của cục diện toàn cầu trong khoảnh khắc v.v..., những cái đó tất nhiên phải làm ngẩn ngơ bàng hoàng, phải thấm sâu vào tâm hồn một thế hệ nữa chứ.

Dù ta có làm chính trị, có suy nghĩ viết lách về chính trị hay không viết gì về chính trị, dù ta chỉ ngông nghênh kể chuyện *Liêu trai*, mà làm độc có một món thơ tình v.v..., thiết tưởng đâu đó trong ta vẫn có dấu ấn của những đảo điên thời đại. Sự thẩm thấu lần hồi của các biến động lớn có thể ta không hay biết, có thể tích lũy vô ý thức. Có thể ta không cần rướn cao cổ "nói lên" một cái gì lớn lao cả. Không, nói lên

nói xuống: không cần. Không cần lấy tư cách một tuổi này nói với một lớp tuổi nọ, nhân danh thế kỷ này nói với một thế kỷ kia, nói về một sứ mệnh, nói lên những trăn trở, những ưu tư rất om xòm. Không cần. Những cái âm thầm ngấm vào tâm hồn rồi tự nó sẽ có các biểu hiện vô ý thức còn quan trọng hơn là mọi phô diễn cố tình.

Thành thử đâu có lớp hậu sinh nào thật "chì"? Trong giọng thơ của một số tác giả trước 75, người ta thấy lấm khi thân thế còn chẳng xem ra gì nữa là sự nghiệp: bọt bể mây ngàn cả.

*

Nhân đây nghĩ đến cái diễn biến tâm hồn của một thi sĩ đã trải qua lấm tang thương: Quách Tấn.

Trước 1945 Quách Tấn cũng không khỏi có chuyện buồn (đời thi sĩ mấy khi vui vẻ?). Trong thơ ông bấy giờ, nếu muốn, ai nấy có thể tha hồ nhặt ra những âu sầu, những giọt lệ, tiếng khóc v.v... Ông viết về một cảnh chiều:

Khói mây quanh quẩn hồi chuông vọng
Trời biển nôn nao tiếng địch dồn
(Chiều xuân)

Rõ buồn. Nhưng bấy giờ có cái nôn nao. Sau này chúng ta gặp những buổi chiều khác hẳn:

Chim chiều kêu trước dạu
Gối sách nhìn hư không
(Hư tâm)

hay:

Hiên mận dừng tay bút
Chiều rơi chiếc lá khô
(Dừng tay bút)

Không có lời than thở nào. Chẳng qua là nằm gối sách, là ngồi ngưng bút, vậy thôi.. Nhưng tiếng chim kêu tiếng lá khô rơi rụng, nó tịch mịch quá chừng.

Ngày trước, cái sầu của ông có lúc thật rực rỡ trong những câu thơ huy hoàng:

Bồn chồn thương kẻ nương song bạc
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng
(Đêm thu nghe quạ kêu)

Cái nhớ thương của ông có lúc xôn xao rộn ràng:

Tôi khóc tôi cười vang cả mộng
Nhớ thương đưa lạc gió qua mành

(Mộng thấy Hàn Mặc Tử)

Sau này, khi con trai tử trận, ông không nói nên lời, cũng không khóc nên tiếng nữa:

Canh tàn nằm nuốt lệ
Thời loạn kiếp nam nhi
(Khóc con IV)

Nhất nhất cái gì cũng quạnh quẽ, hiu hắt, tịch mịch. Những cái ấy gói ghém trong hai mươi chữ của bài ngũ ngôn tứ tuyệt thật hợp. Lời thơ ngắn, không thể ngắn hơn. Như không duỗi ra hết ý. Như ghìm nén cảm xúc. Như thể canh tàn nuốt lệ.

Thơ Quách Tấn sau 1954 rất nhiều. So với trước không phải là hay hơn. Những bài ngũ ngôn như trên đây có lắm bài không thể bảo là hay. Nhưng đọc đi đọc lại hồi lâu, tự dưng... sờ sợ. Một mình giữa một ngôi nhà vắng, giữa ngọn đồi hoang, giữa quãng đồng không đã có thể sợ hãi; huống hồ lạc vào giữa một tâm hồn, một không gian tinh thần tịch mịch.

Thời vừa qua không thiếu những kẻ ngất ngưởng, hào sảng, khinh thường sống chết, rượu say túy lúy coi trời bằng vung, không thiếu kẻ đại ngôn, ngày ngày toàn nói chuyện tồn sinh, hiện sinh, hiện hữu, chuyện càn khôn vũ trụ v.v... Quách Tấn không sở trường triết lý, không niềm tin tôn giáo, không xông pha trận mạc, không rượu không say... Quách Tấn sống lặng lẽ, sống âm thầm ở tỉnh lẻ. Trước 1975 rất nhiều năm hiếm khi thấy bóng ông ở Sài Gòn. Ông ít bạn bè, ít giao du, ngay cả trong văn giới. Quanh năm, chẳng mấy khi thấy báo chí nào đăng thơ ông, hiếm khi có nhà xuất bản in thơ ông trong nước. Ngay cả ở những số báo Tết thường là chỗ gặp gỡ đông đảo văn thi sĩ cũng ít khi thấy thơ Quách Tấn. Mọi người cơ hồ quên hẳn tên ông.

Ở Mỹ một hôm đầu năm 1990, có người bạn chủ báo nhiều tình cảm, sực nhớ đến Quách Tấn, và hỏi:

- Cụ Quách Tấn qua đời ngày tháng nào nhỉ? Mình nên có một số báo kỷ niệm ông cụ chứ?

Tôi ậm ờ lạc lõng:

- Quách Tấn mất rồi à?

- Ơ! Thế cụ vẫn còn sức khỏe hả anh?

- Ấy, ấy... Để xem... Để tôi hỏi lại anh em xem... Năm vừa qua có nhiều văn thi sĩ tiền chiến ra đi... (2)

Sự lúng túng ấy không có gì quá đáng. Ngay hồi trước 75, giữa văn giới ông đã khuất dạng, đã là một sự vắng thiếu còn nguyên xương

thịt, huống hồ ngày nay cách một đại dương. Quách Tấn là người như thế. Ông không đi nhiều, không thấy bao nhiêu cảnh lớn lao hùng vĩ, không vào nam ra bắc gì ráo. Ông chỉ vào ra một thư phòng, một mái hiên, một khoảnh vườn, nghe một tiếng lá, nhìn một tia nắng của thường nhật, và chi tiết về những cái như thế. Nhưng thơ ông, nhất là các bài thơ con con của ông sau này, gây một sợ hãi vu vơ, mơ hồ, mà mênh mang. Sợ hãi trước sự tịch mịch.

Không ai nghĩ rằng ngẫu nhiên sau này Quách Tấn gặp nhiều cảnh tịch mịch hơn trước, hay đất trời sau này chợt hết nôn nao. Không có ngẫu nhiên nào. Đây là cái tịch mịch của một cuộc đời đã trải qua nhiều tang thương, của một tâm hồn thấm nhiễm quá nhiều cái vô thường của thế cuộc.

Tháng 3-1990

---

(1) Đông Pháp thời báo, số ra ngày 17-12-1927

(2) Ông mất ngày 21-12-1992

CHRISTA WOLF
THẠCH HÃN dịch

còn lại được gì

(tiếp theo kỳ trước)

Cũng như tôi trong căn nhà này.

Tôi đi bộ qua cầu Weidendammer về hướng đối diện và không thể không nghĩ đến những tập hồ sơ chứa đựng những báo cáo về tôi. Nhưng trước tiên những báo cáo đó phải được sắp đặt, phân loại, rồi đọc lên cho thư ký ghi chép. Hay họ làm việc cách khác! Tôi có thể tưởng tượng ra được Jurgen M., mỗi sáng đến sở đúng tám giờ, lấy chiếc bìa đựng hồ sơ có ghi tên tôi trên đó trước tiên không? Tôi cũng hơi hoang tưởng đấy. Bìa đựng báo cáo về tôi ngày hôm trước; và Jurgen M. chăm chú đọc một cách khoái chí. À, ngày hôm qua - nhưng giờ là ngày hôm nay - bà ấy nhận điện thoại lúc 9:45 sáng. Người gọi: Tên người bạn của tôi hiện ra ở mục này. Tiếp theo là phần ghi chép cuộc điện đàm. Khi đọc đến phần này, Jurgen M., lúc này lòng anh đang vui, sẽ mỉm cười. Nhưng anh cũng ở trong một thế trịch thượng không kém. "Ám hiệu", "cà phê", "trà", ồ, bọn này chỉ là dân tài tử! Jurgen M. là một tay chuyên nghiệp, nếu cái nhìn của tôi về anh là đúng, và một người thông minh như anh, rồi có ngày anh sẽ thấy kinh hoàng trước sự vô ích của việc anh làm vào một buổi sáng nào đó khi anh đang đọc bản báo cáo thứ hai-trăm-ba-mươi-bảy do các mật báo viên của anh cung cấp. Bởi vì mỗi khi lật những tờ báo cáo, đọc một dòng chữ, một dấu ghi tốc ký, một đoạn ghi buổi nói chuyện đó đây, rồi tự hỏi là mình có biết gì thêm về đối tượng mà trước đây anh chưa hề biết, để rồi anh sẽ thành thật trả lời: Chẳng có gì. Và nếu anh có hỏi là mình đã đạt được thành tích gì, thì anh cũng sẽ trả lời là không.

Nhưng tôi biết nhiều hơn thế. Anh đã đạt được nhiều thành tích, nhưng anh sẽ không biết được mình đã đạt được thành tích gì, bởi đó là điều mà những mật báo viên của anh không nghe được, những máy nghe lén điện thoại của anh không thu được. Bởi những chuyện anh cần biết rất mỏng manh, vuột qua kẽ ngón tay của những người theo dõi, ngay cả một màng lưới cũng khó mà bắt giữ lại được. Và khi tôi hỏi điều anh muốn biết là điều gì thì tôi cũng không thể tìm ra được tên gọi. Tôi tự thất vọng và cũng không tìm thấy lý do nào biện hộ cho việc mình sắp làm. Tôi đi ngang qua bãi đậu xe, hướng về phía chiếc xe màu xanh ve chai (họ vẫn còn đó, chẳng lẽ tôi mong là họ đã đi

sao) - lúc 11:15 - tôi đi qua chiếc xe và làm cho ba người ngồi trong xe phải sửng sốt trong lúc họ đang ăn trưa. Người ngồi đằng sau tay lái để hộp đựng đồ ăn trên đùi, người ngồi bên cạnh đang cắn một trái táo, người ngồi ở ghế sau đang nuốt một ngụm nước chanh. Khi thấy mặt tôi, anh không bị nghẹn, mà vẫn tiếp tục uống một cách vô tâm, nhưng cả ba đều đã nhìn tôi chòng chọc, như thể đều được một mệnh lệnh nào thầm lặng sai khiến. Tôi nghĩ là họ đã được dạy cách theo dõi như thế ở trường huấn luyện, khi tôi đi hết bãi đậu xe đến hộp thư, làm bộ như có thư để gởi. Họ phải học được một số nghề nào đó, ngoài những môn khoa học xã hội ra. Biết đâu còn có cả khóa học cách theo dõi người khác như thế ghi sẵn lên chương trình hàng tuần: Căn Bản Theo Dõi.

Nhưng nếu người đó không phải là Jurgen M., mà là một người khác thì sao? Tôi nhận ra giọng nói. Chào bạn. Đó là tiếng nói của người kiểm duyệt ở ngay trong tôi. Đã lâu không gặp bạn. Vậy nếu không phải Jurgen M. thì là ai? Một nhân viên công an nào đó chưa hề biết tôi là ai, chưa có một thành kiến nào về tôi? Thế thì tôi chọn ông đó. Nói chọn nghe hay hơn. Hay cũng vậy thôi. Một người nào đó không chủ tâm muốn biết tôi. Một người nào đó không cần phải chứng minh cho tôi một điều gì. Một người nào đó không muốn đánh bại tôi bằng chính trò chơi của tôi.

Như Jurgen M. đã muốn đánh gục tôi chẳng hạn! Hãy tỉnh dậy đi!

Kinh nghiệm dạy tôi rằng thực hiện một cuộc đối thoại nội tâm bao giờ cũng dễ chịu hơn là một cuộc độc thoại dài dòng. Vì thế cho nên tôi để cho người kiểm duyệt bên trong tôi nghĩ ra lý do nào đã thúc đẩy Jurgen M. Đó chính là anh ta muốn chứng minh một điều: không những chỉ có một nhà văn mới có thể tìm hiểu rốt ráo về một người khác, mà chính anh ta cũng có khả năng làm việc đó, theo cách của anh. Anh có thể tự biến mình thành một ông chủ, một kẻ cai trị đối tượng của mình, như bất cứ một tác giả nào. Nhưng vì đối tượng của anh ta bằng xương bằng thịt và không chỉ hiện hữu trên trang giấy như những đối tượng của tôi, nên anh ta mới chính là người thật sự làm chủ họ.

Còn bạn, lời nói ở bên trong tôi cất tiếng, bạn muốn tranh đua với anh ấy à? Bạn còn muốn nhặt lại chiếc khiên đã bị quăng đi nữa sao? Hãy chứng minh cho anh ta biết ai mới là người làm chủ thật sự? Hãy nhận đi, người bạn Jurgen không tì vết đã thắng rồi đó.

Nhưng tôi còn phải làm gì nữa? Tôi tự hỏi lúc mở hộp thư để trong

hành lang, lấy thư và báo. Bước lên bậc cấp, hướng về phía chiếc gương treo trên tường hành lang, tấm gương còn lại chưa bị đập vỡ. Mặt tôi tái đi, hơi thở gấp, nhưng không sao. Chỉ hơi khó thở, thế thôi. Chúc bạn nhiều may mắn ở tuổi trung tuần, giọng nói kia nhắc tôi. Phải dạn dĩ, tôi đáp lại. Ở nơi người thanh niên đang uống nước chanh dưới xe kia có một vẻ gì dễ cảm, và tôi cũng không nên hạ phẩm giá những công tác của họ. Chúng ta còn nói đến phẩm giá à? Vẫn còn, nhưng cũng chỉ mới bắt đầu thôi.

Có ai cho chúng ta biết phẩm giá là gì?

Tôi bắt đầu đọc thư, sau khi đã qua những màn giáo đầu như thường lệ, nghĩa là xem có địa chỉ người gởi nào đáng sợ, một người nào đáng sợ hay không. Sau khi đã soi bì thơ lên đèn, nhìn mép thư lóng lánh keo, chứng tỏ là thư đã được gỡ ra và dán lại lần thứ hai. Những mép thư ít khi để lộ việc mở thư, và hầu như tôi không hề tìm thấy một tờ thư bị dính keo vào mép bao giờ. Những vụng về như vậy chắc là có thể tránh được. Ở một nơi nào đó, có lẽ là trên một khoảng đất rộng, hẳn phải có một căn nhà (hay là ở bất cứ quận lỵ nào cũng có nhiều căn nhà nho nhỏ) nơi người ta chở hết xe này đến xe khác đầy thư từ đến, có những nữ công nhân tay bận rộn phân loại thư trên một hàng dây chuyền dài, rồi chuyển những thư này qua một hàng dây chuyền khác theo những tiêu chuẩn mà những người như chúng tôi chẳng bao giờ hiểu nỗi, ở đó còn có nhiều nữ công nhân dùng hơi nước để mở thư - biết đâu bây giờ họ dùng những kỹ thuật khác tiên tiến hơn? - rồi chuyển những bức thư đó vào một khu kín đáo có một số nữ công nhân khác lành nghề sử dụng máy sao, ôi những chiếc máy từ lâu đã vắng bóng nơi các thư viện, các nhà in. Họ là một đạo quân chẳng bao giờ được báo chí tuyên dương, chẳng bao giờ có được một ngày lễ kỷ niệm như trường hợp của những người thợ mỏ, những giáo viên, nhân viên sở y tế. Họ là một đoàn người đã chịu làm việc âm thầm trong bóng tối. Từ "bóng tối" đã hằn sâu vào trong đầu tôi; tôi còn ghi nó ra trên một mảnh giấy. Công việc làm của phần lớn dân chúng bị đưa vào bóng tối. Tôi thấy đám đông người đang chìm dần vào bóng tối thăm thẳm. Tôi không ganh tị với số phần của họ.

Tôi bỏ những tờ báo qua một bên sau khi rảo mắt qua các hàng tít lớn. Còn ba bức thư tôi chưa đọc. Tôi đã biết ai gửi những thư đó, mặc dù một trong ba lá không có tên người gửi mà cũng chẳng dán tem. Thư của một thi sĩ trẻ, có thói quen tự tay bỏ thơ vào thùng. Tôi chưa gặp cậu ta mà chỉ đoán dựa theo những bài thơ - những bài thơ mới sáng tác trong trại huấn luyện bán quân sự - tôi hình dung ra được một

cậu bé mảnh mai, giọng nhỏ nhẹ, đôi mắt xanh dịu hiền đã phải chịu đựng đắng cay vì không đủ sức tự vệ, nên làm thơ để thấy mình còn hiện hữu. Tôi miễn cưỡng đọc những bài thơ của cậu bởi tôi không thể giúp gì cho cậu được. Tôi viết thư trả lời một cách quanh co, và có khi tôi đâm ra giận cậu, nhưng thường là giận tôi nhiều hơn. Cậu ấy cũng có thể là con trai của tôi. Tôi biết rõ thứ số phần nào đang chờ đón cậu. Họ không chừa một ai cả. Người thanh niên đã đứng trước cửa nhà tôi sẽ chẳng ngần ngại gì mà không tông cửa vào nhà cậu. Đó là sự khác biệt giữa tôi và cậu bé, một sự khác biệt vô cùng lớn lao. Như một lòng hồ vây quanh thành lũy. Liệu tôi có nên nhảy qua lòng hồ đó hay không? Bây giờ chúng ta đã đến lúc phải đối đầu với vấn đề chính, giọng nói kia đã bảo tôi như thế. Bạn có thể nhận ra họ ngay, căn cứ vào việc họ vừa có thể gây cho bạn được một sự thỏa mãn cùng lúc với nỗi đớn đau. Một lần nữa, người-biết-mọi-chuyện kia tỏ ra mình biết rạch ròi mọi chuyện.

Chẳng phải đã có những ngày lòng tôi nôn nao đòi hỏi cho được những câu hỏi kia sao?

Rồi sao? Nhưng hôm nay không phải là một trong những ngày đó.

Người bạn của tôi cũng bảo là có biết như thế. Dường như tôi vẫn nghĩ hôm nay là một trong những ngày đó. Tôi bảo thôi bạn hãy xéo đi. Được, được. Chưa ai cử bạn làm quan tòa để phân xử tôi. Vậy tôi làm gì đây? Chỉ làm bạn thôi à, tiếng nói trả lời một cách cục mịch, và tôi nói thêm một cách chua cay: Bạn là người bạn riêng tư của tôi. Những lất léo đó đã không làm cho người bạn sờn lòng chút nào. Trong cơn giận dữ, tôi hỏi ai đã cử bạn đến đây, và được trả lời một cách lãnh đạm. Chính bạn chứ không ai hết. Nên nhớ như vậy.

Tự tôi à! Tôi nghĩ ngợi về hai chữ đó khá lâu. Tự tôi. Nhưng là "tôi" nào? Phần nào trong số nhiều cái tôi đã tạo nên cái "tôi" này. Có phải là cái tôi muốn biết rõ về chính nó không? Cái tôi muốn tự che chở bảo bọc? Hay là cái tôi thứ ba đang bị dẫn dụ bước theo chân của những người thanh niên đứng bên ngoài cửa nhà tôi kia? Bạn ơi, trong số ba cái tôi đó, bạn theo phe nào? Nghe vậy, người bạn của tôi im lặng, hơi buồn nhưng cũng tỏ ra hữu ích. Tôi chỉ cần vậy: tin là có ngày tôi sẽ tách rời được toàn bộ và tống khứ cái tôi thứ ba kia đi, rằng tôi thật sự muốn thế, và về lâu về dài, tôi có thể chịu đựng sự theo dõi của những người trẻ ngoài kia dễ dàng hơn là chấp nhận con người thứ ba ở trong tôi.

Vậy thì tại sao đã bấy lâu nay, mỗi khi tôi được lựa chọn, thì chỉ

được chọn giữa cái xấu và cái tồi tệ hơn mà thôi? Có phải giản dị là nhờ có ba người ở ngoài kia nên tôi nhìn sự việc rõ ràng hơn?

Lại trì hoãn? Đã đến lúc mở lá thư thứ hai, thư của một trong những người bạn thân nhất. Người tôi nghe nói là đã được giao công tác theo dõi tôi từ lâu. Nếu đúng như vậy, họ có thể dẹp hết mọi việc đọc thư, nghe lén điện thoại, thu giấu máy vi âm và không cần phái những người thanh niên theo dõi đang đứng bên ngoài nhà tôi nữa. Người bạn này sẽ mang lại nhiều kết quả hơn tất cả những người và những việc kia. Jurgen M. có thể vất hết những báo cáo về tôi và những băng ghi âm vào sọt rác, chỉ cần giữ lại những báo cáo của người bạn này thôi cũng đủ. Những báo cáo đó chưa có gì nguy hiểm cho tôi lắm, nếu hiểu theo nghĩa hành chánh của từ này. Nhưng một cách thâm sâu hơn, tôi chẳng thấy có gì còn nguy hiểm hơn thế nữa. Chắc chắn là Jurgen M. sẽ vui thú hụp lặn trong những ý nghĩ sâu kín nhất của tôi. Nhưng tệ nhất, tôi chẳng còn tin tưởng vào ai được nữa. Tôi lại thấy rõ thêm đời sống của tôi đang bị cuốn hút vào một vùng tăm tối. Sự lôi kéo đó càng ngày càng khốc liệt, có khi dụ dỗm, có khi không cưỡng được. Nơi chốn tôi bị cuốn hút vào không còn được gọi là "đời sống" nữa. Nhưng có tên gọi nào để chỉ cái nơi chốn không còn là đời sống đó?

Không, tôi chưa muốn đọc thư bây giờ.

Chầm chậm. Từng bước một. Thong thả.

Họ có còn đứng ngoài đó không?

Còn, và họ còn ở đó cho đến hết ngày hôm nay, bạn biết thế mà.

Nhưng đâu cần nữa. Nếu anh ta đã báo cáo cho họ biết hết những điều về tôi?

Hãy ngồi yên và lắng nghe tôi nói. Cứng đầu là một chuyện, nhưng một đầu óc tỉnh táo bao giờ cũng tốt hơn. Thôi được, hãy nói chuyện người bạn này đi. Giả thử như anh ta bị buộc phải tuân theo lệnh của họ thì sao?

Bị bắt buộc?

Bị bắt buộc! Cũng lại cái tính kiêu hãnh của bạn. Anh ta có thể làm gì khác hơn? Thố lộ ra hết cho mình biết à? Để rồi không còn có thể nói chuyện với nhau một cách thoải mái nữa thôi?

Còn gì khác không?

Trời, toàn những điều giản dị! Chỉ giả vờ thi hành mệnh lệnh, chẳng hạn. Chỉ báo cáo những gì họ đã biết. Đừng để cho họ có cớ gây khó dễ mình hay cho người. Chơi trò đu giây.

Những nghệ nhân nhảy múa trên thang dây, tôi buồn rầu tự bảo, tất cả chúng ta đều là những nghệ nhân đi thang dây. Nhưng nếu thế, tôi không muốn làm bạn với anh.

Khi đã là công chúa, suốt đời là công chúa. Còn chuyện nữa: làm sao anh ta có thể thoát khỏi tay họ, và ai sẽ giúp cho anh ta thoát được đây?

Bạn không muốn ám chỉ đến...

Đúng thế. Chỉ xảy ra nếu có bạn giúp.

Nếu anh ta muốn thì cũng có thể được.

Tại sao anh ta lại không muốn? Bạn biết rõ ràng về anh ta mà.

Bạn tôi viết thư cho tôi từ H., nơi anh đang dự một buổi hội thảo, bảo anh thèm được ngồi trong bếp nhà tôi uống trà, nói chuyện cho thỏa thích. Giả thử anh muốn nói rằng trong bếp tôi đã không có máy nghe lén. Thôi được, tôi cũng tự thấy hổ thẹn lắm.

Tôi ngồi vào bàn, viết thư trả lời bạn rằng tôi đang ở trong một giai đoạn khó khăn. Những ý nghĩ thoát ra khiến cho tôi cảm thấy sợ hãi. Khi nào có dịp ngồi uống trà trong bếp, tôi sẽ kể hết cho anh nghe.

Biết đâu, tôi nghĩ, và người bạn trong tôi lại giận vì sự e dè của tôi. Tôi hỏi, Tôi có nên để cho anh ta vào bếp mà không e dè được không? Và tiếng nói kia trả lời: Không cần phải thế. Nhưng anh ta sẽ không nhận ra một điều gì khác ở nơi tôi, tôi sẽ cư xử hết sức tự nhiên. Tôi rất khéo về chuyện này. Và còn có đôi chút cởi mở nữa kia. Giọng nói bên trong tôi trở nên im lặng, im lặng, im lặng.

Còn lại lá thư cuối cùng, một lá thư nổi bật hơn hết thảy, đựng trong môt phong thư dài màu trắng. Tôi cũng không xem xét có dấu hiệu gì khả nghi trên lá thư này, bởi vì nếu có, tôi cũng không muốn biết. Thư của một cơ quan nhà nước. Tôi lại đăng trí dùng dao mở thư để rọc bì. Những giây phút cần thiết để lấy lá thư ra khỏi bì, rồi mở thẳng tờ giấy, đã là những giây phút đủ lâu để tôi suy nghĩ về một ý tưởng mới thoáng qua đầu. Pushkin. Những lá thư của ông vừa mới được xuất bản. Cơn phẫn nộ của ông khi khám phá ra rằng những người kiểm duyệt dưới chế độ Nga hoàng đã mở những lá thư ông gởi cho vợ. Tâm trạng của ông: ngay cả đến những lời âu yếm giữa vợ chồng cũng chẳng nghĩa lý gì đối với họ. Phản ứng của ông: ông không còn có thể viết thư cho vợ được nữa trong một thời gian dài sau đó. Khi đọc những hàng này, tôi đã phá lên cười, lòng mang một cảm giác mình hơn hẳn người xưa. Ôi, mấy nhà thơ lãng mạn của thế kỷ 19 ấy mà!

Đã từ bao lâu rồi tôi không còn viết được những lá thư kín đáo và

đầy âu yếm? Đã từ bao lâu rồi tôi phải gượng ép mình mới viết được thư? Tôi không còn biết nữa. Thời kỳ viết những lá thư "giả thử như" này bắt đầu từ khi nào - lúc mà tôi bắt đầu viết những lá thư và giả dụ rằng không ai sẽ chận đọc thư tôi; giả dụ rằng tôi đang viết thư một cách tự do, giả dụ rằng tôi đang viết những lá thư chứa đầy những tâm sự riêng tư. Tôi không còn nhớ nữa. Tôi chỉ biết một điều là tôi không còn viết được những lá thư ấm áp tâm tình tự nhiên thoát ra theo ngòi bút, và việc liên lạc thư từ với những người quen ở xa đã bớt dần. Liệu tôi có còn ấm ức chuyện này nữa không? Kinh hoàng? Chẳng phải là tôi đã chấp nhận sao? Họ đã thành công rồi đó, tôi nghĩ như thế. Và họ đã thành công tới mức nào?

Lá thư viết trên giấy có in tiêu đề trông bắt mắt, và ngắn. Người viết thư là nhân viên của Sở Thư tín và muốn chứng tỏ cho tôi biết ông ta là một người khả kính. Lá thư ám chỉ ông ta vẫn là một người khả kính, dù thời thế khó khăn; và ông sẽ không rẻ rúng hay bỏ rơi tôi, dù thời thế khó khăn. Chỉ có thế thôi à? Tôi cảm thấy nửa nhẹ người, nửa thất vọng, và bất công. Dù sao thì ông ta cũng đã viết thư cho tôi, trên giấy tờ của nhà nước! Rằng không có gì làm khó khăn lắm khi khuyến dụ được tôi tham dự vào những chương trình văn hóa của cơ quan ông. Ông ấy viết "dẫn dụ tôi" đặt trong ngoặc kép để nói lên ý mỉa mai của sự mời mọc. Ông ấy nghĩ tôi cần tiền chăng? Không, ông đã không nghĩ vậy. Ông khéo léo bảo rằng những ý kiến của tôi, những sự hợp tác tuy bất thường của tôi sẽ giúp cho "tổ chức" rất nhiều. Khuyến dụ tôi vào sinh hoạt như vậy cũng không khó khăn lắm đâu. Rồi ông ấy nhân cơ hội cho biết là ông ấy ra sao "kể từ ngày đó" - chỉ có lời này là lời nói duy nhất đã buột ra khỏi miệng ông một cách không kiểm soát nổi mà thôi. Nhưng tôi cũng biết là cỏ dại bao giờ cũng mọc rất nhanh.

Im lặng. Im lặng. Nghỉ ngơi. Nếu bạn còn nghĩ rằng ông ta có thể làm cho tôi đau lòng... Bạn nói đúng, ông ta còn có thể làm tổn hại đến tôi. Thêm lần nữa.

Lá thư tỏa ra mùi vị của một sự tự hy sinh mình. Tôi cho đó là tính của ông ấy như thế. Và bây giờ ông ấy viết thư cho tôi để chứng minh điều ngược lại. Rồi ông sẽ lưu trữ cẩn thận, chứng minh tình đoàn kết can trường của ông. Nhưng ông ta sẽ không mời tôi. Ông ta cũng chẳng dẫn dụ được tôi vào cộng tác trong các sinh haọt văn hóa. Tôi cũng biết rằng ông sẽ kẹp một danh sách những người không được phép mời, hay dẫn dụ, trong đó có cả tên tôi, vào lá thư và cất chung một chỗ.

Rồi sao? Hãy cho đó là một kinh nghiệm nữa đi.

Chuông điện thoại đã reo lần thứ hai ngày hôm đó. Một giọng nói đàn bà. Không hiểu sao bà ta lại bực bội như thế ngay cả trước khi biết là tôi đang nói chuyện với bà. Bà bực bội vì e sẽ có chuyện rắc rối xảy ra tối hôm đó. Đó là đồng nghiệp K. ở trung tâm văn hóa, người đã làm tôi ngạc nhiên khi bà mời tôi đến đọc văn tối hôm đó, và bây giờ bà gọi để hỏi xem tôi có thể đến sớm hơn nửa giờ không?

Được, tôi trả lời, nhưng tại sao vậy?

Để ngăn ngừa trường hợp có chuyện không hay xảy ra.

Bà nói "ngăn ngừa". Đó là cách bà nói, nhưng giọng điệu của bà khiến tôi phải toát mồ hôi. Chuyện không hay gì? Tôi hỏi một cách vui vẻ.

Bà K. hối tiếc vì mình đã dùng sai chữ. Bà cố làm cho tôi yên tâm nên nói: Ô, chẳng có gì đặc biệt. Chỉ phòng vậy thôi.

Vì thế, tôi không có câu trả lời nào khác hơn là được, tôi sẽ đến sớm. Tôi gác máy điện thoại, linh cảm được chuyện bất trắc.

Bây giờ đã quá 12 giờ trưa. Họ còn ngoài đó không?

Còn đủ.

Thôi, hãy kiếm gì ăn. Không nên sống cô đơn như thế này vào một ngày như ngày hôm nay.

Cô đơn? Bây giờ tôi không còn gì để nói hay để làm mà không khiến cho người kiểm duyệt ở bên trong tôi không giận. Nếu bạn không chịu ngừng than vãn, thương thân trách phận thì...

Được, được. Bạn nói đúng. Tôi sẽ mời người bạn - biết tôi nói ai rồi - vào uống trà với tôi trong bếp mà không cần phải dè dặt. Tôi sẽ không quên những điều tôi nghĩ về anh ta ngày hôm nay đâu, nhưng tôi sẽ tin nếu anh ta nói mến tôi. Rồi ai sẽ lôi cổ anh ra khỏi nhà bếp đây, nếu không phải là người anh mến? Nếu anh thật lòng muốn ra về. Nếu anh thật sự có tiếp tay với họ. Phải có một người nào đó chứ. Bạn chưa quên là người ta đã lợi dụng không biết bao nhiêu nhược điểm mới tuyển được anh ta? Ôi, thôi hãy dẹp những cái méo mó luân lý của bạn đi.

Cuối cùng tôi cũng đã nhận ra hôm đó chưa hẳn là một trong những ngày tôi nhắc đến.

Tôi hâm nóng phần xúp thịt bò còn lại ngày hôm qua, rồi ngồi ăn một cách lơ đãng trong khi tai vẫn nghe những tin tức đã cũ sáng hôm ấy. Bây giờ đã có tiếng trẻ con la ó ở trong sân, rồi hòa theo tiếng nhạc

vẳng ra từ tầng lầu thứ năm của căn nhà bên cạnh, đối diện với nhà bếp của tôi. Chẳng mấy chốc nữa bà G. sẽ xuất hiện đội chiếc mũ xanh la lối vì ồn ào. Và bà đã xuất hiện thật.

Tôi trở lại bàn viết nhưng lại tránh không nhìn ra cửa sổ. (Họ vẫn còn ở đó). Tôi ngồi xuống, rồi viết tiếp đoạn nhật ký đã mấy ngày không ghi vào cuốn nhật ký màu xanh dày cộm của tôi. Một ngày nào đó tôi sẽ ngồi trong một căn phòng - tôi hình dung ra một căn phòng trống trải, như một văn phòng làm việc chẳng hạn - rồi họ sẽ hỏi tôi những câu hỏi. Những câu hỏi có nhiều cấp độ khác nhau, lẫn lộn nhau; nhưng tôi định tâm không trả lời một câu hỏi nào và sẽ khư khư giữ quyết định đó (Lại hoang tưởng nữa rồi, bạn ơi). Rồi, sau một, hai hay hai mươi giờ - không phải là đã có những lần thẩm vấn kéo dài hết ngày này qua ngày khác, thỉnh thoảng mới nghỉ ngơi chốc lát đó sao? - người thẩm vấn sẽ lôi cuốn nhật ký màu xanh tôi đã ghi lại những gì tôi làm, đọc, nghe, gặp ai, ngay cả những ghi chú về thời tiết trong ngày hôm nay, hôm qua, hôm trước. Bây giờ, người thẩm vấn sẽ hỏi tôi - ông ta vẫn còn giữ lễ độ khi hỏi đến những câu hỏi cấp ba, cấp bốn, nhưng lại bỗng nhiên vô cùng gay gắt khi hỏi đến những câu hỏi cấp năm. Nhưng tôi cũng đã chuẩn bị để đương đầu với những gay gắt của hắn. Chống đỡ cái gay gắt dễ hơn chống đỡ với cái lễ độ nơi hắn. Bây giờ, hắn nói, hãy đi sâu vào chi tiết. Rồi hắn sẽ đọc cho tôi nghe những câu trả lời cho những câu hỏi mà tôi đã kiêu ngạo từ chối không chịu trả lời. Những câu trả lời đó tuôn ra từ cuốn nhật ký màu xanh bằng chính nét chữ và lời của tôi. Vậy thì người-biết-mọi-chuyện ơi, hãy nói cho tôi biết tại sao tôi vẫn còn ghi ghi chép chép, ngoài cái tính bướng bỉnh, liều lĩnh và kiêu căng của tôi!

Bởi vì bạn nghĩ họ sẽ không dám.

Im lặng.

Đến lúc tôi phải đi gọi điện thoại. Tôi quay số rồi lắng nghe. Mẹ đánh thức con à? Tôi hỏi, lòng thoáng cảm giác tội lỗi. Không, cô con gái thứ của tôi trả lời. Nhưng cô ả đang dở bữa ăn sáng. Nó ăn gì đây? Nhiều thứ lắm, nhưng tôi cũng đồng ý. Những thức ăn mà con tôi dành cho buổi ăn sáng đủ cho những người khác sống hai ngày. Rồi cô ấy bù trừ lại bằng cách không ăn uống gì trong hai hôm. Nhưng đó mới chính là cái bi đát. Cô hỏi thăm sức khỏe cha, và tôi đã trả lời. Còn mẹ thì sao? Ô, mẹ vui khỏe lắm, tôi nói, rồi cô ả nói tiếp. Mẹ "rạng rỡ" lắm à, lúc đó tôi yêu cầu con tôi nên ăn nói một cách giản dị hơn, nhưng cô bướng bỉnh không chịu. Thôi muốn nói sao cũng được, tôi trả lời. Nhưng những ngày mệt mỏi của mẹ, mẹ đã làm gì. Thế hả mẹ!

con gái tôi la lên. Đừng nên sỗ sàng thế con. Nhưng muốn biết mẹ có ngủ được chút nào không? Có, có. Mẹ có đi bách bộ không? Có, có. Tôi bảo, hãy nghe mẹ nói đây, mẹ sẽ nói với con điều này. Nếu mẹ con ta có cắt đứt liên hệ với nhau vì những sự hành hạ tâm thần này, có ngày con sẽ ngồi tù, rồi nước mắt nóng hổi sẽ lăn trào ra. Mẹ ơi, con gái tôi nói, mẹ buộc con thôi không nói chuyện nữa rồi đó.

Cả hai chúng tôi đều gác máy cùng một lúc. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Tôi đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Vâng, họ vẫn còn đó. Thử xem tôi có sợ không. Về phần tôi, bây giờ tôi phải đi nghỉ một lát. Tôi kéo kín màn cửa phòng ngủ rồi đặt lưng xuống giường. Đây là một trong những giây phút thoải mái nhất trong ngày. Không có người lạ, không có những cái nhìn lạ, ngay cả không có một lỗ tai kẻ lạ theo tôi vào phòng. Tôi tận hưởng cái thú nằm một mình không thể nào tả nổi, không bị ai dòm ngó và cũng không ai đòi hỏi gì ở tôi. Không nghĩ ngợi, không làm việc. Chẳng tìm hiểu điều gì, cũng chẳng muốn biết điều gì. Nằm ngửa mặt một cách bình thản, mắt nhắm, hơi thở đều. Tôi đang thở. Tôi không suy tư. Tôi đang nghỉ ngơi.

Đôi mắt nội tâm của tôi chú mục vào một đường chân trời cong nằm bên trên một khối đĩa đen ngòm. Có phải đó là sân khấu không? Tất cả những ý nghĩ trong tôi lần lượt tụ lại ở đường chân trời này. Những ý tưởng mập mờ như bóng tối, bay như những con dơi chậm chạp, lười biếng. Họ đã thành công rồi đó. Vô nghĩa. Họ chẳng làm được gì nhiều đâu. Rồi họ cũng phải điên đầu lên. Chân trời kia làm bằng đá cứng mà, bạn không thấy vậy sao? Rồi họ sẽ bò lết lại phía tôi một cách ngoan ngoãn. Tôi chẳng bao giờ gạt họ ra được cả.

Làm sao để gạt một ý nghĩ ra khỏi đầu? Bằng cách suy gẫm về ý nghĩ. Suy đi nghĩ lại. Suy nghĩ cho rốt ráo. Suy nghĩ cho ra lẽ. Giá như có một chiếc máy trên thế gian này có khả năng thu góp được những niềm hy vọng còn rơi rớt lại trên cõi đời này, rồi phóng tất cả những niềm hy vọng đó như phóng một tia laser vào chân trời bằng đá kia, thế nào mà chẳng làm cho đá vỡ ra từng mảnh.

Bây giờ bạn lại suy nghĩ giống bọn họ rồi đó. Máy móc, quang tuyến, vũ lực. Bây giờ bạn lại kéo dài quyền lực của họ vào tương lai rồi đó. Thế nào cũng có ngày họ sẽ đưa bạn đến nơi họ muốn.

Bạn không nghĩ là tôi cũng biết thế à? Bạn có nghĩ là tôi hoàn toàn giống như người kia không? Tinh khiết, chân lý, độ lượng, yêu thương? Bạn không nghĩ là tôi biết bọn họ có nhu cầu gì à? Tôi biết chứ. Họ muốn tôi trở thành một người như bọn họ, bởi đó là nguồn vui duy nhất

còn sót lại cho họ trong cuộc đời nghèo nàn của họ: biến những người khác thành người giống họ. Bạn không nghĩ là tôi cảm được những bàn tay của họ đang vuốt lên người tôi, tìm kiếm một chỗ nhược trên người tôi để thọc tay vào. Tôi biết chỗ nhược của tôi. Nhưng tôi sẽ không nói cho ai biết là nó ở đâu, ngay cả bạn, và ngay cả nói với tâm tưởng tôi.

Vậy, đối với bà tương lai sẽ như thế nào?

Bỗng nhiên những con dơi đen ngòm to tướng kia lại hiện ra, bay thành đoàn một cách hốt hoảng.

Có thật sự là bạn đã không hiểu được rằng có lúc mình phải tự cấm đoán mình không được dùng đến một số từ nào đó không? Để khỏi trở nên mềm yếu? Để khỏi xiêu lòng?

Vậy bạn muốn tôi phải cứng cỏi hơn kể từ giờ phút này chăng?

Trái nghĩa với mềm không phải là cứng. Trái nghĩa với mềm là chắc, là vững.

Nghe tuyệt quá. Và rồi bạn làm sao để kiềm tỏa được nỗi lo sợ của mình?

Một thoáng lo sợ trong tôi? Chúng ta ai cũng phải chấp nhận vậy. Những ai không đương đầu nổi với sự sợ hãi, hãy bước ra ngay. Và bất cứ ai muốn dọa dẫm tôi bằng cách gợi ra những hình ảnh như thế này trong đầu tôi - một phút trước đó tôi đã thấy đường chân trời biến mất, thay vào đó là một phòng giam có chấn song sắt - bất cứ ai muốn làm cho tôi gục cũng có thể bỏ đi luôn. Và đi ngay bây giờ.

Tôi hiểu ra rồi. Dường như bạn muốn cảnh cáo tôi! Cũng tốt thôi.

Rồi tôi ngủ thiếp đi. Những hình ảnh tôi thấy rõ nét sau cùng là hình bóng chi tiết của một thân thể đàn ông quen thuộc, những cảnh âu yếm bất khả hòa kia sẽ làm cho tôi xúc động nếu tôi còn thức. Một giấc mơ đã chứng tỏ cho tôi thấy sự xúc phạm sống sượng nhất của bọc nước chứa thai nhi, và kèm theo những hình ảnh đó là những lời trách mắng: đẻ trong bọc nước. Khi thức dậy, tôi đã hiểu ra được ý nghĩa của câu nói, nhưng tại sao lại có sự trách mắng! Tại sao mình cứ mãi gây những khổ đau cho mình?

Không có câu trả lời. Lời cảnh cáo vẫn còn hiệu lực. Nên tôi thức dậy, thay áo quần, chế một bình ca phê đậm, ngồi xuống bàn viết, chiếc bàn viết đày đọa này. Họ có còn đó không? Đi rồi. Chiếc xe màu xanh ve chai đã đi rồi. Họ bỏ cuộc. Cuối cùng họ hiểu ra được...

Cách bốn chiếc xe, về phía trái, lại có một chiếc xe trắng đậu, trong xe có hai người ngồi. Mọi việc xảy ra như đã sắp đặt.

Lúc đó đã 3 giờ chiều.

Qua khung cửa sổ bên phải, tôi có thể thấy rõ toàn đường Friedrichstrasse kéo dài đến tận ga tàu điện, qua khung cửa sổ bên trái, nhìn suốt qua đường Oranienburgerstrasse. Người người lũ lượt chen nhau cả hai hướng. Có cả hàng ngàn người qua lại hàng giờ, trong khoảng trống giữa tôi và chiếc xe kia mà lòng họ chẳng hề hay biết, cứ xăm xăm về nhà hay đến sở, đi thăm người yêu hay ra quán. Họ đang làm những việc thường tình của một đời sống bình thường, một đời sống đã dính liền vào họ.

Chừng nào mà tôi chưa sẵn sàng để thay chỗ đổi ngôi với họ, niềm kiêu hãnh của tôi vẫn còn và tôi còn phải học những bài học thiết yếu. Hay đó là những bài học của họ? Sự xa lạ ngăn cách tôi với họ cũng là sự xa lạ đã ngăn cách họ với chính họ, tôi nghĩ thế.

Tôi chưa bao giờ có những ý tưởng đó, nhưng cũng đã đến lúc tôi nên có, cùng với những ý tưởng khác. Những ý tưởng khác biệt và cách suy nghĩ khác biệt. Đám đông kia không phải là một tập thể không bao giờ lầm lỗi, một vị quan tòa, một người có quyền uy; những người có học mà tôi không coi nhẹ họ lại thường cảm thấy bị tổn thương rồi bỏ qua không lý đến; còn đám đông thì khi cần, họ là những người luôn luôn có lý. Họ đang đi ngang qua nhà tôi, không hay biết một chuyện gì, dù sai hay đúng, bởi vì họ đã được rèn luyện nên như thế. Và có lẽ nào họ không có được cái quyền quyết định cho mình, trái lại được những cá nhân có thể nói có nói không, những người khi nghe đến mệnh lệnh là ném những viên đá đầu tiên hay từ chối không chấp nhận những phán xét, quyết định thay cho họ. Mỗi một người đang đi bộ ở dưới kia tự họ không quyết định được gì - như cô gái kia chẳng hạn, kẻ đang luồn lách qua giữa chiếc xe màu trắng và chiếc xe hai màu vàng đen đậu cạnh xe kia, hướng về đám cỏ ngăn cách bãi đậu xe với lề đường, ngưng lại đợi đèn ở ngã tư và bây giờ đang băng ngang qua đường như biết rõ nơi mình muốn đến. Một cô gái giống như ngàn cô gái khác, chiều cao trung bình, không mập không gầy, tóc màu hung cắt ngắn, nước da sạm nắng. Cô mang một chiếc áo dạ màu lục, vai mang một chiếc xách tay.

Chỉ cần làm một việc duy nhất là nhìn thẳng vào mắt họ, khi đó bạn sẽ không còn thấy sợ hãi nữa.

(còn tiếp)

NGỰ THUYẾT

bên kia sông

Chỗ hắn nằm là một tấm ván nhỏ, bề rộng không đầy nửa thước, bề dài thì tha hồ duỗi thẳng tay chân. Những tấm lá kè khô trùm kín người hắn, có tấm chưa khô hẳn, màu xanh lá úa lốm đốm nâu chạy dọc theo bẹ lá dài ngoằng như lưỡi gươm trần, có tấm đã mục nát bụi rơi lả tả mỗi khi hắn cựa quậy.

Qua kẽ lá hắn nhìn thấy bầu trời và mây. Hắn kinh ngạc. Đã lâu lắm hắn không thấy bầu trời, không thấy cả mây, hết ngày này đến ngày khác đi lăng quăng qua nhiều con đường đầu óc trống rỗng, hoặc ngơ ngác nhìn phố xá tiêu điều lòng bùi ngùi. Hắn ít khi ngẩng mặt nhìn xa ra đằng trước, mà dường như nhiều người cũng giống như hắn, nói gì đến chuyện nhìn trời nhìn đất. Bây giờ ở thế nằm ngửa nhìn thẳng lên, hắn thấy lạ hẳn. Bầu trời cao quá, sâu quá, mây ở đâu về mà nhiều quá, trôi dọc, trôi ngang, bẻ quanh, bẻ quẹo. Khúc sông này hẳn đang lượn mình như con rắn, hắn thầm nghĩ. Trước kia còn ở thành phố, có khi hắn thấy đường chân trời, nhưng hắn không hề để ý đến. Chân trời, chân mây, không hiện hữu. Đó chỉ là những vệt trắng, vệt xanh, hay tím, hay đỏ, cứ lùi mãi trên những con đường đi không bao giờ tới.

Một cơn gió nhẹ lượn trên mặt sông mang đến một mùi quen quen. Hắn mang máng nhớ một mùi thơm thật dễ chịu mà hắn từng gặp khi còn bé có dịp về thăm quê ngoại ở trên một cù lao trồng bắp. Phải rồi, đó là mùi bắp nướng thoang thoảng trong đêm khuya của những chú canh đồng. Lá kè khô phủ lên người hắn cũng có mùi thơm dễ chịu đó, tuy có phần nhàn nhạt hơn, nhưng là cái dễ chịu quá nhỏ nhoi chả bù với những cơn ngứa ngáy nhiều lúc làm cho hắn tê điếng cả người. Mấy con nhện, hoặc kiến, hoặc một loài sâu bọ nào đó cứ lạng quạng chui qua cổ áo, tay áo, chui cả vào hai ống quần, bò tới bò lui dò dẫm. Lại nữa, cứ mỗi cái lắc lư là dịp để cho sống lá gãy, ngọn lá sắc cạnh, những lớp bụi, những mảnh vụn vỡ châm chích vào hai cánh tay trần, vào hai bàn chân, hai ống quyển, và cả vào mắt mũi trầy trụa.

Hắn nằm yên. Không dám đưa tay gãi, không dám nhúc nhích, không dám rên rỉ, tự nhủ, rồi sẽ quen đi, chết mới đáng sợ, sợ gì ngứa, sợ gì sâu bọ. Nhưng nói cứng như thế có nguôi ngoai đi được chút nào

tấm cực hình này không? Làm thế nào cho cả người mất hết cảm giác là yên chuyện. Phải chi mình ngủ được một giấc dài, ngủ như chết, là hết ngứa. Hay là hãy ru mình vào một giấc mơ, mơ thấy tùm lum chắc quên được cơn ngứa. Nhưng mơ là chuyện xạo thêm bực mình, hắn thầm nhủ, chuyện vớ vẩn, có đó rồi mất đó, không biết từ đâu tới rồi vụt biến đi, những giấc mơ đầu Ngô mình Sở, những giấc mơ hụt hẫng, những miếng ngon sắp kề đến miệng, những người đẹp sắp thỏ thẻ em đây. Lại rủi gặp những giấc mơ kinh hoàng như hắn thường gặp gần đây, tỉnh giấy mồ hôi nhớp nháp đầy mình.

Đừng mơ mộng vẩn vơ nữa, cứ tỉnh táo lắng nghe sâu bọ bò trên thân thể. Và rận bò.

Những con nhện hay con sâu cái kiến, chỉ cần trời tối cởi hết áo quần rũ mạnh là xong. Còn rận? Cũng có cách. Ghé một nhà nào đó, kiếm một cái chai to đầy nước, nước sôi càng tốt, tuột hết áo quần trải lên tấm phản gỗ, vạch ra từng đường lai, đường chỉ khâu, từng mối vá, gò người lăn mạnh chai nước lên như bánh xe hủ lô lăn trên đường đá dăm, nghe tiếng rận kêu lắc cắc. Nó kêu ư? Hay nó nổ? Mặc xác nó, nhưng chắc chắn là nó hết nhi nhô.

Bỗng hắn giật mình đánh thót, đầu gối co bắn lên như bị lò xo tống. Lão già gầm gừ, dậm dọa. Hắn hoảng hốt duỗi thẳng cẳng nằm nín khe. Tao sẽ bóp chết mày, vò nát mày ra như cám. Không, tao có cách hay hơn. Cứ cắn đi, cứ chích đi, chỗ nào cũng được. Ôi! ôi! Tao sẽ giật đứt từng cái chân của mày, hai cái râu, hai cái càng của mày, rồi dí mày vào cát nóng cho khô dần. Hắn là con kiến lửa, con kiến chúa to bằng hột gạo, con kiến thường cho lũ lâu la của nó quá giang trên lưng, đã cắn vào háng của bạn mình. Tiên sư anh, hắn nguyền rủa. Cơn nhức nhối vọt lên tột độ rồi dần dần hạ xuống như con nước rút xa bờ, rồi lại tăng, lại giảm, rồi êm êm.

Ồ, mà sao gọi là bẹn? Đúng là cái giọng Bắc kỳ. Hắn lan man nghĩ đến các giọng nói mà hắn đã gặp. Có giọng ngọt như mía lùi, có giọng gắt như mắm tôm. Hắn khoái nghe những giọng thỏ thẻ, nhõng nhẽo, nũng nịu, khi thì tỉnh queo, khi thì ngái ngủ, nhưng lúc nào cũng êm ái nồng nàn. Lại có giọng nghe cuống quít say mê, hoặc hờ hững lạnh lùng. Nhưng, hắn tự nhủ, bất cứ loại giọng nói nào, trừ những tiếng gầm gừ của lão già chết dịch này, nghe đều hấp dẫn. Kể cả những tiếng ngoại quốc mà hắn không hiểu một tí nào, hắn cũng thích nghe, xí xa xí xô, chí cha chí chách, thật là đầy sức lôi cuốn. Có người khen giọng nói của cô này nghe hay như tiếng chim hót, giọng cười của nàng kia trong như pha lê. Đúng là ví von hàm hồ. Có con chim nào

trên cõi đời này hót hay cho bằng tiếng nói con người, nhất là của con người giống cái. Và trong tất cả bao nhiêu âm thanh đó, hắn mê giọng nói của Trang nhất, mê mẩn cho đến nỗi mỗi lần nhớ lại là hắn thấy đau nhói nơi quả tim: "Anh với em uống chung nghe". Ô! Trang của những ngày xa xưa.

Đầu óc hắn lại đi lang thang. Ngày xưa! Ngày xưa sao rắc rối quá. Hôm đó Trang để lại mình một mình trong phòng khách rộng lớn. Để tôi đi làm cho anh một ly nước cam nhé. Hắn nhìn theo Trang, cô nàng sao xinh đẹp đến thế trong chiếc áo dài màu vàng nhạt tha thướt như đôi cánh bướm, trong chiếc quần trắng quyện lấy mỗi bước chân đi như sương khói. Hắn nhìn theo cho đến khi cô nàng đi khuất sau tấm mành mành kết bằng những đốt thủy tinh long lanh nhiều màu. Phòng khách đã rộng càng rộng hơn lên, và vắng vẻ, vì sự hiện diện kỳ cục của một góc phố lẩn khuất sau khóm trúc đốt khẳng khiu, vàng óng, cao gần chạm trần nhà. Góc phố lem nhem trong một ngày xám, khó đoán là buổi sáng, buổi chiều, hay buổi trưa, vì không có bóng mặt trời, ôm lấy con đường cong cong len lỏi qua những dãy nhà trồi ra trụt vào lổn nhổn như hàm răng cải mả. Nổi bật lên là chiếc xe thổ mộ không có ngựa thắng vào xỉa hai càng xe vào mắt người xem. Bên dưới bức tranh, con chó berger đen láng to như con bò con nằm lầm lì đưa mắt nhìn hắn không chút thiện cảm, cái mõm dài quá khổ duỗi theo hai cẳng trước, chốc chốc lại cạp suông, phát lên tiếng kêu cồm cộp của hai hàm răng trắng nhởn chạm vào nhau lẫn vào tiếng gầm gừ trong cổ họng.

- Ê Mi-nô, không được hỗn. Tôi làm một ly thôi... anh với em uống chung nghe!

Nàng đến sau lưng lúc nào hắn không hay, bước chân thoăn thoắt như bước chân chim, tiếng nói nghe âu yếm và ấm áp như nắng reo trong lá. Quả thực Trang cao xa quá đối với hắn, hắn, một sinh viên nghèo không có một tương lai vững chắc, không có tài cán gì đáng kể, và do đó thiếu tự tin. Vậy mà nàng... hắn không kịp nghĩ tiếp, đột nhiên quả tim hắn đau nhói lên, nước mắt muốn ứa ra. Hắn vội gỡ kính cận, làm bộ giụi mắt, buột miệng trả lời:

- Ăn uống cái kiểu gì kỳ cục vậy.

Quen nhau mấy tháng, lần này là lần đầu tiên cô nàng mời hắn tạt qua nhà để cô ta lấy thẻ thư viện rồi cùng nhau đi mượn sách. Cái cô bé kiêu kỳ kênh kiệu này hôm nay lại "xuống nước" đến thế sao. Tiếng "em" lần đầu tiên phát ra từ cái môi dưới hơi trề đó khiến hắn

thảng thốt, bàng hoàng. Buột miệng nói xong, hắn chờ đợi một sự đổ vỡ sau nhiều đổ vỡ khác từng xảy ra trong đời hắn.

- Ô hay! Anh uống một mình vậy. Tôi không khát.

Lại cái tiếng hai hàm răng chó cạp vào nhau lộp cộp lẫn tiếng gầm gừ bực bội.

- Mi-nô. Thôi nghe.

Nàng quắc mắt nhìn con chó khẽ quát lên, mặt lạnh như tiền. Con chó biết cô chủ giận, vội cụp đôi tai, duỗi cái mõm cho dài thêm ra giữa hai cẳng trước, và kịp đưa hai con mắt trắng dã liếc nhanh về phía hắn lần chót trước khi lim dim làm bộ ngủ.

Thôi thì thôi.

Một con sâu hay con kiến lại rục rịch muốn chích vào cổ của hắn. Thôi nghe. Thôi nghe. Ngoan đi nào. Hắn nín thở chờ một cái chích nhức nhối. Chắc là qua được rồi, chắc là yên hàn vô sự. Hắn bỗng để ý tảng mây trôi lù lù như trái thủy lôi phóng ra từ chiếc tàu ngầm trong những phim chiến tranh. Bầu trời phía sau xanh biếc một màu trông xa xôi như không có một chút liên hệ gì đến tảng mây quái đản.

Ngày xưa. Hai tiếng "ngày xưa" nghe nó xa xôi quá, nghe như chuyện "Tấm Cám", chuyện "Cô Bé Lọ Lem", chuyện "Mụ Gánh Dừa". Quái, chỉ có mấy năm thôi mà sao cuộc sống lắm thay đổi đến thế. Những biến cố dồn dập khiến cho hắn hoang mang, những chuyện xảy ra ngược ngạo khiến cho hắn đâm nghi ngờ khả năng phán đoán của mình, những chuyện xảy ra đột ngột khiến cho hắn giật mình thảng thốt, phản ứng lệch lạc không đâu vào đâu.

Phải chi hồi đó mình đi, hắn tự nhủ, mình có cơ hội đi thoát mà. Đi là tốt, ở là xấu, hay ngược lại? Hồi đó hắn không thể có một chọn lựa dứt khoát. Còn bây giờ thì sao? Bây giờ nằm trên chiếc ghe ọp ẹp với đống lá kè phủ kín này nghe thời gian trôi như những cục mây lạc lõng trên bầu trời sâu, những ngày quá vãng trôi về hiện lên trước mắt rõ nét như sờ mó được.

Ừ, thôi thì thôi, chào cô. Buồn ơi! Thân chào. Hắn thì thầm lặp đi lặp lại câu nói đó. Mà cô nàng có buồn đâu. Cái môi dưới trề trề ra như đang chờ đón nụ hôn của ai ai đâu biết buồn là gì. Có lẽ bây giờ Trang đang ở Úc hay Tân Tây Lan, hay vẫn còn kẹt trên một hòn đảo Mã Lai nào đó. Người buồn chính là mình, hắn thầm bảo. Mối tình lớn, mối tình đầu, tưởng sẽ tiến được một bước nào. Lớn? Đúng vậy, là vì hắn còn có kỷ niệm nào đáng nhớ hơn thế đâu. Cô bé càng xa xôi, càng chập chờn ngoài vòng tay, càng mang đầy nét lôi cuốn. Cho

đến ngày hắn tưởng có thể đi đến gần mục tiêu thì hắn làm hỏng việc. Hắn tự trách chung quy mọi thất bại đều do cái tánh cà gật của hắn mà ra. Hay là tiếng răng chó lộp cộp như tiếng đinh đóng vào quan tài mang đến điềm xấu? Hay đúng ra chính hai cái càng xe thổ mộ của bức tranh xỉa vào mắt đã tạo nên tình thế bất thuận lợi đối với hắn? Hắn luôn luôn tìm đủ lý do, hoặc tưởng tượng cho ra một lý do giải thích thất bại của mình.

Ngày xưa sao mà phức tạp thế. Mới hơn ba năm sau ngày 30-4-75 mà hắn tưởng đã trải qua mấy kiếp, từ kiếp sống rối rắm đến cuộc đời đơn sơ như cỏ cây, như muông thú. Mỗi lối sống đều có cái hay của nó, vậy thì đi đâu làm gì. Hay là mình còn muốn đi tìm Trang đã biệt tích, Trang của ngày xưa, của những chuỗi ngày hoa niên bị nhận chìm trong giông bão quay cuồng của mấy năm qua, những chuỗi ngày tưởng không còn lưu lại gì trong trí nhớ mệt mỏi nay bỗng rủ nhau kéo về như lũ mây trên trời.

Hay có lẽ thấy người ta đi nhiều quá mình sốt ruột chạy theo luồng chăng? Hắn chợt nhớ câu nói của một anh cán bộ, nói với một giọng tỉnh bơ không một chút hài hước nào cả: "Hồi năm-tư, một số không ít đồng bào ta đuổi Tây quá đà rồi ở kẹt lại trong Nam. Nay lại đuổi Mỹ quá đà rồi ở luôn nước ngoài".

Sau chuyến vượt biên thất bại cách đây hơn sáu tháng, nay hắn muốn thử một lần chót nữa xem sao. Hắn chuẩn bị chu đáo hơn để khỏi "lộ tẩy" quá dễ dàng như lần trước. Nhưng mà làm sao gột sạch cho được cái dáng dấp thị thành của mình, đặc biệt là của một anh chàng ngơ ngác, lừng khừng, đôi tay lúc nào cũng thấy thừa không biết để làm gì, bước đi xiêu xiêu, mái tóc thiếu săn sóc che khuất nửa vừng trán và nửa vành tai, có khi xù xuống che cả mặt kính cận dày cộm, áo quần thì rộng thùng thình không lần không nếp. Còn ăn nói ra sao? Ngập ngừng, tối tăm, nhưng hắn cho đó là ưu điểm của mình - nói cốt ở ý, đâu cần lời, lỡ có bị hiểu lầm cũng không có gì quan trọng, đôi khi lại mang kết quả tốt hơn không chừng.

Có cách nào gột rửa tất cả những nét lính kính của mình đi không, hắn tự hỏi. Lần vượt biên trước hắn mặc bộ áo quần cũ kỹ, rách rưới, đầu tóc hớt cụt ngủn chỉ dài bằng hai lóng tay, miệng ngậm câm như hến để khỏi buột ra những câu nói hớ, vậy mà vừa bước xuống bến xe đò hắn đã bị phát giác lúc nào không hay. Chuyện phải đến đã đến, hắn bị tóm trước khi xuống ghe "taxi" để chuyển qua ghe lớn. Lần này xuất "xuất quân" bảo mật ngay từ thành phố, đáp chuyến ghe chở hàng tại bến Bạch Đằng, được giấu trong phòng lái của tài công,

chuyển qua nhiều ghe nhỏ khác và cuối cùng, trên khúc sông này tiếp giáp với biển, khúc sông bị canh phòng cẩn mật, hắn nằm dài im thin thít trong lòng ghe bên trên có lá kè phủ kín.

Trời chưa chịu thương hắn, ghe chưa ra đến cửa biển để gặp thuyền lớn đã phải quày quả trở lui.

- Đụ mẹ nó, bể, bể rồi. Dzọt gấp.

Lão già vừa chửi thề vừa quay về lối cũ.

- Cái thằng nhỏ xui xẻo này nằm yên đó. Cựa quậy là chết nghe con!

Bể cái gì? Mình có thấy trời trăng gì đâu làm sao biết bể hoặc không bể. Chắc lão già giở trò lừa gạt. Mất toi tiền cọc rồi. Hắn muốn gào to lên một tiếng cho hả hơi.

Hắn chợt thấy ươn ướt nơi lưng. Ô, nước lại rò vào. Có thế chứ, hắn thấy vui vui, cái ý nghĩ nặng nề u ám từ nãy đến giờ vơi bớt đi nhiều. Mình có tuổi trẻ, mình yêu cuộc sống, mình dù gặp nhiều chuyện bất như ý trong mấy năm gần đây nhưng rồi sẽ qua hết, hắn nghĩ thầm. Một cảm giác mát ruột lan ra toàn thân làm dịu đi cơn ngứa ngáy âm ỉ chỉ chực bùng lên. Nhưng cái khoái cảm đó không kéo dài được lâu. Mực nước cứ lên miết, ướt hết lưng, ngập đến bụng, đến mang tai. Những con bọ bò rần rần tìm chỗ trú ở những phần cao trên người hắn. Hết cả mát mẻ rồi.

Cái lạnh bắt đầu ngấm. Lạnh ở hai bàn chân trước, rồi lạnh lên hai vai, rồi xâm nhập cả người. Hắn run lẩy bẩy. Cái lão già đanh ác này quên tát nước, khổ cho tôi quá, hắn than thầm. Lúc nãy trên đường ra cửa biển, thỉnh thoảng lão ngừng tay chèo lấy gáo dừa tát nước ra khỏi ghe. Lần này lão lại cố tình quên để giở thêm cái trò gì nữa đây? Hắn nghiến chặt hai hàm răng để khỏi bật lên tiếng nguyền rủa trong khi cơn lạnh cứ ngấm mãi vào xương vào thịt vào tim vào gan. Hắn cựa mình đổi thế nằm cho quả tim khỏi ngừng đập, hắn nghĩ, và liền nghe cái điệp khúc gầm gừ, tiếng gầm đáng ghét hơn cái âm thanh bực bội của con chó đen mõm dài. Chắc là mình chết mất thôi. Và hắn ngất đi.

*

Dưới lưng của hắn đã khô nước, nhưng người hắn vẫn giá buốt, rã rời. Có lẽ mình ngất đi khá lâu trong lúc đó lão già tát sạch nước lúc nào mình không hay, hắn ngẫm nghĩ. Bầu trời qua kẽ lá nhá nhem, xám xịt. Ngày xám. Buổi chiều tối đang đến kéo theo những chùm sao thưa hom hem nhấp nháy hoài không thôi, và gọi về tiếng dế nỉ

non miên man bất tận, tiếng ếch nhái ễnh ương cù cưa dai dẳng, tiếng sóng đập vào mạn thuyền róc ra róc rách đều đều nghe buồn thúi ruột, lúc ban ngày hắn không để ý.

Ồ, sao mình buồn quá vậy? Tình yêu gì mà kỳ cục vậy? Đó có phải là tình yêu hay không? Những lần gặp lại, cô nàng vui vẻ, hồn nhiên, đôi mắt trong veo, cặp môi xinh xắn, môi dưới trề trề ra chỉ muốn đón nhận một cái gì nơi hắn. Nhưng hắn biết ngay rằng thế là hết, cô bé hoàn toàn ngoài tầm tay với, vô phương cứu chữa. Hay là mình thử đánh bạo giải bày. Làm sao mà giải bày? Trang ở đâu? Sao mình lại sợ cô nàng đến thế, sợ một kẻ thuộc phái yếu. Tên nào đặt ra hai chữ "phái yếu" quả chẳng rành tâm lý chút nào.

Ngày xưa rắc rối. Bây giờ cô nàng có còn là cái thá gì đối với mình mà mình phải nghĩ ngợi lôi thôi. Quá khứ đã chết? Nếu quá khứ cứ đòi về thì cứ coi nó như cái bóng ma là yên chuyện. Vậy thì tại sao mình buồn? Mấy năm nay mình có buồn thế này đâu. Đúng là tại vì cái thế nằm ngửa nhìn trời. Nhìn trời thấy mây bay dọc, bay ngang, bay xuôi, bay ngược. Những đám mây trôi ngược chiều thường làm cho hắn choáng ngợp, đầu óc ngổn ngang trăm mối. Những đám mây trôi xuôi chiều gây ra cảm tưởng mất mát, hụt hẫng. Còn các đám mây khác? Toàn là đem đến nỗi hoang mang, bơ vơ, lạc lõng. Phải chi đừng có mây trên không trung, chỉ có bầu trời bao la sâu thẳm không cùng. Phải chi đừng có bầu trời!

Bỗng có tiếng lão già: "Nhỏ nè. Xong rồi, xong rồi, mậy. Ngồi dậy cho dãn gân dãn cốt. Tới đây là hết sợ".

*

Sau một đêm ngủ trên thuyền, mệt nhọc và đầy mộng mị, hắn thức dậy thấy mình nằm trên một chiếc ghe khác. Hắn nhớ mang máng lão già bảo gởi hắn qua chiếc ghe này để đi đến một bến nào đó. Rồi mệt quá hắn ngủ tiếp. Bây giờ áo quần của hắn đã hết ướt mèm, mái tóc cũn cỡn khô queo. Chân tay hắn rã rời nhấc lên không muốn nổi, đầu nóng hâm hấp, trong người ớn lạnh. Mình bị cảm rồi, hắn lẩm bẩm.

Chiếc ghe này to gấp ba gấn bốn lần so với chiếc ghe của ông lão, chở hàng nặng khẳm, mực nước mấp mé mạn thuyền luôn luôn chực tràn vào ghe theo mỗi đợt sóng đến. Thế mà quái lạ, mọi người trên ghe tỉnh bơ. Ghe chở đầy trái cây, dưa hấu, dừa tươi, dứa, ổi. Cái máy đuôi tôm đằng sau lái nổ xành xạch liên hồi. Trên ghe có bốn người ngoài hắn ra, một anh chàng ngồi giữ tay lái còn trẻ, mặt mày sần sùi đầy mụn, hai thằng nhóc liến thoắng chồm tới nhảy lui qua đống trái

cây lẹ như khỉ, và một người đàn ông đứng tuổi, đội nón cối mang dép râu, mặc áo quần vải thô cũ kỹ nhưng sạch sẽ. Anh cán bộ này như đang có điều gì suy nghĩ, đôi mắt luôn đăm đăm nhìn xa, nổi bật lên trên khuôn mặt rắn rỏi, nước da xạm đen và hàm răng vẩu. Một khẩu súng lục cộm lên dưới vạt áo sơ-mi bỏ ngoài quần. Hấn nghĩ thầm: "Anh này trông có vẻ trình độ, chắc là cán bộ cao cấp đi quá giang". Không ai nói với hấn một lời, hơn thế nữa, mọi người đều cố tránh nhìn hấn.

Hấn chột dạ. Sao mình lại đi chiếc ghe này, và đi đâu đây? Hết còn nghi ngờ gì nữa, lão già đúng là tên lừa gạt, lấy tiền xong, còn nộp mạng mình cho công an.

Ghe đã rời khỏi con lạch nhỏ để ra khúc sông cái, chạy chầm chậm men theo bờ. Giá mà trời tối mình nhảy đại xuống sông đủ sức bơi vào bờ, rồi lẻn vào các lùm cây rậm rạp kia là thoát, hấn tính lẩm nhẩm trong đầu và thừa biết rằng dù trời tối đến mấy đi nữa hấn cũng không bao giờ dám mạo hiểm tẩu thoát bằng cách đó. Rồi mình vào ẩn trong một cái chòi của một người tổ chức vượt biên thứ thiệt, tình cờ lại gặp cả Trang đang nôn nóng chờ mình, đang loay hoay xếp mấy món đồ ăn khô vào bị lát và cột lại gói chanh xắt lát đã phơi được mấy nắng. Vào một đêm biển lặng gió yên, trong lúc bọn lính biên phòng ham nhậu nhẹt quên cả canh gác, anh với em cùng nhau xuống thuyền vượt biển qua Úc, qua Tân Tây Lan, chả mấy chốc tới nơi. Hấn bật cười thành tiếng. Anh cán bộ quay mặt lại nhìn thẳng vào hấn, hấn hoảng hốt nhìn lại, cái nhìn của hấn trượt qua phía mang tai của anh cán bộ rồi đáp xuống mặt nước mênh mông buổi sáng.

Con sông này có lắm cá. Thỉnh thoảng một con cá lớn quẫy mình lên khỏi mặt nước phô cái bụng trắng hếu, nước bắn tung tóe. Ẩn hiện mờ mờ bên kia sông là những hàng dừa, những mái tranh mái lá, những thôn xóm, nương, rẫy, và xa hơn nữa, chân trời đầy mây. Ngồi mà nhìn mây thấy mây đờ buồn, hấn ngẫm nghĩ. Thôi, thế là xong. Mình sẽ bị nhốt một thời gian, sau đó sẽ tìm cách thích ứng với cuộc sống mới, mộc mạc, đơn sơ. Mình sẽ làm gì để kiếm sống đây? Vá xe đạp, đạp xe thồ, làm rẫy, câu cá? Hay là mình tập lái ghe gắn máy đuôi tôm chở lúa gạo, trái cây từ Lục Tỉnh lên thành phố. Chịu nhọc nhằn ít năm rồi rán đi học lại xây dựng tương lai.

Mình không hề thù ghét ai cả thì chắc là chẳng ai hơi sức đâu mà đi cà khịa với mình. Tính tình của mình có luộm thuộm thì phải, có gây bực bội cho gia đình hay cho người thân nhiều lần, nhưng đối với người ngoài lúc nào mình cũng cả nể. Đàn ông đâu mà nhát như cáy,

mềm như bún, mẹ mình thường mắng yêu. Hắn nghĩ ngợi miên man rồi nôn nao nhớ người mẹ đã mất cách đây hơn hai năm, người ruột thịt cuối cùng của đời hắn. Hắn chợt thấy hắn không còn một dây ràng buộc nào cả, mẹ và Trang đều ra đi, mỗi người một cách. Không có ràng buộc cuộc sống hắn là nhiều khi lạc lõng, bơ vơ. Thôi, đừng nghĩ tiếp nữa, hắn tự nhủ.

Chiếc ghe sắp đến ngã ba sông. Hắn kín đáo quan sát anh chàng lái đuôi tôm. Không, ghe vẫn chạy thẳng, chắc còn đi xa lắm. Từ nhánh sông đó, một chiếc ghe nhỏ chở năm bảy người đang tiến về phía ghe của hắn. Năm đứa con trai trên ghe kia ăn mặc đại khái như hắn nhưng lành lặn hơn nhiều - áo sơ-mi trơn hoặc sọc bỏ ra ngoài quần tây xám hoặc nâu, ủi thẳng nếp, đầu trần, chân đi dép nhựa. Ăn mặc như thế ở thôn quê vào thời buổi này quả là chưng diện quá cỡ. Chắc hẳn đám choai choai này đi ăn cưới. Và hai cô gái đẹp quá trong chiếc áo dài, quần trắng. Hơn ba năm hắn mới thấy lại chiếc áo dài. Hắn sững sờ nhìn những chiếc áo dài như chưa bao giờ nhìn thấy, những chiếc áo dài ôm sát tấm thân hình mảnh dẻ từ trên xuống dưới, siết lấy đôi vai xinh xinh, làm nổi lên gò ngực cồm cộm, làm chìm xuống cái lưng ong, bao lấy cái mông tròn lẳn trước khi tỏa ra như nụ hoa hàm tiếu để cho đôi chân khép nép đỡ bị vướng víu. Thật ra hai cô này mặc hai chiếc áo dài đã cũ, lại không vừa vặn cho lắm, nhưng lâu ngày thấy lại hắn đâm ra mê mẩn.

Chiếc ghe kia đến gần hơn nữa cho phép hắn thấy rõ mặt hai cô gái. Cô mặc áo màu vàng nhạt đúng là Trang của mình, hắn muốn thế, với đôi mắt trong veo, cái môi dưới cười cười. Hắn thấy nhói ở tim như có một bàn tay nào bóp nhẹ vào. Hình ảnh của Trang vẫn gây xúc động đến thế sao, hắn tự hỏi. Một trong hai thằng bé ném một quả ổi qua chiếc ghe đó và cười hồn nhiên, ròn rã, tiếng cười phụ họa vào tiếng máy đuôi tôm vang động cả quãng sông vắng trong buổi sáng sớm.

Làng mạc bên kia sông bỗng sáng rực khi mặt trời nhô lên khỏi mặt nước. Bên này sông, khói thổi cơm buổi sáng đọng thành từng vệt trắng nhờ nhờ trên những mái tranh, mái lá. Lại một quả ổi nữa được ném sang, mấy người trên ghe đó thoạt đầu ngạc nhiên, về sau khoái chí, nhặt ổi lên từ sàn ghe rồi chụm hai bàn tay hứng chờ những quả khác. Một bầu không khí vui nhộn, ấm áp bao trùm mọi người. Hắn cũng thấy vui lây quên cả cơn sốt đang hành hạ hắn từ lúc hắn thức dậy đến giờ. Theo kinh nghiệm, hắn biết rằng cơn bệnh chỉ dây dưa thêm một thời gian ngắn rồi khỏi hẳn khỏi cần thuốc men. Một niềm

lạc quan nhen nhúm trong lòng. Hắn âu yếm nhìn cô con gái giống Trang, thật ra có giống hay không, hay chỉ có vài nét na ná, hắn đâu dám đòi hỏi nhiều, thuận tay nhặt một quả ổi ném qua, và gặp một cái nhìn sáng rỡ đáp lại.

Bỗng hắn chột dạ đưa mắt liếc xem người cán bộ đang làm gì. Anh ta nhìn lại hắn thản nhiên như nhìn khúc gỗ không để lộ một chút cảm xúc nào. Hắn yên tâm. Rồi anh thủng thẳng nhặt ổi ném qua ghe kia. Cái ném đầu tiên nhẹ, trái ổi chạm mép thuyền rơi xuống nước, chìm một chốc, rồi trồi lên nổi lềnh bềnh. Lại ném tiếp, mạnh hơn. Một quả bay vèo ngang đầu cô gái áo vàng rơi tòm xuống mặt sông phía bên kia chiếc ghe. Mọi người ngơ ngác.

Khuôn mặt sạm đen và rắn rỏi của anh cán bộ đã mất hẳn cái vẻ bình tĩnh, dửng dưng, thay vào đó là cặp chân mày cau lại, đôi mắt long lên dữ dội. Hai thằng nhóc sửng sốt ngừng ném. Riêng anh chàng mặt mụn cầm lái thì vẫn chăm chú vào công việc của mình không quan tâm gì đến chuyện xảy ra chung quanh. Tên cán bộ lừ mắt nhìn hai thằng nhỏ, nhặt tiếp một quả ổi khá to ném mạnh trúng ngay hông cô áo vàng kêu hự lên một tiếng. Sự thù hằn tỏa ra như làn sóng cuộn, như dòng điện mạnh, cuốn hút mọi thứ quanh nó. Hai đứa bé reo lên nhặt vội mấy quả ổi ném thẳng cánh. Hắn cũng vồ một quả lớn ném bừa vào đám người khốn khổ trên ghe kia. Lại một quả trúng ngay vào mặt của cô gái đang co rúm người cạnh cô áo vàng, cô bé run lẩy bẩy, mặt mày tái xanh, méo xệch một cách thảm hại. Mấy đứa con trai đứa thì nép mình né tránh, đứa thì giằng lấy hai cây dù của hai cô gái làm khiên chống đỡ cho hai nạn nhân và cho những người còn lại. Hai chiếc dù cũ kỹ, không chịu nổi những quả ổi bay tới tấp, rách toạc. Người cầm máy đuôi tôm hoảng hốt tăng thêm ga rẽ chiếc ghe đi hướng khác. Tiếng máy nghe xa dần rồi tắt, để lại trên mặt sông hàng chục quả ổi trôi theo dòng nước cuốn.

Anh cán bộ đã lấy lại bình tĩnh, vẻ mặt thanh thản, hiền từ, đôi mắt nhìn xa đăm đăm. Anh chàng cầm lái vẫn mải mê công việc của mình, chỉ có hai thằng bé là hí hửng khoái trá.

Còn hắn ta? Hắn cảm thấy ngực tưng tức, cổ nghèn nghẹn, mũi nong nóng. Hắn lẩm bẩm, cơn sốt lại hành. Nước mắt hắn trào ra không cách gì ngăn nổi chảy ràn rụa cả hai gò má. Hắn gỡ kính cận, tay trái mân mê mắt kính bị nứt, tay phải úp vào mặt, ngón cái và ngón trỏ giụi vào mắt. Người cán bộ nhìn vào cái kính hắn đang cầm, cười nhẹ và nói: "Cái quân tư sản bóc lột diêm dúa". Hắn vội nhét chiếc kính vào túi áo rồi quay nhìn ra phía sông cái. Hắn vẫn không biết tại sao

cán bộ thường hay ghét người trong này đeo kính hoặc mặc áo dài, nhưng lòng thù ghét đó được thể hiện một cách thô bạo và quyết liệt như thế thì quả hắn không bao giờ ngờ tới.

Hắn nghĩ ngợi miên man. Hình như cú ném của mình trúng ngay mặt cô bé kia, cái mặt tái mét, biến dạng, méo xệch, kỳ cục. Đáng đời cho cái đứa kênh kiệu. Nhưng mà cô bé này có phải là Trang của mình đâu, lại cũng không phải cô bé na ná giống Trang. Thế tại sao mình ném? Nghĩa là trong sâu xa mình ghét Trang đến thế sao? Mình cũng giống tên cán bộ ghét bọn tư sản diêm dúa? Trang có thấy tôi không, rách rưới, sắp ngồi tù, thân tàn ma dại, còn cô thì kiêu ngạo, phách lối, cho nên tôi phải trả thù? Không, mình không bao giờ nghĩ như thế. Giả sử Trang có mặt trên ghe đó, mình sẽ không nói một lời hớ hênh nào, không phác một cử chỉ thừa thãi nào, chỉ nhìn Trang từ đầu đến chân như muốn ăn tươi nuốt sống, để cho Trang biết mình yêu Trang biết chừng nào, và từ ngày xa Trang, mình đã trở thành một người hoàn toàn khác, cứng cỏi, chín chắn. Có vậy mình mới hết ân hận. Thế tại sao mình ném mạnh tay thế?

Hắn nghĩ đến hai thằng nhỏ. Mình cũng giống như hai thằng nhóc kia, ném lia chia, thế thôi, thắc mắc chi cho lắm. Mình thấy thương hai thằng bé quá, giống y chang đứa cháu trai của mình, mặt mày thông minh, tinh nghịch, liến thoắng, vô tâm. Chắc tụi nhỏ này gốc thị thành đi kinh tế mới. Thằng cháu còn sống thì cũng được 12 tuổi, cùng với bố mẹ bặt vô âm tín từ 1975. Bọn nhỏ có bao giờ biết chúng đang làm cái gì đâu, chỉ hăng tiết vịt và dễ tin. Xúi trẻ ăn cứt gà còn được nữa là. Mình còn nhớ ở bên Tàu có độ người ta xúi trẻ con đi phá làng phá xóm, chửi cha mắng mẹ. Hồng... Hồng Vệ Binh. Thì nước mình có lẽ cũng sắp dập khuôn. Nhưng mà, sư anh! Đừng có kiếm cớ này cớ khác, mình có còn nhỏ dại như hai thằng nhóc nữa đâu. Tại sao lại ném?

Hắn bỗng thấy uất ức muốn chia sẻ cho người khác nghe những điều hắn đang nghĩ tiếp. Thôi, đừng vờ vịt mãi, chẳng qua là vì mình là tên khốn nạn, muốn tỏ ra là thuộc phe ta, muốn lập công, muốn làm vừa ý tên cán bộ, hay đúng hơn hết, là vì mình sợ. Hai thằng nhóc thì bị xúi ăn cứt gà, mình thì sợ, tên cán bộ thì kỵ áo dài, kính cận. Đúng là một lứa cá mè đáng thương tuốt. Chỉ có cái thằng mặt mụn là chì.

Hắn nghĩ tiếp, đúng vậy, tên cán bộ cũng đáng thương hại. Biết đâu năm ba năm nữa, hay năm ba chục năm nữa, khi đất nước khấm khá hơn, mà cái chế độ này vẫn chưa tiêu, mà cán bộ có mức sống cao hơn, có văn hóa hơn, tên đó sẽ sáng mắt ra, không thấy áo dài, kính

cận là diêm dúa, biết rằng hoa phong lan đẹp hơn hoa khoai lang. Hoặc mười năm nữa, hay một trăm năm nữa, khi mỗi tên làm sở hữu chủ một ngôi nhà có phòng khách rộng bằng phòng khách nhà Trang, lúc đó chuyện gì xảy ra? Khó biết được tương lai nhưng có điều chắc chắn là Trang của mình sẽ được yên thân hơn. Và lúc ấy những người Cộng sản có bao giờ nhớ lại chuyện cũ họ đã làm không? Coi bộ khó quá. Lúc ấy những em bé ngây thơ, những chàng cận thị, những cô áo vàng đã về với cát bụi, hoặc đã biến thành những viên gạch, viên đá nằm lót rải rác trên những con đường dài đầy máu và nước mắt mà họ đã dẫm lên mà đi.

Hấn nhớ lại khuôn mặt méo xệch bị quả ổi nện vào, nước mắt hấn lại trào, toàn thân lại rúng động như đang lên cơn sốt. Hấn cố nuốt một cái gì chận ngang cổ họng mà nuốt không xuống. Mình phải làm cái gì đây, đừng để chúng nó cười. Một con cá lớn quẫy mạnh. Hấn tẩn mẩn đếm những vòng tròn đồng tâm tan biến nhanh trước những đợt sóng, và nhờ vậy hấn cầm được nước mắt. Cứ cái đà này mình sẽ vào nhà thương Biên Hòa mất, hấn nghĩ tiếp, hoặc sẽ biến thành loài sài lang gớm ghiếc.

*

Chiếc ghe đang rời xa dần bờ sông bên này, đi xeo xéo băng ngang qua dòng sông rộng để tiến đến bờ bên kia. Sóng lớn. Liệu chiếc ghe có chịu nổi không, trông khẩm quá. Người cán bộ nhìn mặt nước mênh mông có vẻ không được yên tâm. Hai đứa bé sau một hồi tung tăng, liếng khỉ, đã trở nên mệt nhọc, tiu nghỉu, trong khi anh chàng cầm lái vẫn cứ lầm lì khó hiểu. Một đợt sóng lớn đập mạnh vào ghe, nước bắn tung tóe vào người hấn. Hấn bỗng thấy cái lạnh thấm vào tận tâm can. Cơn sốt vẫn âm ỉ muốn bùng lên, nhưng hấn biết chắc là hấn đã bắt đầu nén được dòng nước mắt chực tuôn trào. Từ trong những ngõ ngách rối rắm, âm u của cái đầu hấn, hấn thấy lóe lên một quyết định mà hấn biết chắc chắn hấn thực hiện được một cách dứt khoát. Xưa nay hấn không bao giờ làm đúng theo quyết định của mình, sống buông thả, trôi nổi, bây giờ hấn biết hấn đã là con người khác. Hấn thong thả móc cái kính cận ở trong túi ra, cái kính ướt mèm, đeo vào mắt, quay lại nhìn thẳng vào người cán bộ, lẩm bẩm một mình: "Ở tù ra mình sẽ đi. Đi đâu? Đi qua ngả đường bộ Cam Bốt, hoặc vượt biển, hoặc lên rừng. Miễn là đi".

Ngự Thuyết

NGUYỄN NGUYÊN THANH

bi kịch tình yêu người lính trong một vài tiểu thuyết ở việt nam gần đây

Những năm gần đây, trong khi sinh khí trở mình đau đớn của một dòng văn chương "nổi loạn", một loạt tiểu thuyết đặc sắc đã lần lượt xuất hiện ở Việt Nam. Vừa rồi qua một người quen ở Paris, tôi may mắn được đọc một lúc tới năm cuốn tiểu thuyết như vậy. Bốn trong năm cuốn nói trên đều viết về thời chiến tranh vừa qua với bao nỗi buồn, đau, ai oán... Chỉ riêng tên sách thôi cũng đã đủ ngậm ngùi: *Bến không chồng* (Dương Hướng), *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh), Tiểu thuyết vô đề (Dương Thu Hương), *Ăn mày dĩ vãng* (Chu Lai), còn lại cuốn cuối cùng viết về thời hòa bình cũng lại là: *Đám cưới không có giấy giá thú* (Ma Văn Kháng).

Bắt đầu từ những năm 80, cùng với cuộc "cải tổ" lớn lao của Gorbatschow, nỗi đau thân phận con người trong chiến tranh (đặc biệt là bi kịch tình yêu của lính, những người chịu nhiều thua thiệt nhất) đã công khai xuất hiện như một đề tài đầy ma lực với các nhà văn quân đội quen biết: Nguyễn Minh Châu, Xuân Thiều, Lê Lựu v.v... Bước qua nỗi sợ vô hình, nhà văn và bạn đọc đã bắt đầu tìm lại, đối thoại với nhau, chấm dứt một thời kỳ văn chương nặng về minh họa đường lối chính sách của đảng, người viết cứ viết, người đọc cứ hờ hững với những cốt truyện và nhân vật không chịu sống cuộc sống có thật ở đời thường.

Phần đông những người lính miền Bắc (sau 1954) vốn xuất thân từ nông thôn, trong đó không ít người có học. Đọc "*Bến không chồng*" ta càng yêu thương hơn một vùng quê đầy kỷ niệm, đằm thắm và day dứt của người lính. Đó là làng Đông trai tài gái sắc nhưng lại có "*mất tiên*" và "*Bến tình*" - "*Bến không chồng*", gắn liền với huyền thoại đẹp

nhưng đầy bi kịch. Cái *Bến không chồng*" đó như một định mệnh của hai dòng họ Nguyễn - Vũ, kéo dài qua suốt cả thời chiến tranh, và nó cũng là một phần hiện thực bi thảm của dân tộc. Mối thù người trai họ Vũ làm chết cô gái trưởng họ Nguyễn cùng lời nguyền độc địa đã giáng tai họa xuống đôi vợ chồng trẻ Nghĩa (trai trưởng họ Nguyễn) - Hạnh (con gái họ Vũ) khi họ đã cả gan bước qua lời nguyền: Nghĩa phải đi bộ đội, khi thoát chết trở về, Hạnh cũng tàn úa vì chờ đợi. Nỗi khao khát được sống, được yêu, được làm mẹ đã bị chiến tranh (cũng là đảng, bác) cướp sạch sẽ. Hạnh phải trầm cả một thời xuân sắc với bao nỗi thèm sống cháy bỏng xuống "*Bến tình*" trong hoài niệm ái ân với chồng. Đến nỗi có những đêm "*vầng trăng đơn độc*" hóa thành "*con ma ở đầu cánh mả Rốt chuyên săn phụ nữ góa chồng*", "*thè lè chiếc lưỡi đỏ lừ liếm khắp thân thể Hạnh. Hạnh cảm nhận rõ ràng con ma mặt đỏ đang làm tình với mình*".

Thế nhưng sau bao năm mỏi mòn trong chờ đợi. Hạnh đành phải chia ly để Nghĩa tìm một người vợ mới hy vọng có con nối dõi tông đường, vì Hạnh và cả dòng họ nhà chồng đều cho rằng lỗi không con là do Hạnh mất khả năng làm mẹ. Nhưng cuối cùng thì người vợ thứ hai của Nghĩa sau khi phải tủi nhục đi "ăn sương" để có con cho chồng (chị biết anh bất lực nhưng muốn an ủi anh) mà không được, đã phải chia tay Nghĩa với sự thật phũ phàng: vết thương chiến tranh đã cướp đi khả năng làm bố của Nghĩa! Trong khi đó, định mệnh đã khiến Hạnh có con với chú họ của Nghĩa, bậc cha chú vẫn thương Hạnh như con, một cựu chiến binh Điện Biên Phủ phải sống cô đơn đến già, vì không dám bước qua lời nguyền của dòng họ.

Ở "*Nỗi buồn chiến tranh*" (*Thân phận tình yêu*) của Bảo Ninh, là tâm trạng của một người Hà Nội (Kiên) phải dấn sâu vào một cuộc chiến tranh, với bao nhiêu chết chóc, thương tâm, tàn bạo và đầy phi lý. Ngày trở về với hai bàn tay trắng, Kiên chỉ còn biết cầm bút viết văn như một hành động sám hối trong khi "*Từ chân trời dĩ vãng ngọn gió buồn vô hạn của tình yêu và tự do như là niềm tiếc nuối khôn nguôi cứ mãi hoài thổi qua thành phố, làng mạc, và trong đời tôi...*".

Số phận của Kiên cũng chính là số phận của cả một lớp trai trẻ học đường nhiều mơ mộng, buộc phải cầm súng và nhiều người phải ra đi vĩnh viễn khi đôi môi khô khát của họ chưa được một lần đón nhận vị ngọt ngào của tình yêu. Tuy còn sống nhưng cuộc đời Kiên đã trở nên trống rỗng và nghèo khó. Anh đã mất Phương, mối tình đầu đẹp nhất của đời anh vì chiến tranh. Bao nhiêu huyền thoại với thiên đường bánh vẽ, lối giáo dục chay tịnh, cấm ngặt mọi nhu cầu tâm lý bình

thường của con người dưới mái trường xã hội chủ nghĩa đã khiến Kiên mãi mãi ở lại tuổi 17 trong trắng và dại khờ, không biết yêu đàn bà nhưng lại dễ dàng bị lôi cuốn vào cuộc chém giết bất tận vì chính nghĩa của cách mạng (!) (Người ta vẫn chưa quên đội Hồng Vệ Binh Trung cộng hung hãn và tàn bạo trong cách mạng văn hóa chính là được tuyển lựa từ trong lớp trẻ non tơ này). Trong khi đó, cũng ở lứa tuổi ấy, nhờ vượt ra ngoài ảnh hưởng của các loại tuyên truyền. Phương - cô gái có vẻ đẹp tai họa lại cuồng nhiệt sống hết mình và khao khát yêu đương. Nhưng đáng buồn thay, cô chỉ gặp một lũ con trai ngốc nghếch để rồi bị bóp nát hoa trinh bạch trong tay bọn đàn ông thô bạo ở thời lửa đạn. Đêm cuối cùng của đời học trò, chuẩn bị vào lính, bên người yêu, Kiên vẫn còn *"thì thầm ấp úng"*: *"Mình có cuộc chiến tranh của mình, còn Phương... chúng mình có mãi mãi trong nhau là hơn, phải không?"*, nhưng Phương thì thực tế và ngậm ngùi: *"Ừ, thôi... - Phương thở dài - Có điều Phương sợ nhất là sẽ không bao giờ còn tối nào như tối nay"*. Khi Kiên khẳng định: *"Mình sẽ trở về"*, Phương vẫn tỉnh táo: *"Nhưng bao lâu. Nghìn năm sau? Và anh không nghĩ khi đó, anh khác và em cũng sẽ khác đi rồi. Hà Nội cũng sẽ khác. Hồ Tây cũng sẽ khác. Thì sao?"* Rồi nàng đau đớn "lên án" cả thế hệ đàn ông như Kiên: *"Anh không yêu mẹ, không yêu cha, không yêu tình yêu của em. Anh khăng khăng: tôi đi chiến đấu, tôi là con người trung thực, tôi trong sạch và tôi không muốn em bị nhơ nhuốc. Không có gì mới cả!"* Nàng muốn yêu và được yêu hết mình nhưng người nàng yêu chỉ là chú bé con: *"Kiên không nhận thấy là mình đã bật mở hết các cúc áo của Phương cho tới khi hai bầu vú trắng phau bật ra. Vành trăng lướt thoáng một giải sáng lên mặt hồ và bãi cỏ. Phương nằm yên không trở mình, có lẽ đã ngủ say. Kiên không nhận thấy là miệng mình đã ngậm chặt lấy đầu vú của Phương còn thành thạo hơn một chú bé con. Anh mút nhè nhẹ thoạt tiên là như thế, như thuở mới ra đời người ta bú. Nhưng rồi kế đó là một nỗi khao khát kỳ quái thôi thúc, anh dùng sức mạnh của hai bàn tay, cho đến lúc cảm nhận trong miệng cái vị ướt ngòn ngọt thoáng cả nỗi đau đớn mơ hồ như thể vị ngọt từ giấc mơ của Phương thấm truyền sang..."*.

Tất cả chỉ có thế cho mãi tới khi thoát chết trở về, Kiên mới biết thực sự hôn nàng bằng nụ hôn của tình yêu: *"Mười năm trời ấy, một cái hôn dài. Cái hôn bất tuyệt thấm vào tim, cái hôn mà mãi mãi mỗi người trong họ còn phải nhớ bởi chưa bao giờ và sẽ không bao giờ cả hai còn được hưởng một cái gì tột đỉnh cuộc đời đến như thế nữa"*. Nhưng họ đã mãi mãi mất nhau, kể từ cái đêm ác mộng Phương liều

lĩnh bỏ lớp học sơ tán từ Hà Nội tìm Kiên để tiễn đưa anh vào mặt trận phía Nam. Nằm ôm nhau suốt từ ga Đồng Văn vào đến tận ga Thanh Hóa, Kiên vẫn dút dát để cho nàng phải xót xa: *"Hai đứa mình, Kiên ơi... có thể đến khi chết đi vẫn còn trong trắng... Vậy mà chúng mình yêu nhau biết là ngần nào..."* và rốt cuộc thì khi tàu bị dội bom, trong cảnh hỗn loạn, cô gái trong trắng đã bị đời cướp khỏi tay Kiên và làm ô nhục ngay trước đôi mắt hoảng loạn, ngây dại của anh: Nàng đã trở thành người đàn bà ngoài ý muốn trong khi Kiên vẫn đứng lại ở tuổi 17 hão huyền và bắt đầu biết tàn bạo.

Nhưng nghĩ cho cùng số phận trớ trêu của Kiên, những dại khờ để cho người khác nắng tay trên tất cả mọi thành quả của mình từ tuổi trẻ, tình yêu, máu xương và cuối cùng là tiền bạc, cũng chỉ là số phận đen đủi của con em nhân dân, những chàng trai có học, giàu tình nghĩa nhưng nông nổi bị đời lừa gạt, chứ số phận của con ông cháu cha đâu có thế (xin mở ngoặc: các con ông lớn có tiền mua vé máy bay đi du lịch tìm miền đất hứa - tỵ nạn Cộng sản, còn những người như Kiên - và cũng chẳng thiết đi - ở lại đất mẹ để viết truyện buồn). Đúng như lời trăn trối của cha anh, một họa sĩ có tài nhưng không hòa nhập được với cảnh đời ô trọc trong môi trường xã hội chủ nghĩa hiện thực: *"Nhưng nỗi buồn thì không nguôi... Vẫn sẽ còn lại nỗi buồn... nỗi buồn truyền kiếp. Cha chẳng để lại được gì cho con, ngoài nó, nỗi buồn ấy..."*.

Nguyễn Nguyên Thanh

Berlin 5-1993

LÝ KHÔNG MINH

kéo dây - gọi võ hồng

Nha Trang mười ba năm trở lại. Một buổi sáng tinh mơ 6 giờ. Bánh tàu sắt nghiến trèo trẹo trên đường rầy nhỏ giọng. Tôi sắp bước xuống phố biển từ một chặng đường 500 cây số trong đêm. Đã qua ga Mường Mán, nhớ tên ga cũng là bút hiệu của một nhà văn không thấy nữa. Nhớ cái tên ga cũng bởi khi đi ngang qua đấy, ăn tô cháo gà nóng hổi và một gói quà để ở cửa sổ bị mấy đứa nhỏ bên ngoài thò tay giựt. Ga nhỏ, ngọn đèn dầu soi gánh cháo hiu hắt dưới sân ga. Những ga khác, cũng ngọn đèn tù mù sương tối. Và ga đến, lặng lẽ đìu hiu.

Nhà trọ ở đường Pasteur, đi bộ ra biển, đứng đầu đường thấy biển. Mẹ tôi pha ấm trà sáng. Anh tôi mượn xe đạp về nhà kêu vợ con đến thăm bà nội và chú ở xa về. Tôi đã ở Nha Trang 12 năm ròng. Học tiểu học Nha Trang, trung học Nha Trang, cả thời niên thiếu cho đến khi mép nhu nhú râu tuổi vỡ tiếng. Học đường và loạn lạc, nhưng là cả hạnh phúc không lo âu tính toán. Ngoắt một cái năm 75, chạy vô Sài Gòn rồi lại chạy ra Nha Trang, căn nhà cũ đã mất, chỉ còn hai chị em vớt bèo nuôi vịt. Tôi đạp xe đi trên phố cũ. Ghé chợ Đầm ăn phở. Rất gần với căn nhà Quách thi sĩ đã mất vài tháng trước. Phố Nha Trang khi trở lui mình thấy nhỏ, nhỏ hơn ký ức nhiều lần khiến có khi đi lạc. Con phố chính Độc Lập lặng lờ. Người ta đi đâu hết cả khiến ngay cả buổi tan trường ký ức cũng chỉ lưa thưa tà áo trắng. Thành phố hiền như sóng biển, như cọng thùy dương vàng rơi trên cát vắng, như chiếc ghế phô-tơi kê gốc dừa ngóng đợi u hoài.

Tôi đến trường cũ Võ Tánh (nay là Lý Tự Trọng). Hai mươi ba năm trước tôi học năm đầu trung học ở ngôi trường có tiếng nhất thành phố này. Ôi, vẫn màu tường quét vôi vàng nhạt nắng. Tôi đứng ở cổng, nhìn vào căn lớp cũ. Sự tình cờ khiến đứa cháu tôi cũng đang ngồi đúng cái lớp mà chú nó đã đi qua. Tôi lẻn vô trường, đi vòng ra sân banh (thấy nhỏ như vòng bàn tay lau lách viền lối). Chẳng gặp một thầy cô ngày ấy. Nhớ thầy Lý mất một mí dạy Công Dân Giáo Dục đánh học trò bằng roi mây, khẻ tay những đứa để móng tay dài. Nhớ thầy dạy... nhớ cô dạy... Tôi chỉ nhớ thầy Lý mà học trò cứ gọi lén là Lý Đại Hàn, có lẽ vì thầy dữ nhất, đánh học trò đau nhất, và giọng giảng bài to cả sân trường. Cứ như là hôm qua. Cứ như là còn ngồi trên yên xe đạp ăn bánh lọt ở quán trước trường. Cứ như là tập

tành trốn "hai giờ sau" ra biển mua đậu phụng từ gánh hàng rong. Cứ như là đứng dựa cây trên đường Bá Đa Lộc coi lén mấy chị lớp 12 tha thướt. Nhưng hiện hữu là nơi này lặng lẽ. Còn nguyên đấy mà cũng mất đấy. Còn nguyên hai trụ cổng, dưới chân rêu phong bám, trên đầu rêu phong mọc. Còn nguyên mái ngói đỏ nhạt màu bể hai ba miếng. Còn nguyên cột cờ có lần hãnh diện thượng kỳ một sáng thứ Hai. Còn nguyên những trái liễu nâu nâu rụng sân sau, cọng liễu rơi trên thềm hanh nắng. Còn nguyên những đứng dậy chào thầy vào lớp, những lần thách nhau đánh lộn, những lần rảy mực vào lưng áo "thằng mất dạy" ngồi trước, những lần bỏ mất mèo lên ghế cho cô giáo ngồi ngứa gãi chơi. Nhưng đã lặng lẽ nơi này.

Bây giờ bên hông trường, ngay trước trường Nữ, rải rác quán thịt chó, mệt mỏi xích lô đạp. Người đi hiu hắt. Người về hiu hắt. Và hiu hắt hơn hết, vẫn mãi là nỗi đau thắt ruột, vẫn mãi là nỗi mất rát lòng, vẫn cứ là bùi ngùi thương cảm, khi đứng trước căn nhà tôi đã sống trước đây mười hai năm. Tôi đã đi lạc khi tìm lối về nhà, bởi ký ức mình con đường ấy lớn lắm, vui lắm, nhộn lắm. Thành ra đạp xe qua mà tôi tưởng lối khác. Nhưng rồi vẫn đúng ngay nhà cũ. Bây giờ là nhà ai đó. Cổng đóng nhưng cửa bên trong mở cho tôi nhìn thấy suốt vào trong. Cái lan can nơi cha tôi chiều ngồi, sáng ngồi, rung rung làm thơ, rung rung ấm trà, rung rung bạn già lai vãng. Dãy hành lang bên hông nhà thấu suốt đằng sau, nơi mẹ tôi người xé lá bó chả. Góc bàn ăn quây quần những con mèo tam thể mẹ nuôi. Và cái buồng tắm nơi tôi vừa tắm vừa nghe nhạc vừa tập thể dục bằng hai cục gạch thay tạ. Căn nhà này tôi đã lớn lên từ những năm thơ dại, đã ngồi tựa cổng chờ mẹ đi chợ về lúc nào cũng có một bao chè đậu ván. Ôi, những năm tháng yên bình trong chiến tranh. Tôi thấy linh hồn của cha tôi lẩn khuất đâu đây. Tôi thấy ông ngồi, rửa mặt bằng thau nước nhỏ. Tôi thấy cả, tôi thấy cả, những năm tháng triền miên, những năm tháng cắt xé lòng...

Một vài người hàng xóm xa lạ tò mò nhìn tôi. Người đã đi, đi cả. Nhưng còn nhận ra cái chuồng gà mẹ tôi để trước sân. Thế là tôi trở về một nơi không vào được. Tôi đứng như thế, nhìn căn nhà rất quạnh và lòng bùi ngùi khôn xiết. Nào cần gì "Yên ba giang thượng sử nhân sầu" mà cứ thương cảm, mà cứ sóng lòng sùi sụi, mà cứ khói xám vây lòng. Nguyễn Du đã để cho Kim Trọng có người để hỏi thăm cố nhân mà cõi lòng còn tơi tả đến thế: *Cuối tường gai góc mọc đầy; Đi về này những lối này năm xưa; Chung quanh lặng ngắt như tờ; Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?*

Kim Lang đã hỏi thăm láng giềng mà ra người cố sự. Còn tôi trơ trải lạ người. Tôi như cánh bèo trôi ra biển. Biết tìm đâu lối cũ trên dòng nước luân phiên trôi chảy, biết là bao ngờ ngàng trước ngát lộng biển xa. Nơi ở của bèo phải là sông chật, phải lúc nhúc phận bèo, phải cỏ mọc dầy đồng bạn, phải đìu hiu thân phận chia nhau. Mới là bèo, mới là vui thú. Mà nay đã đường xưa khuất bóng, không còn ai đứng lại cho đều một nỗi niềm, trừ cô liêu... Và ảm đạm.

Ảm đạm trong ký ức và ngay nơi cuộc sống. Bây giờ. Đứa cháu tôi ở với mẹ, trên một cái giường đơn chiều dài thước rưỡi. Nó ăn, ngủ, học trên diện tích ấy. Sách chung quanh, vở chung quanh. Chủ nhà cho thuê đã đẩy cái tủ lớn làm ranh giới hai mẹ con sát vào giường, đẩy đến mức không đẩy được nữa mới vừa lòng nhỏ. Bên kia tủ là chồng chủ nhà bị liệt, nửa đêm kêu đi ngoài, nửa đêm réo tên vợ chửi, đã bỏ bê ông, một người già bại liệt vô dụng trong đời sống. Thế giới của cháu tôi hẹp như thế, nhưng bên kia đường là tòa soạn báo Khánh Hòa rộng rãi những cuộc đời văn chương. Văn chương đối diện với cuộc đời như thế. Viết làm chi những thành tựu kinh tế, những lời vàng châu ngọc khi bên kia trang giấy có đứa bé tuổi dậy thì gạt bấc đèn thầm học. Văn chương, nếu có thật, phải là một điều gì bên kia trang giấy, nơi màu trắng đè ngược mực xanh vì tóc tang vẫn trải xuống đời.

*

Biết thế nên càng nôn nao đi thăm Võ Hồng, một trưa vàng phố biển trước ngày ra Trung, về Bắc. Tôi đạp xe vào chợ Xóm Mới mua gói trà và phong bánh làm chút lễ mọn của kẻ hậu sinh tỏ lòng thành kính, và đạp xe lóc cóc dừng lại trước cửa nhà của kẻ vẫn vọng "Hoài Cố Nhân".

Con đường Hồng Bàng nơi nhà văn ở vắng ngắt. Trước nhà một lề đất thấp để chặn nước tràn vào sân những ngày mưa đọng. Cổng sắt khóa. Trên cổng góc trái, một tấm thiếc nhỏ bằng nửa cuốn sách ghi: "Kéo dây - gọi Võ Hồng". Ngay trước tấm bảng, thò ra một khoen dây kẽm để kéo. Một tấm biển nhỏ để gọi tên, chỉ năm chữ nhưng rất đỗi văn chương Võ Hồng. Giản dị mà khéo, lượng thông tin chừng mực đủ gợi một vóc dáng lớn trong văn học.

Tôi ngập ngừng một giây. Tôi đã đi ngang nhà ông nhiều lần ngày xưa. Nhà văn cũng là thầy giáo dạy văn chương ở trường bán công Lê Quý Đôn. Bỗng có cái cảm giác rụt rè của những ngày cúi đầu đi ngang ngôi nhà tên tuổi. Nhưng rồi cũng móc ngón tay kéo, kéo nhè nhẹ. Chẳng nghe âm thanh tiếng chuông nào cả. Kéo mạnh, sợi dây

giăng vào nhà máng trên cây giựt lá xào xạc. Một chập, có người đàn bà đi ra. "Chú tìm ai?" "Thưa, bác Võ Hồng". Người đàn bà bảo chờ một lát rồi quay trở vào. Hai đứa bé độ năm, sáu tuổi chạy ra, mở cổng, dắt vào một lối đi nhỏ bên hông.

Nhà văn ở trên gác.

Ông đứng ở ban công, nắng đổ xiên qua màu hoa đỏ của bông dâm bụt thấp sáng hơn cái áo sơ-mi trắng đã ngả màu, thấp sáng hơn mái tóc bạc lơ thơ bóng xế. Ông cao hơn tôi gần một cái đầu, càng thêm chừng nỗi trơ trọi của một phong thái giản dị nhưng rất mực tài ba. Ông kéo ghế mời tôi ngồi ngoài sân thượng, vui vẻ kêu hai đứa bé "chào chú" và vào đề êm ả như mở đầu một truyện ngắn không trúc trắc: "Hai đứa này con hàng xóm, *tu* coi, nó không được đi học vì người ta biểu thiếu thông minh. Đâu có như thế được. *Moi* sẽ chứng minh ngược lại, *moi* dạy chúng luyện trí nhớ. Để *tu* xem cháu tôi có thiếu thông minh không nhé".

Ông kêu cậu bé, bảo: "Viết chữ 'thế' cho chú coi nào". Thằng bé cầm viên phấn thảo liền chữ "thế" (Hán tự) lên nền xi măng. Ông lại bảo: "Đọc cho chú nghe 'Phong Kiều dạ bạc'". Cậu bé vanh vách đọc bài thơ Đường của Trương Kế:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Tôi có thể nghi ngờ kết quả phương pháp dạy trẻ luyện trí nhớ, nhưng không thể nghi ngờ tâm cảnh cô hàn của ông khi đem tâm sự giãi bày qua cậu bé. Trên căn gác đìu hiu trong một thành phố buồn vắng vẻ, bên bông khế lấm tấm hồng và một đêm trăng sáng, ông nằm nghe... một thời Cô Tô rực rỡ có vua Ngô bên nàng Tây Thi. Một Tô Châu non nước hữu tình. Nhưng đã là. Giờ là tuổi già hiu quạnh. Trong tâm ông hẳn dựng một bến đỗ phải dừng, một tiếng quạ kêu sương, một ánh lửa chài lắt lay sầu mãi. Và ngoài kia trăng lặn. Và trong này văn chương xếp bút. Chiêm nghiệm. Đời như sương như khói. Nào chỉ có hơn một nghìn năm trước Trương Kế đối diện ánh lửa chài mà man man sầu vạn cổ, mà mơ màng vương vấn nơi ngoại thành. Muôn thuở sau, Võ Hồng, 72 tuổi, vẫn "nhớ người xưa", ba người con đã bên kia trái đất, lặng lẽ là ông giữa ngoại phố hiên đường, khác là không một tiếng chuông chùa hay chỉ là tiếng chuông chùa vô thanh... Mà vẫn nhuốm mùi tục lụy!

Có người nói ông là không giữ thanh (ám chỉ ông "được" kết nạp

vào Hội Nhà Văn sau năm 1975). Không ai gánh nỗi cô đơn của ông nhưng người ta thích gánh danh ông. Cứ như là thích kẻ khác sạch giùm mình. Đứng ngoài vòng thì dễ nói "hà tất"... Ờ, thì hà tất... Hà tất ông phải cô đơn. Tôi biện minh cho ông à? Hà tất! Ông trong sáng và giản dị, và hào quang đã rực thì cần chi thêm chút lửa mờ. Thế thôi, bởi ông là Võ Hồng.

Nhà văn mời khách vào nhà. Căn phòng bừa bộn chứng tỏ sự thiếu vắng bàn tay đàn bà. Ông đi rửa một cái ly, chế nước trà đã nguội ra tách, mở hộp bánh biscuit tròn để dưới đất, và nói về những chối từ cầm bút lại, rất nhẹ nhàng nhưng có khi chẳng đặng đừng. Rồi thích thú khoe là có người bên Úc gửi cho ông một bài viết (lâu rồi) của ông đăng trên tờ báo Chiêu Dương. Bảo tôi để đi vào văn chương, phải sống, và cần hơn thế là chiêm nghiệm cả nội lẫn ngoại cảnh. Ông nói: "*Moi* ngồi bên cửa sổ này, bao năm... *Moi* nhìn, ngắm chiếc lá mãng cầu bên ngoài cửa sổ. Một sáng, có giọt sương mai đầu chiếc lá phản ánh sáng và toang ra một màu sắc rực rỡ long lanh, đẹp vô ngần. Và *moi* tả đôi mắt một người con gái: *Annie! Đôi mắt sáng long lanh như hai giọt nước treo ở đuôi lá na lá mận được nhìn qua ánh sáng của khung cửa sổ...*".

Nhà văn cười hồn nhiên và sung sướng ở một chi tiết truyện. Ông chỉ "mánh" viết, cả một kinh nghiệm văn chương tự thể nghiệm, bày ra, không giấu giếm. Hỏi: "*Vous* đọc truyện của *moi*, bây giờ nhớ được điều gì?"

Tôi thành thật bảo nhớ nhất là ông tả thành phố Tuy Hòa, nơi mà con đường chính của thị xã được ông ví như một cây xiên lụi qua con gà, rồi từ đấy chẽ ra những đường con. Ông gật gù. Tôi lại bảo những truyện ngắn của bác trong "*Con suối mùa xuân*"; truyện ông quen cô gái nhờ bị con chó táp vào bắp vế rồi được người đẹp nặn máu rỉ từ vết thương; truyện "*A lô, tổng đài cho tôi gọi...*" ... Ông mỉm cười:

- Nhớ lại những gì *moi* viết, *vous* có nhận xét gì?

Tôi suy nghĩ. Nhà văn đòi một tổng luận về sự nghiệp văn chương ông. Một... cái gì còn lại của Võ Hồng sau khi đã quên hết! Khó đấy, nhưng được, vẫn tất thôi. Chung chung thì người ta cho rằng văn ông trong sáng, giản dị, dùng chữ cẩn thận nhưng đọc không thấy cầu kỳ, và gần gũi với đời sống. Nhưng đấy chỉ là những nhận xét sơ bộ có tính cách ước lệ. Văn Võ Hồng, như một dòng suối trong êm đềm trôi chảy dưới ánh bình minh, nhưng nhìn kỹ, nhìn sâu vào bề mặt con suối hiền lành miên man ấy, ta có thể thấy những bến bờ quạnh hiu ở những viên sỏi lấng chìm đáy suối. Cái bề mặt êm đềm chỉ là bề mặt,

chỉ là để giấu kín những gửi gấm, những băn khoăn nỗi niềm trong lòng thẳm văn chương.

Ông đứng bật dậy, cười ha hả thích thú, đưa tay:

- *Moi* phải bắt tay *toi* một cái. Đúng vậy... đúng vậy...

Từ sân thượng nắng chói, một con chim cất tiếng hót. Ông cầm tay tôi dắt ra sân, vui thú chỉ cây bàn chải xòe nan vạm vỡ, nói: "Đầu tiên chỉ là một cái mầm, người ta vất đi. *Moi* thấy tội, lượm về ươm, người ta vất đi, vất đi, *toi* thấy đó...". Ông nhắc đi nhắc lại câu chuyện "hữu duyên" với cây bàn chải bị vất khi còn tấm bé. Nhà văn lượm về, trân trọng, chăm nom. Như ông thấy mọi vật đều có mầm sinh mà chỉ với con mắt tri kiến, từ thị, mới nhận chân được. Ông trân trọng kỷ niệm, như căn phòng bên cạnh cửa mở hé. Đấy là cõi riêng của ông, thư phòng và niệm phòng dành cho tâm thức nhà văn để trở về với người bạn đời sớm khuất. Ông tiễn tôi ra cầu thang. Khi tôi chào, ông dường như không thấy, cứ vịn lan can mà ngắm mây chiều bảng lảng. Rồi bảo: "*Toi* chờ *moi* chút xíu". Ông vào phòng, một chốc trở ra với bài tùy bút "Nghĩ Về Mẹ" ông ký tặng. Bỗng sung sướng nhớ người xưa nói: "Người giàu sang thì tiễn đưa bằng của cải, người nhân thì tiễn người bằng lời nói. Tôi không được giàu sang, trộm tự coi mình là người nhân nên tiễn ông bằng lời nói...".

Ừ, ông là người nhân, mà dường như điều ấy đã đủ cho một kiếp người. Tôi đạp xe lọc cọc, nghĩ miên man cuộc sống của ông đến quên béng đi phải ghé nhà một người thân. Ông trời bất nhân thật. Cuộc đời nhà văn đã sớm quạnh quẽ, đến cuối đời càng cô độc hơn thế. Bỗng chạnh lòng. Lỡ đêm khuya khoắt, cái thân cô đơn ấy biết lấy ai mà nương tựa. Nhà giáo. Nhà văn. Học trò tan lạc hết, bằng hữu xa xôi cả. Có thể là Võ Hồng chọn lựa cô đơn, nhưng sự chọn lựa ấy có thể bởi không còn một chọn lựa nào khả dĩ tốt hơn. Ông đã đắp đất ngăn nước lũ tràn vào sân, nhưng có lẽ hồn ông mãi là con lụt ở vùng đất của chớp bể mưa nguồn. Cuối đời. Một cây bàn chải gai nhọn. Hoa khế. Hoa trang. Một sân nắng và hai đứa trẻ biết viết chữ "thế". "Thế thời phải thế". Như những chùm hoa soan đã rơi rụng chỉ còn trơ cọng tàn, ông đã đi trọn một hành trình cô đơn. Cái ấm áp mà nhà văn đã tinh lọc dâng đời thường sinh từ những trần ai phế phẩm. Như men rượu nổi từ những hạt gạo nát mềm nhưng dựng dậy xiết mấy ngất ngây.

Thì cũng qua một kiếp người. Nhưng đau!

Lý Không Minh

QUÁCH GIAO

đọc quyển hàn mặc tử anh tôi

Hàn Mặc Tử là một nhà thơ lớn, chúng ta còn nhớ ngày trước Hoài Thanh và Hoài Chân trong Thi Nhân Việt Nam *đã nhận xét về Hàn Mặc Tử đại khái như sau:* Sau này khi tất cả đều mất đi, những gì còn lại trong thi văn Việt Nam chỉ có thể là của Hàn Mặc Tử.

Lời nhận xét này đến nay, hơn nửa thế kỷ, sau khi Hàn Mặc Tử qua đời, đã thấy đúng một phần. Trong số những thi sĩ tiền chiến cùng thời với Hàn Mặc Tử có nhiều người đã bị lớp bụi thời gian phủ lên, không còn giữ nguyên vẹn được lòng mến mộ của người đọc của họ như trước nữa. Riêng với Hàn Mặc Tử thì không. Người yêu thơ vẫn còn nhớ Hàn Mặc Tử, vẫn còn đọc lại Hàn Mặc Tử và vẫn còn nói nhiều về Hàn Mặc Tử.

Không kể cuốn Hàn Mặc Tử *(Tân Việt xuất bản) do ông Trần Thanh Mại viết ngay ít lâu sau khi Hàn Mặc Tử mất, và hai số đặc biệt của tạp chí Văn (Sài Gòn) đăng trọn hồi ký* Đôi nét về Hàn Mặc Tử *của Quách Tấn, gần đây đã có nhiều bài viết và sách nói về nhà thi sĩ tài hoa mệnh bạc này.*

Hiện nay cuốn gây ra xôn xao nhiều nhất trong dư luận là cuốn của em ruột nhà thơ - ông Nguyễn Bá Tín - cuốn Hàn Mặc Tử anh tôi.

Sách kể lại những mối tình và cuộc đời của Hàn Mặc Tử. Sách cũng còn là một tư liệu đề cập đến những di cảo của nhà thơ và có những nhận xét về những sự việc liên quan đến nhà thơ Quách Tấn và các thân hữu.

Những điều ông Nguyễn Bá Tín đã viết là những điều mà phần đông chúng ta chưa biết và không rõ hư thực thế nào? ông Nguyễn có ý kiến của ông, mà ông Quách cũng có ý kiến của ông.

Để độc giả có thể nhận xét một cách vô tư, BKVH đăng tải bài viết

sau đây của ông Quách Giao (con trai nhà thơ Quách Tấn) nói về tình bạn giữa cha mình và Hàn Mặc Tử, về sự ủy quyền của gia đình nhà thơ quá cố về những di cảo còn giữ được.

Đây là tiếng chuông thứ nhất, BKVH và độc giả mong nghe thêm tiếng chuông thứ hai.

BKVH

Sau khi quyển *Hàn Mặc Tử anh tôi* (1) ra đời, có nhiều bạn bè xa gần đến thăm hỏi ba tôi (Quách Tấn) về Hàn Mặc Tử. Ba tôi nay tuổi đã 83, lại bị mù đôi mắt, nhưng để đáp lại tấm thịnh tình của các bạn đến thăm nên đã trả lời những gì các bạn đó muốn biết.

Chắc sẽ còn nhiều bạn chiếu cố, vì để khỏi ảnh hưởng đến tuổi già của ba tôi, nên tôi xin ghi lại những lời ba tôi đã trò chuyện cùng các bạn tới trước, hầu thỏa mãn các bạn sẽ tới sau.

Ba tôi tâm sự:

Tôi có ba người bạn thiết cốt đã qua đời, là Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên. Về Bích Khê tôi đã viết tập truyện ký "Đời Bích Khê" xuất bản năm 1971. Còn về Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên, tôi mới viết hai tập hồi ký "Đôi nét về Hàn Mặc Tử" và "Đôi nét về Chế Lan Viên". "Đôi nét về Chế Lan Viên" còn nằm trong bản thảo. Đôi nét về Hàn Mặc Tử *tuy chưa xuất bản thành sách, nhưng đã được phổ biến sâu rộng. Tháng 11 năm 1959 trong buổi diễn thuyết do Bộ Quốc Gia Giáo Dục tổ chức tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn, tôi đã dùng tập hồi ký này làm bài diễn văn, đọc ngót ba tiếng đồng hồ. Sau đó các báo chí như* Phổ Thông, Văn Hóa Nguyệt San *ở Sài Gòn và tạp chí* Lành Mạnh, Rạng Đông *ở Huế đăng tải trọn tập hồi ký. Tháng 1 năm 1967, tạp chí* Văn *số đặc biệt Tưởng niệm Hàn Mặc Tử cũng đã đăng trọn bài hồi ký này. Tuy là hồi ký nhưng những nét lớn về thân thế, tâm sự, sự nghiệp văn chương của Hàn Mặc Tử đều được nêu rõ. Muốn biết đầy đủ về cuộc đời Hàn Mặc Tử thì các bạn chịu khó tìm đọc các tạp chí ấy.*

Tôi chỉ xin nhấn mạnh cùng các bạn đôi điểm không có trong tập hồi ký:

Những gì tôi đã làm được cho Hàn Mặc Tử, từ lúc Tử mạnh cho đến lúc Tử đau, từ lúc Tử đau cho đến lúc Tử mất, và sau khi Tử mất, là làm vì bổn phận của một người bạn, chớ không phải vì lợi, vì danh. Xét sổ bình sinh, tôi không thấy có điều gì hổ thẹn với lương tâm. Như thế là

tôi mừng. Còn khen hay chê là quyền của người đời, tôi không dám can thiệp vào.

Tình nghĩa giữa Hàn Mặc Tử và tôi chẳng phải chỉ thu hẹp trong phạm vi cá nhân mà còn lan rộng và ăn sâu vào phạm vi gia đình.

Tôi coi bà cụ thân sinh của Tử như mẹ. Bà cụ coi tôi như Hàn Mặc Tử, luôn luôn gọi tôi bằng con, và khi nói về Tử luôn luôn bà dùng tiếng em con, *một tiếng của vị từ mẫu, xúc động mạnh vào tâm hồn tôi, ăn sâu và ghi mãi vào tâm khảm tôi. Mỗi lần tôi nhớ đến bà thân tôi, là tôi nhớ đến bà cụ, mỗi lần tôi nhớ đến Hàn Mặc Tử, là hai tiếng* em con *vang vọng trong tâm hồn tôi.*

Đối với hai bà chị của Tử, là chị Như Nghĩa, Như Lễ, tôi gọi hai chị bằng chị, vì tuổi xít xoát với tôi, nên hai chị không gọi tôi bằng cậu như gọi Hàn Mặc Tử, mà gọi tôi bằng anh.

Tình gia đình trong 60 năm nay không có điều chi xích mích. Nay chú Nguyễn Bá Tín viết sách nói xấu tôi, như vậy là em nói xấu anh. Tục ngữ Việt Nam có câu "Tốt lá, tốt nem; Tốt chị, tốt em" và phương ngôn Bình Định có câu "Xấu Phù Li, tốt chi Tuy Viễn". Hai câu đó ý nghĩa đã quá đầy đủ, nên không cần biện bạch thị phi.

Tuy nhiên, khi đọc kỹ tập *Hàn Mặc Tử anh tôi*, tôi nhận thấy ông Nguyễn Bá Tín viết ra tập này không phải vì Hàn Mặc Tử mà chính vì ai kia? Ông muốn dựa vào thanh danh của Hàn Mặc Tử đang lẫy lừng trong và ngoài nước, để xây dựng danh riêng. Để khoe khoang công của ông đối với Hàn Mặc Tử, ông phải đạp đổ tất cả những gì mà người khác hoặc có liên hệ đến Hàn Mặc Tử mà lâu nay, sách vở, báo chí thường đề cập đến.

Những điều ông nói trong sách, ba tôi nói rõ trước đây 30 năm trong tập hồi ký *Đôi nét Hàn Mặc Tử* đã in một phần trong tạp chí *Văn* số 73, 74 (tháng 1-1967) Sài Gòn. Nay xin tóm lược vài đoạn chính mà ông Tín đã đề cập.

- Việc gia đình ông "khoán trắng" sự nghiệp Hàn Mặc Tử cho ba tôi.
- Việc mất bản thảo các tập thơ Hàn Mặc Tử.
- Việc cải táng và xây mộ Hàn Mặc Tử.

1- Về việc "khoán trắng" sự nghiệp Hàn Mặc Tử:

Trong hồi ký, ba tôi đã ghi:

Đến tháng 9, sau khi nhà chức trách tìm thấy quả thực trong máu Tử có sâu, Tử phải vào nằm hẳn ở bệnh viện Qui Nhơn (...).

Rồi một hôm tôi nhận được thư Tử cho biết sắp vào Léproserie Qui Hòa, và bảo tôi phải ra Qui Nhơn gặp Tử gấp...

Được thư Tử ngày thứ bảy, tôi liền đi tàu đêm ra Qui Nhơn (...).

Tử nhìn tôi, tôi nhìn Tử, không nói năng. Hồi lâu Tử nói với một giọng buồn buồn:

"Tôi có lời nguyện rằng vào Qui Nhơn, nếu Chúa ban phước cho tôi lành mạnh, tôi sẽ đốt tập Thơ Điên. *Nhưng nghĩ lại thơ đã làm lỡ ra rồi, dù có đốt đi cũng không xóa được tội lỗi, nên tôi không còn giữ ý định đó nữa. Tuy vậy cũng không nên để cho người đời thấy được những bí ẩn của lòng mình. Tôi sợ gia đình tôi không theo được ý muốn của tôi, nên tôi nhờ anh thâu hết các bản thảo của tôi đem vào Nha Trang cất giùm. Tôi vào Qui Hòa, nhờ ơn Chúa tôi mạnh được thì chẳng nói chi, bằng tôi có chết đi, thì tôi giao cho anh toàn quyền sử dụng. Bài nào nên cho hành thế, bài nào không, anh đã biết rõ. Tôi nhắn anh ra cốt có bấy nhiêu thôi".*

Tôi xin nhận lời, Tử tiếp:

- Anh đứng đây lâu không nên. Anh hãy đến thăm má tôi và an ủi bà cụ. Những bản thảo của tôi, tôi đã bảo chú Hiếu gói lại sẵn sàng. Khi anh về Nha Trang nên mang theo nhé. Thôi, anh đi đi.

Tôi không nỡ dứt ra đi. Nhưng Tử cúi đầu chào rồi lẳng lặng đi vào phòng, đóng kín cửa lại. Tôi ngậm ngùi ra về, đi thẳng đến đường Khải Định thăm bà cụ (...).

Chiều hôm ấy tôi mang các bản thảo của Tử vào Nha Trang.

Mấy hôm sau, ngày 20-9-1940, Tử một mình lên xe Y tế vào Qui Hòa!

Bầu trời quang đãng nhưng gió bấc thổi lạnh lùng (từ trang 133 đến trang 135 - Tạp chí Văn).

Vào Qui Hòa không đầy hai tháng thì thi sĩ Hàn Mặc Tử mất, vào trưa ngày 11 tháng 11 năm 1940. Lễ Phục Sinh năm sau, ba tôi từ Nha Trang ra viếng mộ Hàn Mặc Tử và được gia đình thi sĩ làm giấy giao bản quyền, ngoài chữ ký của bà cụ mẹ thi sĩ, hai bà chị, hai em trai (ông Hiếu ký thay cho ông Tín), còn có chữ ký của Chế Lan Viên, Hoàng Diệp, Lê Đình Ngân đứng làm nhân chứng (hiện giấy này chúng tôi vẫn còn lưu giữ).

Trong hồi ký *Hàn Mặc Tử anh tôi*, ông Tín có nói "Từ việc xem nhẹ bút tích của anh Trí mà gia đình đã khoán trắng cho ông Quách Tấn", ông Tín nói lời ấy làm tổn thương thế giá người trong gia đình ông không ít. Chẳng lẽ ngoài bà cụ hiền mẫu tuổi cao và ông Nguyễn

Bá Hiếu còn trẻ, thì hai bà chị thứ ba và thứ tư thuộc hàng nữ lưu trí thức và ông anh rể là Bửu Dõng làm việc ở bệnh viện Qui Nhơn, lại không biết cân nhắc lợi hại, phải chăng hay sao? Thêm nữa Hàn Mặc Tử có nhiều bạn thân như ở xa thì có Chế Lan Viên, Hoàng Diệp, Nguyễn Đình Ngân, Bửu Đáo, tại sao gia đình ông Tín lại không "khoán trắng" sự nghiệp Hàn Mặc Tử cho các thân hữu ấy mà lại "khoán trắng" cho ba tôi. Thật sự là việc làm giấy giao nhận, là có sự cân nhắc kỹ càng trong gia đình và các thân hữu. Đồng thời cũng là hình thức hợp pháp hóa ý muốn và lời dặn dò của Hàn Mặc Tử về sự ủy thác tác phẩm thơ văn trước lúc chia tay với người thân trong gia đình và bằng hữu.

2- Về việc mất di cảo của Hàn Mặc Tử:

Sau khi ba tôi nhận trách nhiệm bảo quản di sản của Hàn Mặc Tử và sau khi đã nhờ viện Pasteur Nha Trang sát trùng tất cả những thơ, thư trong di cảo, thì ba tôi cùng Chế Lan Viên sắp xếp lại cho có thứ tự. Rồi tự tay ông đánh máy các tác phẩm của Hàn Mặc Tử, mỗi tác phẩm đánh làm sáu bản. Hai bản gởi ra Bộ Giáo Dục ở Huế để đăng ký và nạp bản theo thể lệ đương thời, một bản gởi cho gia đình Hàn (bà Nguyễn Thị Như Lễ nhận), một bản cho Hoàng Trọng Miên, một bản cho thi sĩ Bích Khê giữ lại trong tủ sách gia đình. Bộ Giáo Dục có làm biên nhận (đính kèm bản sao).

Sau đó hai chú Chế Lan Viên, Yến Lan và ba tôi lựa chọn thơ Hàn Mặc Tử, họa sĩ Phạm Tú vẽ bìa, chú Hoàng Trọng Miên lo tài chánh. Đầu năm 1944 thì tập *Thơ Hàn Mặc Tử* ra đời.

Giữa năm 1944, để tránh nạn máy bay Nhật Mỹ đánh nhau, ba tôi đưa gia đình về Bình Định. Rồi Nhật đảo chính Pháp, Cách mạng tháng Tám, nên gia đình chúng tôi ở lại Bình Định trong mười năm kháng chiến chống Pháp. Ngôi nhà ở Nha Trang cùng với tài sản vật chất không có người trông coi nên bị mất sạch. Năm 1954, gia đình tôi về lại Nha Trang thì đồ đạc sách vở và mọi thứ khác đều mất sạch (trong đó có thơ Hàn Mặc Tử).

Năm 1957 ba tôi đổi ra làm việc ở Sở Du Lịch Huế, ông có đến Bộ Giáo Dục (hồi đó là Nha Học Chánh) để hỏi về các tác phẩm của Hàn Mặc Tử đã được đăng ký trước đây, thì được biết là tất cả sách vở trong thư viện và bảo tàng viện của chế độ cũ đều bị phá hủy một lần với một số các cung điện triều Nguyễn.

Như vậy, trong thời chiến tranh, ngay sách vở được ký gởi nơi thư viện của một cơ sở quốc gia mà không còn giữ được, huống hồ gì là

sách vở do một cá nhân bảo quản. Tuy nhiên, trong hồi ký *Đôi nét về Hàn Mặc Tử* cũng như trong các lần nói chuyện về Hàn Mặc Tử, ba tôi vẫn nhận tội riêng về mình.

Đã biết vậy, song không thể dựa vào hoàn cảnh để trút trách nhiệm của mình. Sản nghiệp tinh thần bị hủy hoại thật là to tát. Nhưng đối với di tích của Tản Đà, Bích Khê tôi chỉ thương tiếc mà thôi. Còn đối với di cảo của Hàn Mặc Tử, tôi có bổn phận phải giữ gìn mà không gìn giữ được, lòng tôi bứt rứt không yên! Đối với bạn, đối với nền văn học nước nhà tội tôi không phải nhỏ (trang 152, tạp chí *Văn*, số đã dẫn).

Trước đây 30 năm, ba tôi đã công khai nhìn nhận tội lỗi của mình thì ông Tín (người thính giả ngồi nơi hàng ghế danh dự tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn) vẫn còn giữ "lòng vẫn xốn xang, trăn trở trên niềm uất hận từ bao nhiêu năm rồi". Ông Tín nên thù hận chiến tranh thì hơn.

Ngoài ra khi ông viết câu: "Anh Tấn còn nói là thơ anh Trí không phải bài nào cũng hay cả đâu, mà cần phải sửa lại mới in được" (Hàn Mặc Tử anh tôi - sđd) là hoàn toàn bịa đặt, vì khi gặp mặt lần đầu, ba tôi chỉ ngồi nghe bà Mai Đình thổ lộ tâm sự mà thôi. Hơn nữa trong tình bạn bè và thơ văn, ba tôi rất trọng Lễ. Sửa thơ bạn là điều bất kính đối với bạn. Đem điều bất kính đó nói với người quý trọng bạn mình thì thật là bất cận nhân tình. Đó là những điều ba tôi thường răn dạy chúng tôi phải tránh xa.

3- Về việc dời mộ Hàn Mặc Tử:

Trong chương này ông Tín đã bóp méo sự thật để gây ấn tượng nơi độc giả là ba tôi đã gây trở ngại, ngăn cản việc bốc mộ Hàn Mặc Tử.

Sự thực việc này ba tôi có ghi rõ trong hồi ký (Tạp chí *Văn*, đã dẫn) như sau:

Tôi, (Quách Tấn) bàn cùng gia đình Tử lo việc cải táng.

Và việc cải táng đã thực hiện ngày 6 tháng giêng năm Kỷ Hợi, tức ngày 13 tháng 1 năm 1959... Nhớ lời ao ước của Tử năm xưa, tôi bàn cùng người em trai của Tử là ông Nguyễn Bá Tín đem Tử về Đèo Son. Nhưng lúc bấy giờ Đèo Son nằm trong khu quân sự, nên chúng tôi phải tìm đất ở Gành Ráng.

Gành Ráng là một thắng cảnh của Qui Nhơn. Đất đó không dễ xin. May ông tỉnh trưởng đương thời, một người biết quý trọng khách làng văn, lại thêm ông Tín là người có thế lực, nên việc xin đất không gặp khó khăn.

...

chúng tôi đưa viên cảnh sát đi. Đến cửa dinh tỉnh trưởng, ông Tín hỏi người lính gác:

- Có ông Tỉnh ở nhà chăng?

Người lính biết ông Tín, lễ phép chào và đáp:

- Ông Tỉnh vừa đi ra chừng năm phút.

Không hiểu nghĩ sao, viên cảnh sát lại bảo:

- Thôi không cần gặp ông Tỉnh nữa. Chẳng lẽ quý ông lại nói dối chúng tôi là vai con em. Trở về lo việc chôn cất kẻo tối. (Đôi nét về Hàn Mặc Tử) tạp chí *Văn* đã dẫn, trang 154-158).

Như vậy ông Tín đã cố tình bóp méo sự thật, dùng "thủ đoạn viết lách để xuyên tạc sự thật với đầy ác ý. Ba tôi đâu có hiềm thù gì với Hàn Mặc Tử, hay với gia đình thi sĩ mà phải đi "mời công an" đến để làm khó dễ việc cải táng mộ Hàn Mặc Tử.

Về tiền cải táng và xây mộ là hoàn toàn do ông Tín đài thọ, nhưng ông Tín lại viết: "Về sau, khi xây xong mộ, tôi trở về Nha Trang một ít lâu, được tin anh Tấn có mang đến giao cho chị Lễ hai chục ngàn đồng nói là để góp phần xây mộ..." (Sđd trang 169).

Sự thật về hai chục ngàn đồng ba tôi có ghi trong hồi ký: *"Nguyên năm 1944, Trọng Miên có chọn một số thơ của Tử cho xuất bản thành sách nhan đề là* Thơ Hàn Mặc Tử. *Tôi cho nhà xuất bản Tân Việt ở Sài Gòn tái bản, lấy được hai chục ngàn đồng về quyền tác giả. Tôi giao số tiền trên cho ông Nguyễn Bá Tín, người đại diện gia đình Tử, để bù vào số tiền chi tiêu trong việc cải táng và xây lăng mộ"* (tạp chí *Văn*, trang 159). Để xác minh, tôi xin đăng phóng ảnh biên nhận số tiền do ông Tín ký nhận.

Ở trang 173, Sđd ông Tín viết:

"Chỉ mấy tháng sau đó, khi mộ hoàn thành, một ông Trương Văn Ngọc nào đó viết trên tạp chí Văn: *Mộ Hàn Mặc Tử không có hài cốt.*

Tôi nghĩ anh Quách Tấn thường viết trên tạp chí đó, chắc cũng có trách nhiệm cải chính giùm rồi, vì anh đã đi bốc mộ".

Sao trí nhớ của ông Tín kém đến thế.

Việc này có thật, song không phải là mấy tháng sau khi xây mộ mà đến *mười hai năm sau*, trên tạp chí *Văn* số 179, ngày 1-6- 1971, ông Trương Văn Ngọc nhân một chuyến viếng thăm mộ Hàn Mặc Tử có nghe một người địa phương bảo rằng vì ông quen với Cha Biên (Linh mục trông coi trại cùi lúc đó) nên biết là cha Biên đã chỉ cho một ngôi mộ trong vô số những ngôi mộ vô danh. Như vậy chắc người

nằm kia không phải là Hàn Mặc Tử? Ông Tín đã đọc bài này, lẽ ra ông là người có đầy đủ thẩm quyền cải chính (vì chính ông bảo chỉ có ông và Nguyễn Tú chứng kiến việc bốc mộ) sao ông lại "khoán trắng" cho ba tôi. Tuy nhiên, ba tôi sau khi nhận được thư của ông Trần Phong Giao, (thư ký tòa soạn Văn) xin trả lời việc này, ba tôi đã viết thư phúc đáp rất cặn kẽ (hiện thư này chúng tôi vẫn còn lưu giữ).

Về việc đập phá mộ thi sĩ Hàn Mặc Tử năm 1963 có tính cách chính trị, tôn giáo như ông Tín đã viết, thì chính ông là người hiểu rõ hơn hết khi ông ngẫm lại sự việc chính trị của ông tại Bình Định. "Giận cá chém thớt", câu tục ngữ mà ông thường dùng trong tập hồi ký *Hàn Mặc Tử anh tôi* có ý nghĩa đậm đà.

Một điểm cần nói thêm, tập hồi ký của ông Tín còn rất nhiều sai lạc (về sự kiện và thời gian) nhưng trong phạm vi bài này, tôi xin đề cập đến những gì liên quan đến ba tôi và những xuyên tạc mang nhiều ác ý.

Nha Trang, tiết Thanh minh năm Tân Mùi

Quách Giao

---

(1) Nguyễn Bá Tín, Hàn Mặc Tử, Anh tôi, NXB Văn Nghệ Hồ Chí Minh 1991

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI HAI

DẰN VẶT

26. Con cháu về đông, căn nhà nhỏ của ba mẹ cô sẽ quá chật chội khi ba cô xuất viện, nếu bác Lan đã không nhanh nhẩu đứng ra xắp đặt. Bác mời vợ chồng Hải và vợ chồng Tâm về nhà bác, "Bác độc thân, nhà rộng thênh thang, lại gần nhà ba mẹ... Các cháu tới lui đâu có khó khăn gì..."

Mới đầu mẹ cô phản đối. Tất cả phải ở nhà, mấy khi mà đại gia đình được xum họp thế này, ở chật một chút đã làm sao. Bác phải khuyên mãi bà mới chịu nhượng bộ. Nhưng bà vẫn thay đổi một chút chương trình của bác. Con cháu được phép sang bên bác ở tạm, bữa điểm tâm thì Tâm và Marie vợ Hải lo, nhưng cơm chiều thì nhất định phải về nhà ăn.

Bệnh tình ông Thuần dần dần ngày một khá hơn. Ông ăn uống đã thấy ngon, và sinh hoạt gần như bình thường. Theo lời khuyên của bác sĩ, ông bắt đầu tập thể dục, mỗi ngày đạp xe đạp khoảng năm mười phút để tăng cường tim mạch. Sống giữa con cháu, ông trông còn nhiều sinh khí hơn là hồi chưa đau.

*

Buổi tối hôm nay, như mọi buổi tối từ khi xuất viện, ông Thuần lại sung sướng hưởng thụ cảnh gia đình đoàn tụ. Cơm nước xong, mọi người nấn ná ở lại chuyện trò. Bác Lan cũng có mặt. Bác vui vẻ trao đổi với Hải về đời sống bên Pháp nơi bác đã có dịp thăm viếng khi còn trẻ. Thằng Raymond ngồi lòng mẹ cô, bi bô nói chuyện với bà bằng tiếng Pháp pha lẫn Việt. Bên cô, Marie ngồi ngắm mấy món thời trang Tâm vừa đi sắm buổi chiều với chị Quỳ. Cô biết Tâm thường gặp chị, hay đi ăn trưa hay sắm đồ với chị. Cô cũng mừng là nó tâm đắc với chị, việc bình thường hóa liên hệ của chị với gia đình cô như vậy sẽ dễ dàng hơn.

Đời sống êm ả, nhưng cô chợt thấy cái êm ả sao quá mong manh. Cô biết cái vui của ba mẹ cô không có tương lai. Cô nghĩ đến cảnh nhà vắng vẻ khi các em cô đã rời Hoa Thịnh Đốn. Mà ngày ấy cũng không xa, chúng nghỉ phép đã gần ba tuần rồi. Cô liên tưởng đến cái

nằm kia không phải là Hàn Mặc Tử? Ông Tín đã đọc bài này, lẽ ra ông là người có đầy đủ thẩm quyền cải chính (vì chính ông bảo chỉ có ông và Nguyễn Tú chứng kiến việc bốc mộ) sao ông lại "khoán trắng" cho ba tôi. Tuy nhiên, ba tôi sau khi nhận được thư của ông Trần Phong Giao, (thư ký tòa soạn Văn) xin trả lời việc này, ba tôi đã viết thư phúc đáp rất cặn kẽ (hiện thư này chúng tôi vẫn còn lưu giữ).

Về việc đập phá mộ thi sĩ Hàn Mặc Tử năm 1963 có tính cách chính trị, tôn giáo như ông Tín đã viết, thì chính ông là người hiểu rõ hơn hết khi ông ngẫm lại sự việc chính trị của ông tại Bình Định. "Giận cá chém thớt", câu tục ngữ mà ông thường dùng trong tập hồi ký *Hàn Mặc Tử anh tôi* có ý nghĩa đậm đà.

Một điểm cần nói thêm, tập hồi ký của ông Tín còn rất nhiều sai lạc (về sự kiện và thời gian) nhưng trong phạm vi bài này, tôi xin đề cập đến những gì liên quan đến ba tôi và những xuyên tạc mang nhiều ác ý.

Nha Trang, tiết Thanh minh năm Tân Mùi

Quách Giao

---

(1) Nguyễn Bá Tín, Hàn Mặc Tử, Anh tôi, NXB Văn Nghệ Hồ Chí Minh 1991

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI HAI

DẰN VẶT

26. Con cháu về đông, căn nhà nhỏ của ba mẹ cô sẽ quá chật chội khi ba cô xuất viện, nếu bác Lan đã không nhanh nhẩu đứng ra xắp đặt. Bác mời vợ chồng Hải và vợ chồng Tâm về nhà bác, "Bác độc thân, nhà rộng thênh thang, lại gần nhà ba mẹ... Các cháu tới lui đâu có khó khăn gì..."

Mới đầu mẹ cô phản đối. Tất cả phải ở nhà, mấy khi mà đại gia đình được xum họp thế này, ở chật một chút đã làm sao. Bác phải khuyên mãi bà mới chịu nhượng bộ. Nhưng bà vẫn thay đổi một chút chương trình của bác. Con cháu được phép sang bên bác ở tạm, bữa điểm tâm thì Tâm và Marie vợ Hải lo, nhưng cơm chiều thì nhất định phải về nhà ăn.

Bệnh tình ông Thuần dần dần ngày một khá hơn. Ông ăn uống đã thấy ngon, và sinh hoạt gần như bình thường. Theo lời khuyên của bác sĩ, ông bắt đầu tập thể dục, mỗi ngày đạp xe đạp khoảng năm mười phút để tăng cường tim mạch. Sống giữa con cháu, ông trông còn nhiều sinh khí hơn là hồi chưa đau.

*

Buổi tối hôm nay, như mọi buổi tối từ khi xuất viện, ông Thuần lại sung sướng hưởng thụ cảnh gia đình đoàn tụ. Cơm nước xong, mọi người nấn ná ở lại chuyện trò. Bác Lan cũng có mặt. Bác vui vẻ trao đổi với Hải về đời sống bên Pháp nơi bác đã có dịp thăm viếng khi còn trẻ. Thằng Raymond ngồi lòng mẹ cô, bi bô nói chuyện với bà bằng tiếng Pháp pha lẫn Việt. Bên cô, Marie ngồi ngắm mấy món thời trang Tâm vừa đi sắm buổi chiều với chị Quỳ. Cô biết Tâm thường gặp chị, hay đi ăn trưa hay sắm đồ với chị. Cô cũng mừng là nó tâm đắc với chị, việc bình thường hóa liên hệ của chị với gia đình cô như vậy sẽ dễ dàng hơn.

Đời sống êm ả, nhưng cô chợt thấy cái êm ả sao quá mong manh. Cô biết cái vui của ba mẹ cô không có tương lai. Cô nghĩ đến cảnh nhà vắng vẻ khi các em cô đã rời Hoa Thịnh Đốn. Mà ngày ấy cũng không xa, chúng nghỉ phép đã gần ba tuần rồi. Cô liên tưởng đến cái

vô thường của hạnh phúc cô đã có dịp suy ngẫm hồi còn ở thiền viện. Bao giờ cũng vậy, hễ êm ả quá là chuyện bất lành lại như rình rập đâu đây. Cái vui hiện tại chắc cũng sắp tan biến thôi. Rồi cô tự trách mình bi quan, để cái lo nghĩ không đâu ám ảnh như điềm gở. Mải suy nghĩ, cô giật mình khi ba cô nói:

"Trong cái rủi lại có cái may... Ba không đau, chắc còn lâu gia đình bè bạn mới có dịp đoàn tụ thế này."

Tâm ngẩng lên góp chuyện:

"Ba nói đúng, tối hôm nay nhà mình chỉ thiếu chị Quỳ. Lúc chiều đi sắm đồ về, con giữ chị ở lại ăn cơm mà chị phải về nghỉ sớm vì sáng mai ở sở có phiên họp."

Mẹ cô cau mày. Tâm nói tiếp:

"Hoàng ạ, chị Quỳ thật là có mắt. Chiếc áo này em thấy mà không để ý, chị ấy phải chỉ tận tay em mới nhận ra là vừa đẹp vừa nhã. Em thật thích chị ấy. Vậy mà ngày xưa khi chị ấy vẫn đến nhà làm việc với ba, em không bao giờ nghĩ đến chuyện làm quen."

"Hồi ấy Tâm còn khóc nhè, ai thèm chơi với."

Cô vội trêu em để đánh trống lảng sang chuyện khác. Nhưng cô vội mà vẫn không kịp, mẹ cô trở lại đề tài cũ:

"Nhà này ai cũng thích chị Quỳ, chuyện gì cũng có chị Quỳ cũng dự phần vào."

Nội dung chung chung, nhưng giọng bà mỉa mai nghiệt ngã. Trừ Tâm và Marie vẫn bận rộn ngắm mấy món quần áo mới, mọi người như nhột nhạt lúng túng. Câu chuyện giữa bác Lan với Hải cũng dừng lại giữa chừng. Sau hai tuần êm ấm, không khí gia đình cô lại lạnh lẽo căng thẳng trở lại. Những gì cô lo sợ đang xảy ra. May mắn thay, thư giãn trở lại với mẹ cô khi bé Raymond bi bô nói:

"Tóc Bà thẳng chứ không quăn như tóc của Măng em."

Bà mỉm cười cúi xuống hôn bé, để mặc bé nghịch món tóc mai. Bác Lan bắt lấy cơ hội:

"Raymond theo bà suốt ngày. Ruột thịt có khác, gặp lần đầu mà đã quấn lấy bà."

Cô mừng rỡ thấy không khí hồn nhiên đã trở lại. Nhưng cô mừng hụt, bây giờ đến lượt Marie tạo nên vấn đề. Nghe nhắc đến con trai, Marie nghiêm nét mặt. Cô biết thằng bé từ khi đến Mỹ đã trở nên nhân vật quan trọng nhất nhà, giờ ăn giấc ngủ hoàn toàn tự do, lại có triệu chứng cứng đầu với bố mẹ. Việc bà nội quá nuông chiều thằng

cháu đích tôn đã trở thành một mối bất đồng ngấm ngầm giữa mẹ chồng con dâu.

Marie nói với bố chồng:

"Ba khỏe rồi, chúng con mừng lắm. Ba nói đúng, trong cái rủi lại có cái may. Con rất sung sướng lần này được gặp mặt cả nhà. Nhưng chúng con cũng phải trở về Pháp thôi..."

Hải thông ngôn lời vợ cho mẹ. Rồi nó phân trần:

"Marie không nghỉ phép lâu được, công việc bên Pháp bây giờ khó khăn, vắng mặt nhiều quá cũng bất tiện... Như đã thưa với ba mẹ, chúng con phải lấy chuyến bay sáng mai sớm."

Bà buột miệng:

"Hay là để Marie về trước vậy. Hải và Raymond ở chơi thêm ít bữa nữa. Mấy hôm ba đau, mẹ cứ bận tíu tít không nấu những món thích khẩu cho Hải ăn. Anh chỉ mới được ăn hủ tiếu Nam Vang thôi... Còn bao nhiêu món nữa. Mắm và rau này, đầu cá hấp này... Bên ấy ai nấu những thứ ấy cho mà ăn."

Marie cũng hiểu lõm bõm tiếng Việt, và qua nét mặt em dâu, cô nghi nó biết mẹ chồng nói gì. Hải trả lời mẹ, chậm rãi như chủ tâm cho vợ hiểu:

"Con cũng phải về làm việc mẹ ạ. Vả lại đời sống bên Pháp cũng phức tạp lắm, con phải về giúp vợ con thôi..."

Thấy bà tiu nghỉu, Hải an ủi mẹ:

"Mấy món ăn mẹ kể, con thèm quá. Bên Pháp có tiệm Việt Nam, nhưng họ nấu tất nhiên phải thua mẹ rồi. Nhất định chuyến sau sang chơi chúng con sẽ đòi mẹ nấu cho ăn những món đó."

Ôm lấy thằng Raymond, bà vớt vát:

"Để thằng này lại mẹ nuôi cho. Cho nó học trường Mỹ cũng tốt chán..."

Hải ôm mẹ hôn rồi nói:

"Thôi khuya rồi, chúng con xin phép về bác Lan sửa soạn hành lý. Ngày mai chúng con ra thẳng phi trường. Ba mẹ và các chị khỏi đưa chúng con..."

Ba cô xuề xòa:

"Cuộc vui nào cũng có lúc tàn. Các con sang được chuyến này ba mừng lắm. Thôi mùa hè sang năm các con lại đem cháu sang chơi."

Nói xong ông đứng dậy tiễn vợ chồng Hải ra cửa. Mọi người đứng dậy theo.

*

Tiễn gia đình Hải đi rồi, mọi người trở lại phòng khách. Cô thấy nhà vắng hẳn đi. Cô bắt chuyện với mẹ:

"Bằng giờ ngày kia, chúng nó sẽ tới Paris."

Ba cô bàn góp:

"Thời buổi văn minh, giao thông thật tiện lợi. Hồi ba du học, đi tầu thủy cả mấy tuần mới tới nơi. Cũng mừng cho chúng nó, cả hai đều có công việc. Nghe nói bên ấy bây giờ thất nghiệp nhiều lắm."

Bà vẫn đeo đuổi ý nghĩ cũ:

"Nếu mẹ nó chịu khó chở đi học tiếng Việt thì chả mấy chốc thằng bé nói sõi. Người ta bảo bên ấy có trại hè cho trẻ em Việt Nam để học ngôn ngữ phong tục mình, lớn lên khỏi nhố nhăng. Nhưng mẹ nó đầm như vậy thì cũng khó quá..."

Bác Lan vớt vát:

"Chị yên chí. Marie xem ra tính khí nhẹ nhàng, lại có văn hóa lắm. Coi bộ nuôi con kỹ lưỡng. Thằng Raymond thật là dễ thương..."

Bà ngắt lời bác:

"Nhưng mà hôn nhân khác chủng tộc bao giờ cũng có những cái lạc chạc. Chị ấy dễ thương nhưng làm sao ấy, tôi vẫn chưa quen với dâu đầm... Vả lại rể là con, dâu là khách. Anh chị Hoài chắc còn ở chơi với ba mẹ thêm ít ngày."

Hoài lúng túng nhìn vợ rồi cúi xuống đất. Cô biết ngày mai vợ chồng Tâm cũng về lại Cali. Lúc giúp cô làm cơm tối trong bếp, Tâm đã nhắc lại với cô hôm nay là ngày chót của cuộc thăm viếng. Tâm trả lời mẹ thay chồng:

"Mai chúng con cũng xin phép ba mẹ về lại Cali chuyến bay ba giờ chiều. Chắc mẹ không nhớ, nhưng con đã thưa với mẹ từ hôm mới tới..."

Bà hốt hoảng:

"Các con cũng về sao? Ai cũng đòi về hết thế này... Đời bây giờ, không ốm đau thập tử nhất sinh thì chắc không bao giờ thấy mặt con cái."

Ông nói:

"Bà nặng lời làm gì cho chúng nó buồn..."

Rồi quay sang Hoài, ông xuề xòa:

"Thôi, anh chị về sửa soạn, mai còn lên đường. Cũng khuya rồi, ba cũng cần đi nghỉ thôi. Mai chắc ba không dậy sớm tiễn các con được, vậy chúc các con đi mạnh giỏi. Bao giờ thật khỏe, ba mẹ sẽ đi Cali thăm vợ chồng Tâm và sang Pháp thăm vợ chồng Hải..."

Tâm an ủi mẹ:

"Lễ Giáng Sinh này con sẽ thu xếp sang chơi một tháng..."

Bà vẫn chưa nguôi:

"Nghĩ cho cùng, nước mắt chảy xuôi. Mươi mười lăm năm nữa, các anh các chị sẽ hiểu tôi nói gì..."

Quay sang chồng, bà nói tiếp:

"Ông cũng đi nghỉ cho mau lại sức. Nhà này bây giờ chỉ còn hai ông bà già lo cho nhau..."

Mẹ cô đã quên bác Lan. Cô ái ngại nhìn bác, nhưng cô yên chí khi thấy bác đang cười thông cảm với ba cô. Tâm cũng ái ngại nhìn chị. Nó bảo chồng theo xe bác Lan về trước, để nó ở lại giúp cô rửa bát.

*

27. Vừa thu dọn bếp núc với em, cô miên mang suy nghĩ. Thế là hết, mẹ cô đã hoàn toàn thành công phá hoại bầu không khí gia đình đầm ấm tối nay. Bà không biết hưởng những cái nắm được trong tay, mà luôn luôn muốn nắm lấy những cái không nắm được. Các em cô đã cất công sang thăm ba cô, đã thu xếp để ở lại gần ba tuần, mặc dầu chuyến đi bất thần. Vậy mà hôm nay chúng nó ra về trong ân hận. Cô thấy oán mẹ cô, oán cái tính chiếm hữu cứng rắn của bà. Kết quả là bà tạo ra khổ sở và bất an cho mọi người, nhất là cho ba cô, vừa đau nặng xong ông không cần cái bất an đó. Cô bỗng lo lắng cho sức khỏe của ông.

Mọi chuyện bỗng trở nên đen tối. Cô chợt phát hiện những điềm không lành đã xảy ra mấy tuần qua. Trước hết là chuyến đi thăm chùa với mẹ cô và bác Lan, ba ngày sau khi ông lâm bệnh. Bà bảo để tạ ơn Trời Phật đã cho ba cô tai qua nạn khỏi. Nhưng khấn Phật xong, bà sang khu nghĩa trang thăm hai lô đất hậu sự. Bà ngắm trời ngắm đất, bàn với bác Lan cảnh trí xung quanh hai lô hậu phần ấy. Bà nhắc lại với bác chỗ nào bà muốn trồng hoa gì, chỗ nào lát gạch, chỗ nào trải đá sỏi. Bà tâm sự với bác là chỉ có thế hệ già của ông bà và bác, hôn nhân, bằng hữu mới có ý nghĩa. Lấy nhau cho tới răng long đầu bạc, bạn bè thủy chung tới già tới chết. Bà lại bảo bác khi nào rời hài cốt bác gái về thì đặt ngay sát bên lô của bà cho có chị có em. "Chúng tôi nằm hai lô giữa, tha hồ trò chuyện với nhau. Hai ông nằm hai lô ngoài, lo việc đối ngoại."

Cô không tin dị đoan, nhưng ba cô đang đau nặng, hậu sự mà bàn như vậy sao nghe như trối trăn, như vận chết chóc vào người. Ý nghĩ trối trăn làm cô liên tưởng đến một điềm gở khác. Một buổi sáng bà

theo vợ chồng Tâm đi chợ, cô ngồi nhà nói chuyện với ông. Trên bàn điểm tâm, ông bỗng dưng nói đến chúc thư ông đã giao cho bác Lan giữ. Ông không đi vào chi tiết, nhưng căn dặn cô là khi ông qua đời, cô phải đọc chúc thư rồi mới làm những quyết định quan trọng.

Lúc ấy cô ừ à cho qua chuyện. Bây giờ nghĩ lại, cô bồn chồn lo lắng. Ông thấy triệu chứng gì mà cả gia đình cũng như bác sĩ không thấy. Còn chị Quỳ nữa. Chuyện tâm sự cất giấu cả bấy nhiêu năm, sao bây giờ bỗng dưng kể hết với cô. Cũng may chưa có gì tội lỗi trong tâm sự ấy, nhưng gói ghém nó, chia sẻ nó với cô, chị như sửa soạn cho một cái gì sắp vĩnh viễn kết thúc.

Cái gì sắp kết thúc đây. Cô rùng mình nghĩ đến sức khỏe của ba cô. Không khí căng thẳng như tối hôm nay nhất định nguy hiểm cho sự phục hồi của ông. Cô muốn trách mẹ. Tất nhiên là nỗi bực mình khi cái vui đoàn tụ sắp hết, cộng thêm với ghen tuông bóng gió đã tạo ra cho bà cung cách bất thường tối nay. Nhưng lẽ ra sau cơn bệnh hiểm nghèo của ông, bà nên tự kiềm chế hơn chút nữa... Mà em cô vô tâm quá. Một phần cũng tại nó đã nhắc đến chị Quỳ.

"Chuyện gì vậy chị?"

Cô giật mình nghe em hỏi. Cô vội chối:

"Không, có chuyện gì đâu."

Tâm hỏi gặng:

"Chị đừng giấu em, chị lo ra chuyện gì vậy?"

Cô thú thực:

"Chị chỉ thương ba thôi. Các em đi rồi, chỉ còn ba phải ở lại chịu đựng mẹ một mình."

Tâm ngưng tay xếp bát vào máy. Nhìn thẳng chị, nó chậm rãi nói:

"Tính mẹ như như vậy từ xưa đến nay, chị bận tâm làm gì. Vả lại chuyện ba mẹ, em nghĩ cứ để mặc ba mẹ giải quyết. Tụi mình có lo cũng vô ích thôi..."

*

Chén bát nồi niêu rửa xong, Tâm rủ chị:

"Để em làm bình trà, chị em mình ngồi nói chuyện cái đã. Em chưa buồn ngủ đâu."

"Chị cũng vậy. Mà từ hôm em sang đây, chị chẳng có dịp nói chuyện riêng với em..."

Hai chị em ngồi xuống chiếc bàn ăn nhỏ kê trong bếp. Tâm đột ngột vào đề:

"Em muốn hỏi chị cái này. Chuyện Bảo và chị đến đâu rồi?"

"Sao em biết?"

"Mẹ gọi điện thoại cho em hay từ lâu. Mẹ dặn em là chị có hỏi thì phải nói vun vào. Gần đây thấy bà mừng lắm, em đoán chị đã siêu lòng. Bao giờ cho em ăn cỗ?"

"Chị từ chối Bảo rồi..."

"Bao giờ?"

"Ít hôm sau khi ba ngã bệnh. Chị dứt khoát cho anh ấy hay là hai người nên trở lại coi nhau như bạn thôi..."

Tâm trêu cô:

"Ba chữ *coi như bạn* của chị thật là tiện... Bao nhiêu vụ từ hôn đã được thông báo bằng ba chữ này..."

Cô làm mặt nghiêm. Tâm vẫn tinh nghịch:

"Nhưng em không hiểu. Hôm Bảo đưa chị đi chơi Shennadoah, mẹ gọi em liền để báo tin mừng. Buổi tối trời mù chị phải ở lại đêm, mẹ lại gọi lần nữa. Mẹ bảo đâu vào đó rồi, gạo nấu thành cơm còn chạy đi đâu... Bảo chưa nấu chị thành cơm sao?"

Cô nhăn mặt. Như biết mình lỡ lời, Tâm bả lả:

"Không lấy chồng là phải. Nhiều phiền toái lắm chị ơi. Lấy phải người xấu tất nhiên là mạt rồi. Nhưng lấy được người tốt, nhiều khi cũng không hợp tính khí, chỉ làm khổ nhau thôi..."

*

Tưởng em chỉ muốn chữa câu bông đùa quá đáng, cô sững sờ khi Tâm nói tiếp:

"Như em với Hoài, từ khi ly thân hai đứa thoải mái lắm..."

"Chuyện gì vậy? Ba má biết chưa? Mà từ bao giờ?"

"Cả mấy năm nay rồi chị ạ. Hồi chị ghé nhà em, chúng em đã ly thân rồi... Hồi ấy căng thẳng lắm, bây giờ thì mọi việc êm ấm hơn... Hoài bằng lòng dọn về tiểu bang Cali, nhưng nhận việc ở tỉnh khác, cuối tuần hay khi nào các con nghỉ học mới về nhà...

"Bề ngoài thì chúng em hòa thuận như cặp vợ chồng già, già trước tuổi, cốt để lo tương lai con cái, để đời sống của chúng không bị tù ố bởi cảnh gia đình tan vỡ... Nhưng tình thì hết rồi, hết hẳn rồi... Không yêu không giận, trơ trơ như vậy, ai sống đường nấy... Nhưng chị đừng cho ba mẹ hay, nhất là lúc này. Hoài quý ba lắm, không muốn ba buồn. Ba đau, anh ấy vội vã theo em về thăm. Phải đóng vai vợ chồng hạnh phúc em khổ quá..."

Cô tự trách mình vô tâm. Vợ chồng Tâm lục đục, lẽ ra khi ở nhà

em, cô đã phải biết. Xúc động khi tái ngộ với Lương đã làm cô trở thành ích kỷ, không còn bén nhậy trong tiếp xúc với người thân. Bây giờ nghĩ lại cô chợt hiểu những câu nói dở chừng của em, những lúc nó chợt vui chợt buồn.

Tâm đổ thêm nước sôi vào ấm trà:

"Mai em đi rồi, tối nay cho thức luôn, khỏi ngủ."

Cô hỏi:

"Có cách gì cứu vãn không?"

"Không chị ạ."

Ngưng một lát, Tâm kể tiếp là giá còn ở Sài Gòn, vợ chồng nó chắc không bao giờ có chuyện. Hoài là người chồng tốt trong hoàn cảnh bình thường, khi anh thành công hơn vợ, đóng vai ông chủ gia đình với cái nghĩa tuyệt đối của nó. Sang Mỹ, mới đầu gia đạo vẫn êm ấm. Hoài đi lao động cho Tâm yên tâm học hành lấy lại bằng dược sĩ. Anh không quản ngại vất vả, miễn là Tâm vẫn là người vợ thụ động năm xưa. Sau tám tiếng mệt nhọc trong xưởng máy, anh sung sướng về nhà uống chai bia lạnh, nhấm đĩa nem cuốn hay món xào Tâm đã dọn sẵn chờ chồng.

Nhưng câu chuyện khác đi hoàn toàn khi Tâm mở tiệm thuốc, đề nghị chồng đi học lại. Hoài không thích nghi nổi với hoàn cảnh mới, với vợ kiếm ra nhiều tiền hơn mình.

Tâm bảo sự việc hoàn toàn giản dị mà Hoài phản ứng quá ư phức tạp. Vợ chồng lo qua lo lại cho nhau là chuyện tất nhiên và sòng phẳng thôi, việc gì mà phải thắc mắc. Hơn nữa, nếu thắc mắc, thì tại sao lại biểu lộ cái thắc mắc của mình bằng cách xét nét vợ con, bắt bẻ từng lời nói từng cử chỉ. Tâm gắng chịu đựng, nhưng dần dà phản ứng lại. Hai vợ chồng gây gổ thường xuyên, xúc phạm nhau bằng lời nói cũng như hành động, lúc đầu thì vô tình về sau nhiều khi cố ý...

Tâm kể Hoài cắm đầu học hành trong thù hận, coi chuyện thành tài như một mục tiêu phải đạt được để trả đũa vợ. Ngạc nhiên là cái động lực đen tối ấy đem tới kết quả cụ thể, và chưa đầy hai năm Hoài đã lấy lại được bằng kỹ sư. Chỉ có điều khi nghề nghiệp anh ổn định thì mọi chuyện đã quá trễ...

Tâm kết luận:

"Chị ạ, lấy cái đầu mà nghĩ, thì cả hai đứa thấy cái nghĩa vợ chồng vẫn còn đấy. Nhưng trái tim thì trống trơn. Có lẽ lấy nhau chỉ vì môn đăng hộ đối, không có tình yêu... Mà cũng có lẽ đã có hồi thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, không phải một lúc mà lại bình thường

như xưa được... Nhưng dù sao đi nữa, dứt khoát như thế này khỏe hơn chị ạ."

Đổ vỡ mà giọng Tâm bình thản quá. Cô nghe mọi chuyện sao như quá trễ, tựa hồ như Tâm đang kể một trận đau đã qua, đã khỏi, một vết thương đã thành sẹo từ lâu. Cô nghĩ đến tương lai, hy vọng em cô sẽ tìm lại được với Hoài sự lưu tâm bình thường vợ chồng dành cho nhau. Nhưng em cô như không nghĩ đến cái tương lai ấy. Cao hứng, Tâm rủ chị:

"Hay vài bữa nữa ba mạnh trở lại, chị dọn sang ở với em. Hôm chị mới tới, em đã định rủ chị... Hai chị em mình lo cho nhau, chồng con làm gì cho thêm mệt..."

"Em vững vàng rồi, chị lo được gì. Còn nữa, bên ấy lạ nước lạ cái, chị làm gì mà sống?"

"Thiếu gì việc chị à. Nếu chị muốn, chị có thể giúp em trông coi nhà thuốc tây..."

"Ở đây chị có việc rồi, cũng ở sở chị Quỳ. Mai mốt đi làm."

Cô không cho em hay lý do thật sự giữ cô lại Hoa Thịnh Đốn. Cô biết có nói nó cũng không hiểu nổi tạo sao cô phải săn sóc ba cô, cũng như sự trống vắng của ông những năm cuối đời bên người vợ không thông cảm. Với Tâm, chuyện ba mẹ để ba mẹ lo, không cần cô hay nó can thiệp vào. Chính nó cũng giải quyết lấy những khó khăn vợ chồng của nó một cách dứt khoát và biết đâu chẳng hiệu nghiệm...

Có tiếng động nhẹ nơi cửa bếp thông sang phòng ăn. Cô ngẩng lên thấy mẹ cô đang đứng nhìn hai chị em. Bà ngồi xuống ghế. Bà nói nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng rành mạch:

"Chuyện làm sao, Tâm phải kể hết cho mẹ nghe."

"Con và anh Hoài đã ly thân."

"Mẹ biết, mẹ đã nghe con nói điều ấy với chị Hoàng. Nhưng tại sao?"

"Chuyện dài lắm mẹ ạ."

"Sao con không cho mẹ hay từ đầu?"

"Chuyện tụi con mỗi ngày một tí, không có gì rõ ràng hay đột ngột. Vả lại mẹ có biết chỉ thêm lo."

Bà lên giọng:

"Mẹ gả con thì mẹ có quyền lo, có quyền tìm cách giúp hai con. Mà chúng con vẫn ở chung, như vậy chưa phải là ly thân, chưa phải là ly dị. Con phải cho mẹ biết hết thì mới cứu được. Còn nước còn tát.

Họ nhà này chưa có ai ly dị. Ông nội con, các dì các chú con, ba mẹ con... Chuyện vợ chồng không phải trò đùa..."

Tâm vẫn bình tĩnh:

"Mẹ ơi, mẹ đừng lớn tiếng. Để ba ngủ. Vấn đề anh Hoài với con trầm trương, nói khi nào cũng được... Ba mới đau dậy, đừng để ba xúc động..."

Hoàng nói theo em:

"Tâm nói đúng đấy mẹ ạ... Chuyện đâu còn đấy."

Bà dịu lại. Nhưng Tâm lại lỡ lời:

"Con đã dặn chị Quỳ săn sóc mẹ, chở mẹ và chị Hoàng đi chơi đây đó. Con thật mừng là nhà mình có người bạn quý hóa như chị."

Mẹ cô nghiêm mặt. Bà dằn từng chữ:

"Mẹ dặn Tâm cái này nhé, con đừng thân với chị Quỳ. Chị ấy không tốt đâu. Mà con đừng nhắc đến chị ấy nữa."

Tâm như muốn phân bua, nhưng bà đã đứng dậy trở về phòng. Hai chị em nhìn nhau. Sau cùng Tâm nói:

"Thôi em cũng về đằng bác Lan đây."

Cô đã định rủ em ngủ lại đêm, nhưng cô thấy không còn hứng thú nữa. Như cô đã linh tính, cái êm ả của hai tuần dưỡng bệnh của ba cô thế là hết thật. Ngày mai đời sống với cha mẹ cô sẽ trở lại như xưa. Cô xót xa nghĩ ba cô đã trả giá hai tuần lễ êm ả ấy bằng trận đau thập tử nhất sinh.

*

Tiễn Tâm xong, cô vào giường trằn trọc. Cô nằm thao thức nhớ lại mọi chuyện. Hôm nay mẹ cô mất mát nhiều quá. Từ thằng Raymond khá khỉnh, cho tới vợ chồng Hoài, cho tới miếng ăn miếng uống của Hải, tất cả đã lọt ra khỏi vòng tay bà. Kể cả hôn nhân không thành của cô với Bảo. Tất cả người thân đã thoát ra khỏi cuộc sống bà hoạch định cho họ. Chỉ trừ ba cô và bác Lan. Nhất là ba cô, bây giờ ông phải gánh tất cả cái tình thương không mệt mỏi đầy chiếm hữu của bà...

Lại còn chuyện ghen tuông với chị Quỳ, người đàn bà đã chiếm được cảm tình không những của chồng bà mà còn của bác Lan cũng như con gái con dâu bà... Người đàn bà ấy tuy từ hôm ông xuất viện chỉ tới nhà thăm có một lần, nhưng tối nay qua câu chuyện vô tình của Tâm tỏ ra vẫn hiện hữu trong đời sống của những người thân của bà.

Cô lo sợ bà sẽ dằn vặt ông đêm nay, điều bà thường làm mỗi khi gặp việc bất ưng. Mà hôm nay bà có quá nhiều điều bất ưng. Cô lắng

nghe động tĩnh bên phòng cha mẹ, để rồi thấy cái lo âu của mình vô ích.

*

28. Cô thức giấc từ lúc sáu giờ sáng. Căn nhà hoàn toàn yên tĩnh. Giấc ngủ ngon quả là có khả năng an thần hiệu nghiệm. Cô vươn vai, nghe trong lòng sảng khoái. Cô nghĩ chuyện tương lai. Thứ hai cô sẽ đi nhận việc, sẽ gặp lại chị Quỳ, sẽ bắt đầu một đời sống mới...

Trong cái êm ả lắng đọng sáng nay, cô thấy mọi chuyện tươi hồng. Cô nghĩ đến mẹ. "Ngoại tình trong tư tưởng..." Cô mỉm cười một mình, lẩm nhẩm mấy chữ mẹ cô dùng để trách ba cô. Cô để thấy chút gì ngộ nghĩnh ngay trong cái ghen tuông quá đáng của bà.

Đêm qua chắc ba mẹ cô đã ngủ ngon. Bên kia vách tường, chắc hai ông bà cũng đã thức giấc, cũng đang nằm hưởng cái thư giãn cô đang hưởng, và cuộc sống cũng có những lúc nhẹ nhàng tươi sáng cho tất cả mọi người, dù có người khó tính đến đâu... Cô nghĩ đến những bất an tối qua đã ám ảnh cô, và cười thầm là mình cả lo.

*

Tiếng mẹ cô hét thất thanh từ phòng bên làm cô giật mình.

"Trời đất ơi là trời đất ơi..."

Cô nín thở, nghe ngóng. Lại có tiếng mẹ cô hét, lần này lẫn với tiếng chân chạy ra hành lang. Cô vùng dậy vừa lúc cửa phòng mở toang. Mẹ cô hiện ra mếu máo:

"Hoàng ơi, con ơi... Ba con đi rồi, con ơi. Hoàng ơi, ba bỏ mẹ con mình đi rồi..."

Cô chạy sang phòng cha mẹ, thấy chăn mền bừa bãi, một chiếc gối nằm lăn lóc dưới đất bên chiếc đèn đổ nghiêng. Ba cô vẫn nằm nguyên trên giường, nét mặt thanh thản như đang ngủ say.

"Ba ơi ba..."

Cô vừa lay ông vừa gọi. Ông không trả lời. Cô vả mạnh má ông, ông vẫn vô tri vô giác. Cô không tìm thấy mạch cổ tay ông, cô cũng không thấy ông thở. Cô áp tai vào ngực ông cũng không nghe thấy tiếng tim đập.

Cô chồm tới chụp chiếc điện thoại đầu giường gọi số cấp cứu cô đã để tâm thuộc lòng từ hôm ông ngã bệnh, rồi cô tức tốc làm hồi sinh nhân tạo cho ông. Nhớ lại tức thì bài học cấp cứu của hồi còn đi học, cô ngồi ngang người ông, hai cườm tay nhịp nhàng đè xuống ngực ông để trợ giúp tim mạch tuần hoàn, vừa làm vừa đếm, một giây một lần, cứ năm lần lại cúi xuống thổi hơi vào miệng ông.

Cô thực hiện những động tác trên, máy móc đều đặn. Năm phút, mười phút trôi qua, ông vẫn chưa tỏ ra dấu hiệu hồi sinh. Chẳng mấy chốc trán cô lấm tấm mồ hôi. Mười lăm phút, cô tạm ngưng một giây, đặt tay lên cổ ông tìm mạch mà không thấy. Cô vội vã trở lại làm tiếp những động tác cấp cứu. Cô biết linh hồn ông còn quanh quẩn đâu đây, và với rất nhiều may mắn, với rất nhiều nỗ lực, cô sẽ níu ông trở lại thân xác này.

Hai mươi phút, nửa giờ trôi qua... Thời gian dài như bất tận... Cô như lòa đi vì nước mắt lẫn mồ hôi từ trán đổ xuống, hai vai cô rã rời, cô nghe vọp bẻ đau đớn như đòn gánh ai quật ngang lưng... Nhưng cô biết cô không thể ngưng nghỉ, không thể buông tay để ông rơi xuống vực thẳm của thần chết.

Miệng cô khô đắng, tim cô đập đổ hồi, hơi thở cô dồn dập và rát bỏng trong lồng ngực. Sức lực cạn dần, cô vô cùng đơn độc trong trận chiến mỗi phút mỗi tuyệt vọng với tử thần.

Cô sắp lả đi thì xe hồng thập tự tới. Nhân viên cứu thương vội vã thay thế cô làm việc hô hấp nhân tạo. Họ sang nước biển, chích thuốc hồi sinh cho ông và sửa soạn chở ông đi nhà thương.

*

Nhìn hai đồng tử ông mở lớn, cô biết ông đã qua đời. Tử biệt sinh ly là chính lúc ấy. Hai chân cô nhũn xuống, ruột cô trống trải, đầu cô chơi vơi chao đảo. Cô xụp xuống chiếc ghế gần nhất.

Mấy nhân viên cấp cứu khiêng ông ra xe. Mẹ cô rảo bước theo sau. Cô nói với theo:

"Đêm qua mẹ lại dằn vặt ba phải không?"

Đang hối hả sau băng ca chồng, bà khựng lại như người vừa trúng thương. Bà ngơ ngác nhìn cô, sợ hãi lẫn ngạc nhiên trong ánh mắt. Cô không nghe ân hận, chỉ thấy thần trí tỉnh táo và trống vắng ghi nhận hiệu quả tàn ác của lời cô nói. Như người mất hồn, bà chạy tiếp ra xe hồng thập tự, leo lên ngồi bên ông.

Người nhân viên cứu thương cuối cùng băng ngang cô để ra xe. Anh ta nói vội, "Cô muốn theo bệnh nhân thì nhanh lên." Cô không trả lời, mà anh ta cũng không đợi. Xe mở còi hụ chạy ra đường, đèn pha trước bật sáng chưng, đèn cấp cứu trên mui lập lòe quay tít.

"Ba ơi, con vĩnh biệt ba."

Cô lẩm nhẩm nói một mình. Cô nghe một phần trong cô cũng vừa chết theo ông.

(còn tiếp)

GHI NHẬN ĐÓ ĐÂY

Chuyện Những Chiếc Cầu

Gần đây, một cuốn sách gây xôn xao lớn trong giới đọc sách, sáng tác cũng như xuất bản Mỹ có nhan *The Bridges of Madison County*, của Robert James Waller, do Warner Books xuất bản năm 1992. Xôn xao bởi vì cuốn sách đã giữ nguyên vị trí bán chạy hàng đầu trong suốt 58 tuần lễ qua, trên danh sách của The New York Times, và chỉ bị xuống hàng thứ hai có một tuần lễ, rồi trở lại vị trí dẫn đầu như cũ.

Đây là một cuốn tiểu thuyết mỏng, chỉ 171 trang cỡ nhỏ (5.5 x 8.5), thuật lại một mối tình lãng mạn giữa một nhiếp ảnh viên và một phụ nữ có chồng nông gia ở quận Madison, Iowa. Robert Kincaid, một nhiếp ảnh gia từ tiểu bang Washington nhân một chuyến du hành về miền Trung Tây nước Mỹ, chụp hình những chiếc cầu có mái che còn sót lại trong vùng Iowa cho tạp chí *National Georgaphic*, gặp Francesca Johnson, một phụ nữ gốc Ý đã theo chồng là một quân nhân Mỹ về sinh sống tại quận Madison, Iowa sau khi Thế chiến thứ hai chấm dứt. Gặp nhau trong lúc Kincaid dò đường tìm đến cây cầu thứ bảy, hai người đã nhanh chóng trở thành tình nhân trong lúc chồng con của Francesca đang tham dự hội chợ canh nông ở Chicago. Trong bốn ngày tiếp theo, hai người đã sống bên nhau, tận hưởng tình yêu lãng mạn trong khung cảnh thôn dã. Khi chia tay, Kincaid chỉ để lại một địa chỉ, Francesca trở lại tiếp tục sống đời sống của một người vợ bên chồng con, và kể từ đó cho đến hai mươi năm sau, hai người đã không có tin tức gì của nhau. Mãi cho đến sau khi chồng chết, Francesca mới nghĩ đến việc liên lạc với Robert Kincaid, nhưng chỉ hoài công, vì địa chỉ đã quá cũ. Một hôm, Francesca nhận được một gói hàng gởi bảo đảm, do một luật sư chuyển đến mới biết ra Robert Kincaid đã chết. Thùng hàng có một bức thư của luật sư, một chiếc máy ảnh của Robert Kincaid, một thư của chàng và một chiếc mề đay trên có khắc tên Francesca mà Robert đã mang trên người từ lúc chia tay cho đến khi chết. Thư của luật sư thông báo cho Francesca biết là theo ý nguyện của Robert Kincaid, xác được hoả thiêu, tro đem rải ở con suối nơi có chiếc cầu có mái che ngày trước Francesca đã dẫn chàng đến. Ngoài ra còn có một bức thư của Robert Kincaid, bày tỏ tình yêu dành cho Francesca trong suốt khoảng thời gian sau khi hai người chia tay. Từ đó, Francesca nâng niu những di vật của chàng trong những ngày còn lại của đời mình, và trước khi chết, Francesca đã để lại thư cho hai con, kể rõ câu chuyện giữa hai người, và di chúc

rằng sau khi chết, xác của mình phải được hoả thiêu, tro sẽ rải lên con suối ở chiếc cầu như Robert đã làm. Hai con đã theo lời di chúc của mẹ. Khi xong việc, họ khám phá ra bức thư, hiểu rõ câu chuyện tình của mẹ, nên đã kể lại cho nhà văn.

Cuốn sách ra đời do kết quả của những lời trần tình của hai người con. Tác giả, Robert James Waller, ngoài việc sáng tác, còn là một nhiếp ảnh gia, nên đã thấy hứng thú khi kể lại chuyện tình của một nhiếp ảnh gia.

Giới đọc sách xôn xao, vì trong hằng hà sa số những sách truyện hiện có trên thị trường, ít khi tìm ra được một cuốn sách mô tả một mối tình lãng mạn, đam mê, và lôi cuốn như The Bridges of Madison County, mà lại không có những cảnh bạo động, những cuộc tình trác táng, hay những chuyện liên quan đến những vấn đề xã hội như phá thai, bạo hành, giết chóc, v.v... Một số độc giả đã ví *The Bridges với Love Story*, và cho đó là một tiểu thuyết đáng đọc của thập niên 90, như người ta đã say mê *Love Story* trong thập niên 60. Nhưng hẳn nhiên không phải ai cũng đọc để tìm thấy những tình cảm lãng mạn êm đềm trong cuốn sách. Có người đọc vì tò mò, muốn biết xem tại sao cuốn sách đã thu hút vợ mình trong những ngày nghỉ hè quý báu, có người đọc chỉ vì không có sách gì khác để đọc. Nhưng dù đọc sách vì lý do nào đi nữa thì giới tiêu thụ cũng đã ngốn hết hơn bốn triệu cuốn trong vòng một năm qua.

Lúc phát hành lần đầu tiên, cả nhà xuất bản lẫn tác giả không ngờ rằng sách sẽ bán chạy như thế. Lần in đầu chỉ có 29,000 bản, nhưng chỉ trong vòng năm đầu, sách đã phải tái bản 44 lần, với số in lên đến hơn ba triệu bản và hiện đang tiếp tục giữ ngôi vị số 1 trên danh sách bán chạy nhất. Gần đây, nhà xuất bản đã âm thầm tăng giá, một việc mà từ trước đến nay ít khi thấy, từ $14.95 lên $16.95. Đối với tác giả, đây là một sự đầu tư có nhiều lợi nhuận nhất: ông chỉ mất có hai tuần để hoàn tất cuốn tiểu thuyết.

Trong khi giới đọc sách đua nhau đến các tiệm sách, giới sáng tác cũng có những phản ứng của họ. Khởi đầu, Gary Trudeau, chuyên vẽ tranh truyện đăng từng kỳ trên các nhật báo ở khắp nước Mỹ, đã vẽ tranh về The Bridges, vẫn dưới tên ông thường dùng cho những chuyện bằng tranh của mình là Doonesbury. Tiếp theo đó đã thấy xuất hiện những cuốn sách có tên nhại theo tác phẩm. Kevin Cowherd viết một cột trên nhật báo Baltimore Sun có nhan *The Ridges of Baltimore County*, với một nhân vật có tên Walt Peterson, một người làm nghề diệt dán. Ngoài ra còn có *The Ditches of Edison County* của Ronald

Richard Roberts, còn có tên là Billy Frolick, sẽ xuất bản vào tháng 11 năm nay, và bảo đây là món quà thích hợp nhất để tặng người yêu trong dịp Valentines năm tới.

Có người đưa ý kiến là những sáng tác có ý nhại lại *The Bridges* cũng là một hình thức tâng bốc cuốn sách, cho dù tác gia của họ đã chủ ý khích bác hay làm trò cười khi viết những cuốn sách có nhan tương tự. Nói gì thì nói, từ hiện tượng này người ta đã rút ra được một điều cốt yếu: sách bán chạy không nhất thiết là sách hay, có giá trị văn chương, hay đáp ứng được nhu cầu tìm đọc của độc giả một cách đồng đều. Riêng đối với tác giả, ông cũng không thất vọng khi mình không phải là người trúng độc đắc trên 100 triệu đồng trong kỳ xổ số gần đây ở các tiểu bang miền Trung Tây nước Mỹ. Ít ra thì tiền bản quyền của sách đã bán sẽ đem lại cho ông một số tiền lớn bất ngờ.

Salman Rushdie tái xuất hiện

Sau nhiều năm ẩn dật trốn tránh cái án tử hình do ông đạo Ayatollah Khomeini tròng vào cổ vì cuốn *The Satanic Verses*, Salman Rushdie đã xuất hiện ở Luân Đôn tối hôm 20 tháng 9 để nhận giải thưởng xuất sắc nhất trong số những người được giải Booker trong hai mươi lăm năm qua.

Giải Booker là một giải thưởng văn chương rất uy tín của Anh, trao cho những tác gia người Anh, người Ái Nhĩ Lan, Nam Phi, hay công dân của một quốc gia trong khối Thịnh vượng chung. Salman Rushdie đoạt giải này vào năm 1981, với tác phẩm *Midnight's Children*, nay lại được giải thưởng xuất sắc nhất trong số những người đã đoạt giải Booker trong 25 năm qua. Cùng vào chung kết trong dịp này có tác phẩm *Rites of Passage* cuả William Golding (đã qua đời vào đầu năm nay, giải Nobel năm 1985 với tác phẩm Lord of the Flies), trong khi Anthony Burgess đã bị loại.

Lúc được giải Booker năm 1981, Salman Rushdie nói là chính giải thưởng đã làm thay đổi đời ông. Bước vào làng văn với tác phẩm đầu tay bán không quá 900 bản, nhưng nhờ giải thưởng, *Midnight's Children* đã bán hơn 43000 cuốn. Rushdie tuyên bố: "Giải Booker đã làm thay đổi đời tôi một cách sâu xa. Trước khi được giải, sự nghiệp văn chương của tôi chẳng mấy sáng sủa. Tôi có được tự tin. Tôi bước vào làng văn ở Luân đôn như một người lạ, nhưng khi chạy trốn khỏi làng [vì cái án tử hình], trong tay lại có một tấm ngân phiếu, nên tôi cảm thấy dễ chịu."

Giải Booker không những chỉ thay đổi cuộc đời và sự nghiệp của

Rushdie, nhiều nhà văn khác cũng đã lên tiếng về ảnh hưởng lớn lao của giải. Bernice Rubens, tác gia đoạt giải năm 1970 với tác phẩm *The Elected Member* phát biểu: "Đối với tôi, giải Booker đã đem lại tiền tác quyền nơi các nhà xuất bản Mỹ hay các nhà xuất bản ngoại quốc. Không ai có thể sống nhờ vào tiền tác quyền của các nhà xuất bản Anh. Ngoài ra họ còn ghi lên bìa sách những sáng tác về sau là "Giải thưởng Văn Chương Booker", khiến cho người mua có cảm tưởng chính cuốn sách đó là tác phẩm đoạt giải."

Thành lập năm 1969, giải thưởng Booker đã đạt được tầm quan trọng mà giải Goncourt Pháp phải mất 53 năm mới có được. Lúc ban đầu, trị giá hiện kim của giải là 5000 bảng Anh, bây giờ đã lên đến 20,000 bảng, tương đương $30,000 Mỹ kim.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Ly van Van Stuttgart Germany, Hoang Trọng Lan, Calgary Canada, Đinh Hoang Phan Prairie Texas, Tôn Thất Chiểu, Langley Park MD, Lê thị Thấm Vân Milpitas CA, Huỳnh hữu Cửu Westminster CA; Nguyễn Như Khuê Springfield VA; Nguyễn văn Hoa Newton KS; Lê Bửu Tấn Reseda CA; Hoàng Xuân Sơn Montréal; Nguyễn Quang Trực Florida, Xuyen Nguyen Cupertino CA, Kim Fitzgerald Hawaii, Hoang Chieu Nhan Brossard Quebec, Thuy Nguyen Downey CA.

Bài vở nhận được trong tháng 8-1993:

Bàn tay cụp bàn tay xòe gửi từ Germany, *Ngày hẹn ở biển xưa* gửi từ Springfield VA, *Về Châu Đốc* gửi từ Canada, *Rồi mai phố thị em về, Nhủ lòng, Bất lực, Thân phận* gửi từ San Jose CA, *Bản tin Miền Nam* số 68 San Jose, *Nhớ anh Võ Ngọc Trác, Buồn Lô Dung* gửi từ Montréal, *Ở khác chỗ, Thăm hỏi, Lễ thường, Mở giấc* gửi từ San Francisco, *Thuyền tôn đặc san* gửi từ Montréal, *Bên sông nước cuốn* gửi từ Paris France; *Danh mục triển lãm tranh La Toàn Vinh tại Troyes France; Lửa người* gửi từ VN;

Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Đính chính: Trong bài *Bức tranh sen và chiếc đồng hồ* của Hoàng Liên Văn Học số 89, trang 59 dòng 3 xin đọc là **phiêu dật** thay vì **phiêu dạt**. Văn Học xin cáo lỗi cùng độc giả và tác giả Hoàng Liên.

Sách mới nhận được trong tháng:

Huyền ca, Diễm ảnh, tập thơ của Dương Huệ Anh, Trung tâm Nghiên cứu Học thuật và Đông y, San Jose CA xuất bản, dày 100 trang, sách tặng không đề giá bán.

Đường nào có hoa đào, tập thơ Dương Huệ Anh, Phương Đông, San Jose CA xuất bản, dày 100 trang, có phụ lục tiểu sử tác giả và ý kiến của Trình Xuyên, Thu Vân, Ba Tê, Hoàng Ngọc Thúy, Thái Uyên. Giá mỗi tập 8 Mỹ kim.

Quê hương Vĩnh cửu Tình yêu, tập thơ của Dương Huệ Anh, Phương Đông San Jose CA xuất bản, phụ lục các bản tin báo tường thuật buổi ra mắt thơ và ý kiến của các thân hữu của tác giả. Sách tặng không đề giá bán. Bạn đọc ở xa muốn có ba tập thơ của Dương Huệ Anh xin liên lạc về Hpt Van Hoc Nghe Thuat, 1923 Mt. Plesant Rd. San Jose CA 95148 USA

Tình yêu trong Danh ngôn và Thi ca, bộ sưu tập đầy đủ đồ sộ những danh ngôn kim cổ về tình yêu cùng những bài thơ tình hay nhất của Việt Nam và thế giới từ xưa đến nay của Nguyễn Hoài Thương, bút hiệu của Ông Nguyễn Hùng Trương, giám đốc nhà xuất bản Khai Trí. Đây là cuốn sách ra mắt của nhà xuất bản Khai Trí tái hoạt động tại hải ngoại. Sách dày 610 trang, giá 25 Mỹ kim. Cuốn sách không thể thiếu của những người đã, đang và sắp yêu nhau.

Danh ngôn Tình yêu, Nguyễn Hoài Thương sưu tầm và tuyển chọn, Khai Trí xuất bản, gồm trên hai nghìn câu danh ngôn từ xưa đến nay nói về tình yêu, đàn ông, đàn bà, hôn nhân và hạnh phúc.Đây là phần đầu của bộ sưu tập dài 610 trang nói trên, được tách riêng thành cuốn mỏng hơn, dày 300 trang, giá bán 15 Mỹ kim.

Thơ tình chọn lọc, cũng do Nguyễn Hoài Thương tuyển chọn, gồm gần 300 bài thơ tình của trên 150 nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam và ngoại quốc. Các nhà thơ hiện ở hải ngoại có tên trong tuyển tập thơ tình khá đông: Nguyên Sa, Võ Phiến, Cung Trầm Tưởng, Huy Lực, Viên Linh, Huy Trâm, Trần Hồng Châu, Đỗ Quí Toàn, Trần Dạ Từ, Thanh Tâm Tuyền, Hoàng Anh Tuấn, Hà Thúc Sinh, Du Tử Lê, Hà Huyền Chi, Song Hồ, Nhất Tuấn, Nguyễn Bá Trạc, Hoàng Duy, Luân Hoán, Ngu Yên, Duy Lam, Huệ Thu, Định Nguyên, Thái Tú Hạp, Nguyễn Đức An, Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn thị Vinh, Minh Đức Hoài Trinh, Nhã Ca, Vi Khuê, Bùi Bích Hà, Trần Sa, Như Chi, Trần Mộng Tú, Trịnh Gia Mỹ... Sách dày 300 trang. Giá 15 Mỹ kim. Sách hiện có bày bán tại các nhà sách. Bạn đọc ở xa liên lạc

Nhà xuất bản Khai Trí P.O. Box 2301 Westminster CA. 92683 USA. Phone (714) 897-3356

Literature in South Vietnam 1954-1975, của Võ Phiến, bản dịch sang Anh ngữ cuốn Hai mươi năm văn học Miền Nam-Tổng quan của cùng tác giả do Văn Nghệ xuất bản trước đây. Bản dịch của Võ Đình, Vietnamese Language & Culture Publications Melbourne Australia xuất bản. Cuốn sách vô cùng cần thiết cho những bạn trẻ thông thạo Anh ngữ muốn tìm hiểu văn chương Miền Nam trước 1975 mà không còn đủ trình độ Việt ngữ để đọc bản tiếng Việt, và dĩ nhiên cũng rất cần thiết cho các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam. Địa chỉ liên lạc của nhà xuất bản: Vietnamese Language & Culture Publications, P.O. Box 133 Pascoe Vale South, Victoria 3044, Australia.

Nét phẩy bên ngàn, tập trường thi của Nguyễn Tiến, Thời Văn xuất bản, tranh bìa của họa sĩ Võ Đình, phụ bản tranh của Khánh Trường, Nguyên Khai, Võ Đình. Tập trường thi viết theo thể lục bát chia theo từng khúc bốn câu, lấy cảm hứng từ tư tưởng Phật giáo. Ngôn ngữ thơ vì vậy nặng tính tư tưởng, nhưng lối dùng chữ ghép ý thường táo bạo, phá cách chịu nhiều ảnh hưởng của Bùi Giáng. Hãy đọc khúc 99:

Trong bát nhã có tâm kinh
Trong tâm kinh có bình minh cõi người
Trong cõi người có đười ươi
Trăm sông nghìn suối chảy xuôi vô bình.

Sách in đẹp, trình bày trang nhã trên nền giấy lam nhạt. Giá mỗi tập 10 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Tiến P.O. Box 51634 San Jose CA. 95131-5634 USA. Phone: (408) 270-9593

Những giờ đã mất, bộ trường thiên dày 2012 trang in thành 5 tập gồm: Lan Đại nương tử, Xuân Di, Minh Hằng, Bạch Cúc Hoa, Dư Hương của Võ Thánh Tâm. Người đọc choáng váng ngạc nhiên về chiều dày của bộ sách, và càng choáng váng ngạc nhiên hơn khi đọc. Với lối viết còn nặng ảnh hưởng truyện chương hồi của Trung hoa, từ mạch truyện kể cho tới tâm lý nhân vật, đối thoại, tác giả làm cho những người đọc đã quen với lối viết mới bối rối. Tác giả viết ở đầu cuốn 1: "Trên mấy trang giấy vẩn vơ này chứa đựng mớ câu chuyện rất tầm thường nhạt nhẽo, chỉ mong góp nhặt lại vài kỷ niệm êm ái nhất, những giây phút hồn nhiên nhất, vang bóng nhất của thời tuổi trẻ". Thời tuổi trẻ này, theo Võ Thánh Tâm cho biết, là năm 1958, lúc ông viết bộ sách. Tác giả tự xuất bản, Nhà Văn Nghệ tổng phát hành. Sách tặng không đề giá bán.

Bạn muốn hiểu rõ về TÌNH YÊU

Bạn muốn thưởng thức hương vị ngọt ngào cùng bao nỗi đắng cay của TÌNH YÊU

Bạn muốn tận hưởng cái thú vị trong các câu danh ngôn kim cổ cùng các áng văn hay về TÌNH YÊU của các nhà thơ danh tiếng. Bạn nên tìm đọc một trong ba quyển sách do:

NGUYỄN HOÀI THƯƠNG sưu tầm và tuyển chọn

TÌNH YÊU

TRONG DANH NGÔN VÀ THI CA

Có thể nói đây là bộ KINH TÌNH YÊU hay nói đúng hơn một TÚI KHÔN về TÌNH YÊU, dùng làm món quà thanh nhã tặng người thân yêu thì không còn gì quý hơn.

Sách dày gần 600 trang giá 25 MK

DANH NGÔN TÌNH YÊU

Gồm trên 2000 câu danh ngôn từ xưa đến nay nói về tình yêu, đàn ông, đàn bà, hôn nhân và hạnh phúc

Sách dày 300 trang giá 15 MK

THƠ TÌNH CHỌN LỌC

Gồm gần 300 bài thơ tình hay của trên 150 nhà thơ nổi tiếng Việt Nam và ngoại quốc

Sách dày gần 300 trang giá 15 MK

Ở xa gởi mua sách không phải trả thêm cước phí.

Chi phiếu xin đề cho: NGUYỄN HÙNG TÂM

NHÀ XUẤT BẢN KHAI TRÍ

P.O. Box 2301

WESTMINSTER, CA 92683

Đ.T. (714) 897-3356

TÌM ĐỌC:

Tập truyện

đôi bờ

Lê Thị Thấm Vân

... M. có hai điều kiện cốt yếu: thành thật và tâm hồn. (Khi mình thành thật, mình có lập dị nó vẫn duyên dáng. Khi mình có tâm hồn, mình có vụng về nó vẫn xúc động người khác). Ngoài ra M. có khả năng, cứ thế mà tiến...

Như Hạnh. Virginia, HoaKỳ.

... Lê Thị Thấm Vân là nhà văn mới và trẻ. Tập truyện phản ảnh đời sống người Việt trẻ tuổi tại Hoa Kỳ. Lời văn trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc. Tác giả viết tự nhiên và chân thành, không theo thời thượng, nhưng có phong cách và nghệ thuật.

Cần đọc để tiếp cận với nghệ thuật và ngôn ngữ trẻ ở hải ngoại ...

Đặng Tiến. Báo Diễn Đàn, Pháp.

Sách có bày bán tại các nhà sách. Hoặc liên lạc:

Trần Mạnh
P. O. Box 360923
Milpitas, CA 95035

Giá 8 Mỹ kim, tính luôn cước phí.

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CỐI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAYOUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CAY NHỨT
- TRONG MOI DICH VU AN LOAT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

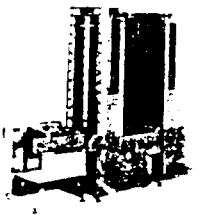

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối da khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

P.O.BOX 2301, Westminster, CA 92683. USA
Phone: **(714) 527-5761**
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **Quê** - *Tác phẩm mới của* Võ Phiến 6MK
- **Minh Triết Trong Đời Sống**
  Darshami Deane, Nguyên Phong *dịch* 12MK
  (Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)
- **Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam**
  Hồ Sĩ Khuê *(Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)* *16MK*
- **Tự Do Trong Lưu Đày** - *Tự truyện* Đức Đạt Lai Lạt Ma
  Chân Huyền & Chân Văn *dịch (Tái bản sau 3 tháng của ấn bản đầu)* 14MK
- **Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải**
  Nguyễn Bá Trạc 10MK
- **Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê *dịch* 14MK
- **Tiểu thuyết I** *(Tập chót của* Võ Phiến *trong toàn tập)* *15MK*

SÁCH PHÁT HÀNH

- **Cát Bụi Chân Ai** - *Hồi ký* Tô Hoài 12MK
- **Quyển Truyện Không Tên** - *Hồi ký* Hồ Dzếnh 7MK
- **Quê Ngoại 2, Tiếng Hát Thiên Nga** - *Thơ* Hồ Dzếnh 7MK
- **Cuối Đêm Dài** - *Truyện* Nguyễn Thị Thanh Bình 10MK
- **Hoa Tạng Trần Tư** - *Thơ* Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng 6MK
- **Một Khoảng VNCH Nối Dài** - *Hồi ký* Tạ Chí Đại Trường 16MK

SÁCH ĐANG IN

- **Mây Bão** - *Tiểu thuyết* Ngô Thế Vinh
- **Hành Trình Về Phương Đông II**
- **Nước Tôi Và Dân Tộc Tôi** - *Hồi ký* đức Đạt Lai Lạt Ma
- **Tuân Tử** - Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê *dịch, giới thiệu*
- **Ký - Bút - Kịch I** *(Trong bộ Văn Học Miền Nam)* Võ Phiến
- **Tùy Bút I** - Võ Phiến *(tái bản)*
- **Ký Thác** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Cuống Rún Chưa Lìa** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Phương Tiện Thiện Xảo** - Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện *dịch*

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK bưu phí cho sách dưới 10MK và thêm 2MK cho sách trên 11MK. Liên lạc lấy thư mục hơn 200 tên sách khác.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.
Tel: **(714) 527-5761**

Giá $3.50